

NGUYỄN MINH-THIỆN

Việt dịch

TAM-TÔNG MIẾU

**CHÂU - DỊCH**

**XIÊN CHƠN**

TÉ-PHÁC TÂN-NHƠN NGỘ-NGUYÊN TỬ  
LƯU-NHỨT-MINH Ở NÚI THÊ VĂN THUẬT

IN TẠI NHÀ IN TRƯỜNG SƠN

NĂM QUÍ - MÃO

1963

TAM TÔNG MIẾU

CHÂU DỊCH XIỂN CHƠN

TẾ-PHÁC TÁN-NHƠN NGỘ-NGUƠN TỬ,  
LƯU-NHỨT-MINH Ở NÚI THÊ-VÂN THUẬT

NGUYỄN MINH THIỆN

Việt dịch

CHÂU DỊCH  
XIÊN CHƠN

## THAY LỜI GIỚI THIỆU

Cổ như Đạo Dịch giải bày,  
Thánh-Nhơn lưu lại đời nay xem tường.  
Ngộ-Nguơn Tế-Phác Tán-Nhơn,  
Dựa vào "Châu-Dịch" giải chơn Đạo mầu.  
Châu-Dịch Xiển Chơn tóm thâu,  
Biểu-dương Dịch-Lý trong bầu càn-khôn.  
Âm-Dương Kiên Đạo khai môn,  
Ngũ-Hành, Ngũ-Khí, bảo-tồn trước sau.  
Cụ Minh Thiện dịch lý sâu,  
Đơn kinh lưu lại đời sau tu hành.  
Hà-Đồ, Long-Mã tượng hình,  
Ngũ-Hành nghịch vận qui-trình Ngũ-Nguơn.  
Lạc Thơ diệu hóa Kim Đơn,  
Thần-Qui sông Lạc, Âm-Dương lộ hình.  
Đạo Trời hóa hóa sanh sanh,  
Nhị-Nguyên phân bốn trở thành Nhứt-Nguyên.  
Châu-Dịch minh giải Đạo Thiên,  
Hậu-Thiên đối lại Tiên-Thiên Hà-Đồ.  
Đi ra biến hóa Lạc-Thơ,  
Đi vào đối lại Hà-Đồ phục qui.  
Người xưa liễu đạt chơn tri,  
Chỉ đường dẫn lối thực thi Đạo mầu.  
Kính mời xem sách cho mau,  
May ra phát-hiện ngọc châu nơi mình.  
Nhứt lý thông, vạn lý minh;  
Trên đường tiến-hóa đạt thành phẩm cao.

# TỰA

## Của Dịch Giả

\* \* \*

Châu Dịch là cuốn kinh do ba vị Thánh-nhơn trào nhà Châu trú-tác. Chẳng phải ba vị cùng viết một lượt, - vì ba vị chẳng phải đồng thời - mà đời này sang đời nọ, cuốn kinh ấy lần lần dựng bổ túc cho đến hoàn mãn. Ba vị Thánh-nhơn này là: Văn-Vương, Châu Công và Khổng Tử.

Các Ngài lấy tám quẻ chiếc của vua Phục Hi mà chồng lên, hai quẻ chiếc làm một quẻ đôi, thành ra có 64 quẻ (8 X 8). Mỗi quẻ có 6 hào thành ra có 384 hào (6 X 64). Mỗi quẻ nói về đại tượng, luận về phần chung (tổng quát). Còn mỗi hào nói về tiểu tiết, chỉ mỗi trường hợp riêng (đặc biệt).

Lúc vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, xét vì Châu Dịch là sách bốc-phệ, nên nhà vua truyền lệnh không cho đốt sách này, nhờ đó mà nó dựng tồn tại đến ngày nay. Cho nên trong ngũ kinh, chỉ có cuốn Châu Dịch là dựng giữ trọn đủ mà thôi.

Ông Ngô Nguơn Đạo, nhân dựa vào sách Châu Dịch nói trên, mà làm ra cuốn "Châu Dịch Xiển Chơn" này. Chánh văn thì giống, mà lời giải thích thì rờng thuộc về đạo Kim-đơn.

Kim-đơn nghĩa là gì? Xin xem hai bài thơ sau này thì rõ Kim-đơn là bốn-tánh, chớ không phải có nghĩa là thuốc

*trường sanh, hễ uống vào thì sống vĩnh viễn, theo như  
phần đông thiên hạ lầm tưởng.*

**Bài thơ chữ Hán:**

Tiên-thiên bốn-tánh thị Kim-đan,  
Bát quái lư trung luyện tác hoàn.  
Cử thể mê đồ tầm ngoại dược,  
Thân xan, vọng tưởng thượng vân đoan.

**Dịch ra tiếng Việt:**

Bốn-tánh tiên-thiên ấy gọi đơn,  
Trong lò bát-quái luyện thành huờn.  
Trong mê tìm thuốc ngoài thân thể.  
Vừa uống tưởng đâu mây đờ chơn.

**Lại có một bài khác:**

Bốn-lai chơn-tánh hiệu Kim-đan,  
Tứ đại vi lư, luyện tác đoan.  
Ngộ chi giả, lập tề thánh-vức,  
Mê chi giả, vạn kiếp trầm luân.

**Dịch:**

Bốn-lai chơn-tánh gọi Kim-đơn,  
Tứ đại làm lò, luyện hiệp huờn.  
Kẻ hiểu tức thì về thánh-vức,  
Người mê muôn kiếp chịu trầm luân.

*Ông Ngô Nguơn Đạo bình sanh có trí thuật mấy  
quyển "Tam Dịch Chú Lược", nhờ ông Dương Phương  
Xán đề tựa để truyền bá trong dân gian. Rồi lại thêm xuất  
bản cuốn "Châu Dịch Xiển Chơn" này, cũng yêu cầu ông*

ấy để tựa nói về lý-do cuốn sách này ra đời.

Nguyên đạo-nhơn là người đã sớm từ thuở thanh-niên, chuyên cần học Đạo-thơ, sau gặp ông Khám Cốc lão hơn giải thêm gốc nguồn tà chánh, lại nhờ Tiên-Lưu Trọng chỉ rõ chơn nguyên bí-diệu và cho biết: Đơn-đạo tức là Dịch-đạo, Thánh-đạo tức là Tiên-đạo.

Kinh Dịch không phải là sách bói (bốc-phệ), hay là kinh cúng dường để cầu phước trừ họa (kinh luyện độ). Kinh Dịch thiết là sách dạy học: "Cùng lý, tận tánh, dĩ chí ư mạng". Mà lý, tánh, mạng cũng đồng một bản-thể (nhứt nguyên), nhưng khi nó ở tại vật thì gọi là Lý, ở nơi người thì gọi là Tánh, ở trên trời thì gọi là Mạng.

Sau khi xem sách Tham Đồng Khế của ông Ngụy Bá Dương, ông bổ túc thêm những chỗ còn thiếu sót, tham cứu những lý tột cùng huyền áo, bày giải các phép đã dựng kinh nghiệm, ngõ hầu qui hết về một gốc Đạo.

Lời ông rất gọn, mà nghĩa rộng rãi; câu văn tuy cạn, mà ý-chỉ sâu xa, rất có công về Tánh Mạng học. Thiết đạo-nhơn mới phải là người thông hiểu được kinh Dịch!

Kinh "Châu Dịch Xiển Chơn" có hai cuốn: Cuốn thượng luận về Kim-dơn Đại Đạo là phần tổng quát, chia ra 12 chương: Hà-đồ, Lạc-thơ, Đồ-thơ hiệp nhứt, v.v... (coi mục lục). Còn cuốn hạ giải nghĩa từng quẻ, từng hào, đó là luận về phần chi-tiết.

Nay tôi xin phiên dịch cuốn thượng, để cầu các bậc cao-minh chỉ giáo thêm cho. Nếu sau có đủ phương-tiện, tôi sẽ cho in tiếp cuốn hạ, cho đủ bộ sách "Châu Dịch Xiển Chơn".

Người phiên dịch,

**NGUYỄN MINH THIÊN**

Sài-gòn, ngày 15 tháng 5 Quý-Meo (5 Juillet 1963)

DỊCH LÝ  
XIỂN CHƠN

# TỰA

\* \* \*

Các Đơn-kinh bắt đầu trứ-tác từ ông Ngụy Bá Dương chơn-nhơn, ở đời hậu Hán.

Khi chơn-nhơn thành Đạo rồi, Ngài thương kẻ thế học Đạo bị bàng-môn tà thuyết mê hoặc, chẳng rõ được Đại Đạo của Thánh Hiền, thành ra luống mất một đời sống, tới già không làm chi nên việc.

Cho nên Ngài mới dựa theo lý kinh Dịch mà làm ra cuốn "Tham Đồng Khế", để chỉ cái gốc ngọn (dịch sát là nguồn và dòng) của tánh mạng, sự chơn giả của âm dương, phép tắc tu trì, thứ tự công phu, mượn vật làm tượng-trưng (để chỉ lý không hình), mới có tỉ dụ rất nhiều.

Ngài gọi: Tánh mạng,  
Âm dương,  
Cang nhu (cứng, mềm),  
là Dược vật (vị thuốc);  
gọi: Thứ tự công phu tu trì,  
là Hòa-hậu (thời-biểu dùng lửa);  
gọi: Công phu tu trì đúng đắn,  
là Hạ luyện (đốt rèn);  
gọi: Tu tinh-tiến mạnh mẽ,  
là Vô-hóa;  
gọi: Tu thung-dung lẫn tới,  
là Văn-hóa.

Ngài gọi: Âm dương Cang nhu đặng trung chánh,  
là Kiết đơn;

gọi: Âm dương hỗn hiệp mà thành,  
Cang nhu trọn hóa làm một,  
là Đơn thực (thuốc chín);

gọi: Không tiếng, không hơi,  
Nguơn-thần biến hóa không lường,  
là Thoát đơn.

*Chỗ ngụ ý của Ngài cũng như trong kinh Châu Dịch là xét nghĩ hình dung của mỗi việc, mà vẽ ra hình tượng, để thấy trước mắt, mới có tên Kim-đơn, có thuyết Luyện-đơn, có lý tu trì tánh mạng. Cuốn Tham Đồng Khế ra đời dạy rõ và đủ mỗi việc, tiết lộ hết Thiên-cơ.*

*Chư vị Tiên-chơn thành Đạo sau này đều noi theo tỉ-dụ, tượng-trưng trong cuốn Tham Đồng, mà mỗi người làm ra Đơn-kinh, phát minh những chỗ mà cuốn Tham Đồng chưa phát, chỗ rành càng thêm rành, chỗ rõ càng thêm rõ. Cho nên cái lý tánh mạng chẳng còn chỗ nào úp mở nữa.*

*Mà dường như kinh sách ra càng nhiều, thì con người càng thêm lăm lặc! Kẻ sau học Đạo chẳng đặng chơn-truyền, bèn cho các tỉ-dụ, các tượng-trưng đó là chơn thiết:*

Hoặc lấy Khảm Ly làm tâm thận,  
Hoặc lấy Chấn Đoài làm gan phổi,  
Hoặc lấy quẻ Truân, quẻ Mông làm tý Ngọ bớt thêm,  
Hoặc lấy quẻ Phục, quẻ Cấu làm tâm thận khí sanh,  
Hoặc lấy quẻ Thủy-hỏa ký-tế làm tâm thận giao  
hiệp.

Đến nói họ:

tướng Âm, Dương là con trai, con gái,

tướng Ta, Nó là thể chiến (dâm dục),

tướng Hạ luyện là lò lửa,

Tướng Kim-đơn là thuốc uống,

tướng Hữu-vi là vận chuyển,

tướng Vô-vi là ngồi không,

thù quả là họ nhìn làm vật hậu-thiên có hình, có dạng,  
mà không hiểu cái chơn tiên-thiên không hình, không  
dạng, thành một người dui dẫn hết cả đám dui, chôn mất  
cái bà-tâm độ thể của Thánh Hiền xưa kia.

Ta từ thuở thanh-niên, đã biết cái đại-sự nhân duyên  
này, để ý tham khảo. thù những người trong phái Phật, phái  
Tiên mà ta đã gặp, nghị luận không ra ngoài mấy hàng nói  
trên đó.

Lúc ấy ta cũng nhận như vậy, nào dám bài bác ai.  
Sau gặp Khám Cốc Lão Nhơn mới rõ tà chánh; lại gặp  
Tiên Lưu Trọng Nhơn mới hết ngờ vực. Ta mới biết  
Đơn-đạo tức là Dịch-đạo, Thánh-đạo tức là Tiên-đạo.

Kinh Dịch chẳng phải là sách bói khoa, ấy là môn  
học cùng lý, tận tánh, chí mạng.

Ta chẳng riêng dùng một mình, cho nên khi giải nghĩa  
sơ ba thứ kinh Dịch rồi, bèn thể theo ý của hai vị tôn-sư,  
mà thuật cái ý của ông Bá Dương, đem hết phép tu đơn,  
ấn ngự trong các bảng đồ, các quẻ của Châu Dịch hệ từ,  
bột tỉ dụ, tượng-trưng, mà chỉ rành nghĩa thiệt, bỏ lời cao  
kỳ, mà chỉ dùng câu văn thông thường, để chỉ ngay cho  
người ta biết:

Cái gì là Dục-vật,

Cái gì là Hỏa-hậu,

Cái gì là Tiến-dương,

Cái gì là Thối-âm,  
Cái gì là Hạ-thủ,  
Cái gì là Chi-túc,  
Cái gì là Hạ-luyện,  
Cái gì là Ôn-dương,  
Cái gì là Kiết-đơn,  
Cái gì là Thoát-đơn,  
Cái gì là Tiên-thiên,  
Cái gì là Hậu-thiên,  
Cái gì là Hữu-vi,  
Cái gì là Vô-vi  
Cái gì là Nghịch-vận,  
Cái gì là Thuận-hành.

Lấy tượng-trung trong các đồ, các quẻ, các hào, phân rõ ra làm hai đoạn:

một là tiến dương,  
hai là thối âm,  
thừa trên mà khởi dưới,  
theo một khí quán thông,  
khiến cho kẻ hậu học dễ bề xem đọc.

Còn nói về sách Thập-Dục, thì chỉ ngay ra cái lý của tiên Thánh, kẻ học giả tự mình có thể tìm biết. Cho nên kỳ dư ta không chú nghĩa, chỉ giải sơ một ít điều trong Đại Tượng truyện, Tạp Quái truyện, cho đủ tài liệu tham khảo.

Trong đó có nhiều lời trùng phục (lặp đi lặp lại) cũng như trong kinh Châu Dịch có nhiều tượng-trung trùng-phục. Tuy có lời trùng-phục, mà không có ý trùng-phục.

Khi sách viết xong để hiệu là "Dịch Lý Xiển Chơn", cốt để chỉ rõ cái pháp chơn chánh tu trị tánh mạng.

Vả chẳng kinh Dịch là rộng lắm, là lớn lắm! Kinh ấy nói về chỗ cao xa, không biết đâu là cùng; nói về chỗ cạn gần thì lặng lẽ mà trung chánh; nói về khoảng giữa Trời Đất thì gồm đủ mọi việc. Cho nên khai vật (thấu lẽ vật lý tự nhiên), thành vụ (giúp việc đến kết quả), thông chí-hướng của thiên hạ, định nghề-nghiệp cho thiên hạ, giải chỗ ngờ vực của thiên hạ, không có chi chẳng bao trùm hết, không có chi mà chẳng gồm có đủ.

Có phải chỉ nói một việc mà thôi đâu. Nhưng về chỗ chung qui của nó, đâu đâu cũng đều lấy: cùng lý, tận tánh, chí mạng, làm môn học.

Xiển chơn nghĩa là: chỉ rõ lẽ chơn

về phép cùng lý,

về phép tận tánh,

về phép chí mạng.

Trước tìm hiểu trọn lý tánh mạng.

Sau tu cho rồi công phu tánh mạng.

Tánh mạng tu xong, chỉ còn có Thiên-Lý, thì mới thấy được Bốn-Lai diện-mục theo nhà:

• Nho thì gọi là "minh thiện phục sơ".

Đạo thì gọi là "hườn nguyên phản bốn".

Rồi bắt từ đó mà tu lần tới nữa, là Âm Dương trọn hóa, không tiếng, không hơi, theo nhà Nho thì gọi là:

"Nghĩa tinh nhân thực, chí thành như Thần";

Theo phái Đạo thì gọi là:

"Cửu hườn thất phản, hình thần cụ diệu".

Đến đây đạo Kim-dơn đã trọn, công phu tu tánh

mạng cũng hoàn tất,

Cái ý của ta như vậy, cái ý của các vị Tiên-chơn xưa nay cũng như vậy, thì cái ý trong sách Tham Đồng của ông Bá Dương cũng không có gì là chẳng phải như vậy.

Đời Đại Thanh, vua Gia Khánh, năm thứ ba, nhằm năm Mậu Ngũ, mùa xuân, tháng giêng, tiết ngươn tiêu, Tổ Phác tán nhơn, Ngô Nguơn tử, Lưu Nhứt Minh tự mình đề bài tựa nầy ở trong hang Tự Tại (Tự Tại oa).

# CHÂU DỊCH XIỂN CHƠN

## MỤC LỤC

\*\*\*

### QUYỂN THƯỢNG

- 01.— HÀ-ĐỒ
- 02.— LẠC-THƠ
- 03.— ĐỒ THƠ HIỆP NHỨT
- 04.— TIÊN-THIÊN HOÀNH ĐỒ
- 05.— TIÊN-THIÊN PHƯƠNG VIÊN ĐỒ
- 06.— VĂN-VƯƠNG HẬU-THIÊN BÁT QUÁI
- 07.— TIÊN-HẬU BÁT QUÁI HIỆP NHỨT
- 08.— ĐỒ THƠ TIÊN HẬU-THIÊN HIỆP NHỨT
- 09.— TRUNG ĐỒ
- 10.— KIM ĐƠN ĐỒ
- 11.— ĐẢNH LƯ, DƯỢC-VẬT HỎA-HẬU TOÀN ĐỒ
- 12.— DƯƠNG-HỎA, ÂM-PHÙ, LỤC ÂM, LỤC DƯƠNG TOÀN ĐỒ

# CHÂU DỊCH XIỂN CHƠN

...

Tố-Phác Tán-nhơn, Ngô-Nguơn tử,  
LƯU-NHỨT-MINH, NGƯỜI TRUNG-HOA THUẬT  
NGUYỄN MINH THIÊN Việt dịch

...

## I. - HÀ ĐỒ

Hà Đồ là đạo tự nhiên vô-vi, thuộc về ngũ hành thuận hành.

Đời Phục Hi, có con Long Mã (ngựa rồng) nổi lên tại Mạnh Hà (sông Mạnh). Trên lưng nó có nhiều điểm:

hai điểm với bảy điểm phía trước,

một với sáu phía sau,

ba với tám bên trái,

bốn với chín bên mặt,

năm với mười tại giữa.

Cả thảy là năm ngôi, tượng hình<sup>(1)</sup> ngũ hành:

Một với sáu phía sau, tượng hình Bắc phương nhâm quý thủy;

Hai với bảy phía trước, tượng hình Nam phương bính đinh hỏa;

Ba với tám bên trái, tượng hình Đông phương giáp ất mộc;

Bốn với chín bên mặt, tượng hình Tây phương canh

(1) ...Tượng hình, nghĩa là lấy một hình, một dấu chỉ, để thay một vật khác không hình (Symboliser).

tân kim;

Năm với mười tại chính giữa, tượng hình Trung ương mờ kĩ thổ.

Năm điểm ở chính giữa, cũng tượng hình Thái-cực hàm(1) tứ tượng(2).

Một điểm ở chính giữa, lại cũng tượng hình Thái-cực hàm Nhứt khí.

Tuy cộng hết là 55 điểm, mà kỳ thiết là nhị ngũ(3). Tuy là nhị ngũ mà kỳ thiết là nhứt ngũ(4). Tuy là nhứt ngũ mà cả thay là MỘT điểm(5) ở chính giữa. Bởi có ngũ hành, nên phân ra năm điểm. Bởi ngũ hành có âm dương, nên hiệp lại thành mười điểm. Bởi ngũ hành mỗi thứ đều có âm dương, nên hiệp lại thành 55 điểm.

Khổng truyện nói:

Thiên nhứt,

Địa nhị,

Thiên tam,

Địa tứ,

Thiên ngũ,

Địa lục,

Thiên thất,

Địa bát,

Thiên Cửu,

Địa thập.

(1) Hàm, nghĩa là ngăn chứa, bao trùm (contenir, envelopper).

(2) Tứ tượng cũng là tượng-dương, là biểu hiệu, là bốn hình tượng của bốn phương (Đông, Tây, Nam, Bắc) - Đây là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa.

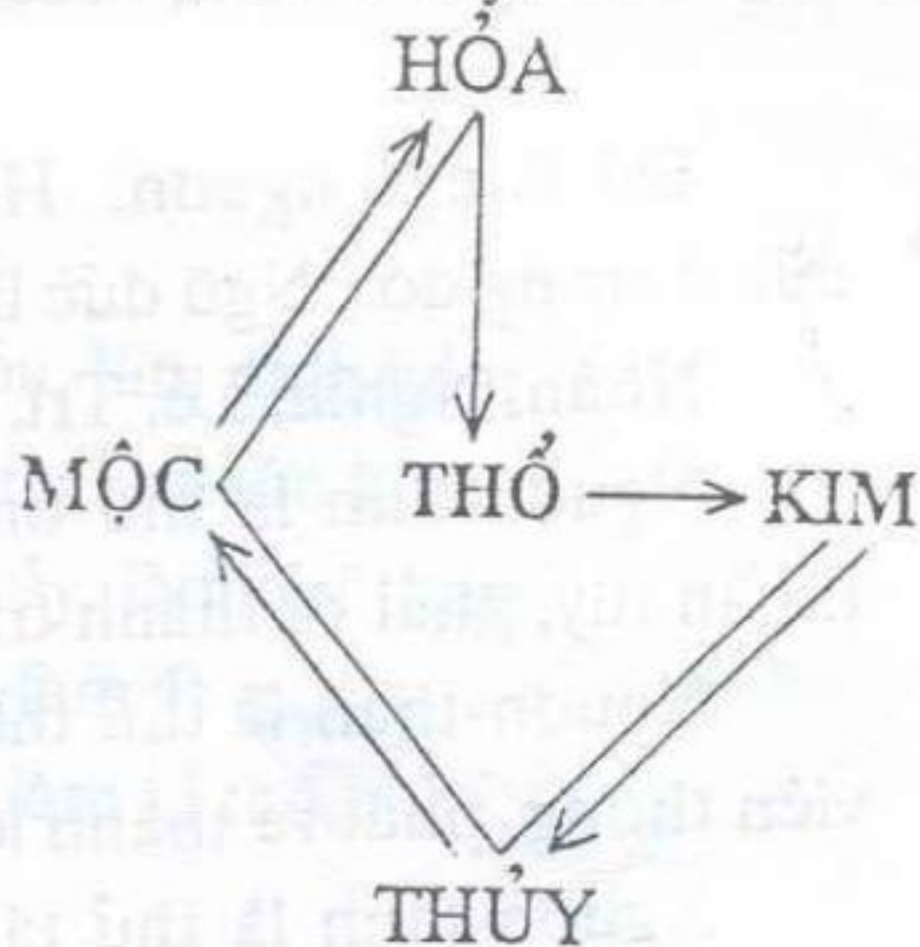
(3) Nhị ngũ là hai cái năm, hai thứ ngũ hành: tiền-thiên và hậu-thiên.

(4) Nhứt ngũ nghĩa là một thứ ngũ hành tiền-thiên.

(5) Một điểm nghĩa là Một khí.

Vì đạo Tạo Hóa của Trời Đất chẳng qua là một cái dương ngũ hành, một cái âm ngũ hành, một cái sanh, một cái thành mà thôi. Tuy phân ra ngũ hành, mà kỳ thiết là một âm, một dương vận dụng cái Đạo. Tuy âm dương vận dụng, mà kỳ thiết là Một khí qua lại vận dụng cái Đạo. Cho nên tượng hình cái Đạo như vậy:

Thổ sanh Kim,  
Kim sanh Thủy,  
Thủy sanh Mộc,  
Mộc sanh Hỏa,  
Hỏa sanh Thổ,  
Thổ trở lại sanh Kim.



Phát ra tại trung ương, rồi trở vào dứt cũng tại trung ương; ra vào thì chẳng chi khác hơn là Một khí, chẳng chi khác hơn là Một Trung. Trung này là cái gốc lớn của thiên hạ, ấy là thổ cư trung (đất ở chính giữa), hòa hiệp hết tứ tượng. Hòa là con đường suốt chung cho thiên hạ, ấy là tứ tượng tại ngoại (chạy ra phía ngoài), chỉ Một khí lưu hành. Trung vừa là Hòa vừa là Một khí, cả thảy đều là Thái-cực.

Duy có con người vịn lấy khí âm dương, ngũ hành của Trời Đất mà sanh thân mình, cho nên trong thân mình có đủ khí âm dương, ngũ hành. Nhưng ngũ hành này có tiên-thiên, hậu-thiên. Tiên-thiên ngũ hành thuộc dương, hậu-thiên ngũ hành thuộc âm.

1, 3, 5, 7, 9 là dương ngũ hành, là tiên-thiên.

2, 4, 6, 8, 10 là âm ngũ hành, là hậu-thiên.

Luận về mặt tiên-thiên:

1 là nguơn-tinh, thuộc thủy, là nhâm thủy;

3 là nguơn-tánh, thuộc mộc, làm giáp mộc;

5 là nguơn-khí, thuộc thổ, làm mỗ thổ;

7 là nguơn-thần, thuộc hỏa, làm bính hỏa;

9 là nguơn-tình, thuộc kim, làm canh kim.

Đó là ngũ nguơn. Hể ngũ nguơn đủ rồi, thì có ngũ đức ở trong đó. Ngũ đức là:

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Nguơn-tinh là thứ tinh chẳng phải tinh, thể của nó thuần túy, phát ra thành trí.

Nguơn-thần là thứ thần chẳng phải thần, thể của nó viên thông, phát ra thành lễ.

Nguơn-tánh là thứ tánh không có tánh, thể của nó nhu tử (chịu chuộng, hay thương xót), phát ra thành nhân.

Nguơn-tình là thứ tình không có tình, thể của nó cang-liệt (cứng cát, ngay thẳng), phát ra thành nghĩa.

Nguơn-khí là thứ khí không có khí, thể của nó thuần nhứt (ròng là một) phát ra thành tín.

Ngũ nguơn là khí của ngũ hành, ngũ đức là tánh của ngũ hành. Ngũ nguơn, ngũ đức sanh tại lúc tiên-thiên, ẩn trong khí hậu-thiên.

Đương lúc con người ta ở trong thai-bào hỗn hỗn độn độn(1), Một khí hỗn-luân(2), hình tích tuy chưa

(1) Hỗn độn, nghĩa là lộn lạo trộn hóa, không còn phân biệt nọ kia.

(2) Hỗn-luân (đọc hỗn-luân cũng được) nghĩa là khí có đủ hình chất, dợn chia rẽ mà chưa thấy chia rõ ràng.

lộ, mà cái lý của nó có sẵn đủ rồi. Chỗ gọi "Vị sanh xuất", nghĩa là chưa sanh ra, như trong họa-đồ ở chính giữa có số 5, năm điểm tụ lại một chỗ là tượng hình Thái-cực. Cổ-nhơn dạy người phải tìm giữ cái diện-mục<sup>(1)</sup> của mình trước khi cha mẹ chưa sanh ra, là trở vào đây. Do bởi việc này xảy ra trước khi sanh thân, nên gọi là tiên-thiên.

Luận về mặt hậu-thiên:

2 là thức-thần, thuộc hỏa, làm đình hỏa;

4 là qui-phách, thuộc kim, làm tân kim;

6 là trược-tinh, thuộc thủy, làm quý thủy;

8 là du-hồn, thuộc mộc, làm ất mộc;

10 là vọng-ý, thuộc thổ, làm kỉ thổ.

Đó là ngũ vật. Hết ngũ vật đủ rồi, thì có ngũ tặc ở trong đó. Ngũ tặc là:

Mừng, giận, buồn, vui, muốn.

Du-hồn chủ sự sống, có tánh lành, nên xúc động đến thì sanh mừng (hi).

Qui-phách chủ sự chết, có tánh dữ, nên xúc động đến thì sanh giận (nộ).

Thức-thần rất linh-thiêng, có tánh tham, nên xúc động đến thì sanh vui (lạc).

Trược-tinh rất dâm-dục, có tánh si, nên xúc động đến thì sanh buồn (ai).

Vọng-ý rất xao động có tánh loạn, nên xúc động đến thì sanh muốn (dục).

(1) Diện-mục, nghĩa là mặt mắt, chỉ cái hình trạng về tinh thần, cái chơn nòng.

Thuộc hậu-thiên, ngũ vật, ngũ tặc, tuy là do ngũ hành hóa ra, mà trong đó có chỗ phân biệt. Trong ngũ vật: tinh, thần, ý đều sanh sau, duy có *HỒN, PHÁCH* sanh ra trước hết. Hồn lại còn sanh trước phách nữa, Hồn là hột giống luân hồi đời đời kiếp kiếp: làm người, làm quỉ cũng là nó; làm Thánh, làm Hiền cũng là nó; làm lành, làm dữ cũng là nó; mang lông đội sừng cũng là nó. Thân này tuy chưa sanh, chớ nó đã có trước rồi. Còn khí tuy chưa tuyệt, chớ nó đã đi trước rồi.

Đương lúc con người vừa xé bọc chung đầu ra, oa oa ít tiếng, là lúc hồn nhập khiếu. Hồn vừa nhập khiếu, thì nó thọ hậu-thiên mộc khí, hiệp cùng tiên-thiên nguơn-tánh, cái giả nương cái thiệt mà tồn tại. Cho nên anh-nhi xô ra mà không có tiếng oa oa, thì chẳng thành con người, vì du-hồn chưa nhập. Tuy là có nguơn-tánh, mà một mình đâu tồn-tại được:

**Cái giả nhờ cái thiệt mà tồn-tại,**

**Cái thiệt nhờ cái giả mà lưu-liên.**

Còn phách thì lấy phần linh của khí huyết, thọ kim khí mà đoàn kết, sanh rồi bảy bảy là 49 ngày mới vẹn toàn, chết rồi bảy bảy 49 ngày mới tiêu diệt. Thế tục làm tuần cho kẻ chết bảy cái thất là 49 ngày chính vì cơ đó.

Hồn là một vật hay dời dạc chẳng định, lia cái này thì bắt cái kia, lia cái kia thì bắt cái nọ, luân hồi không cùng, nhiều kiếp mà chẳng hư hoại. Phách mất hay còn đều do thân này. Thức-thần tuy thọ hỏa khí mà sanh, chớ cũng ở trong hồn mà ra. Trược-tinh tuy thọ thủy khí mà sanh, chớ cũng do phách mà thành. Ý là tư-lự, động-tác, dùng nó mà sử khiến: tinh, thần, hồn, phách, cộng là tứ vật.

Ngũ vật, ngũ tặc đều là có sau khi sanh thân này, nên

gọi là "dĩ sanh xuất", nghĩa là: đã sanh ra rồi. Do bởi việc này xảy ra sau khi sanh thân, nên gọi là hậu-thiên. Còn: tâm, can, tì, phế, thận, đã trước mà lại có hình chất, nên không được kể vào đây.

Lúc ban sơ mới sanh, hậu-thiên ngũ hành với tiên-thiên ngũ hành, hai cái hiệp chung làm một. Ngũ vật nhờ ngũ nguơn dẫn dắt, còn ngũ tặc nhờ ngũ đức kèm chế. Mỗi khi cử động đều là tiên-thiên làm chủ-tể, hậu-thiên chẳng qua là tay sai mà thôi.

Cho nên hồi anh-nhi vô thức vô tri<sup>(1)</sup> thì tốt lành, chẳng có một mảy dũ, là chí nhân (nhân cùng bực); nhân ấy là mối-mành của nguơn-tánh. Nhơn, ngã đều quên là chí nghĩa: nghĩa ấy là mối-mành của nguơn-tình. Thịnh, sắc chẳng mê là chí trí: ấy là mối-mành của nguơn-tinh. Tâm khí bình hòa là chí lễ: lễ ấy là mối-mành của nguơn-thần. Một lòng thành chẳng đối hai là chí tín: tín ấy là mối-mành của nguơn-khí.

Lúc nó tịnh là ngũ nguơn, khi nó động là ngũ đức, mà động, tịnh đều là tiên-thiên hành sự. Trong lúc đó, dấu có tỏ dấu: mừng, giận, buồn, vui, nhưng đều là vô tâm cả.

Mừng mà không giữ lâu (bám chặt),

Giận mà không dờ dạc (giận lây),

Buồn mà không xót xa (đau đớn),

Vui mà không thái quá (dâm dật).

Mừng, giận, buồn, vui chưa phát thì gọi là Trung. Chừng nó phát ra rồi mà trúng tiết (nhằm lẽ) thì gọi là Hòa. Trung với Hòa có ý nghĩa là không dục vọng.

(1). Vô thức vô tri, nghĩa là không hay biết. Ý nói cử động nhàm lẽ mà vô tâm, chẳng phải để ý suy nghĩ.

Không dục vọng ất: tinh, thần, hồn, phách, ý, mỗi thứ đều yên ngôi, vâng theo mạng lệnh tiên-thiên.

Tiên-thiên, hậu-thiên, âm dương giao phối, tinh hoa trong nhị ngũ mà hiệp đúng phép mới đoàn kết: hoặc tiên-thiên động thì hậu-thiên thành, hoặc hậu-thiên động thì tiên-thiên thành. Chơn không rời giả, giả chẳng rời chơn. Chơn nhờ giả mà vẹn toàn, giả nhờ chơn mà tồn-tại, trọn hết là Một khí, không chút nào tổn thương, tròn vìn, đầy đủ, như ngũ hành trong họa đồ: âm dương đồng ở một chỗ, tượng hình Một khí lưu hành. Cổ-nhơn dạy người phải tìm giữ cái "nương sanh diện", nghĩa là cái diện-mục của mình khi mẹ sanh, là chỉ vào đây.

Đến năm 16 tuổi (là nhị bát), tiên-thiên khí đầy đủ, dương cực thì âm lần sanh, vì giao tiếp với hậu-thiên, nên hồn, phách chẳng định, thức-thần nổi lên, thì khai tinh-khiếu (cửa lọt tinh ba), ý loạn tâm mê, ngũ vật đều dấy lên, ngũ tặc phá hại, ngũ nguơn, ngũ đức tiêu mòn lần. Như vậy, ngày này qua ngày kia, năm kia tới năm nọ, âm khí thuần rồi thì dương khí tận, không chết làm sao được?

Đây là đạo đi thuận thì sanh ra con người Duy bực. Thánh-nhơn có học phép tiên-thiên mới biết bảo dương lúc tiên-thiên chưa tuyệt, mới biết thối âm khi hậu-thiên khởi sanh. Thánh-nhơn lấy cái hậu-thiên mà hàm dưỡng tiên-thiên, lấy cái tiên-thiên mà chế hóa hậu-thiên, hề như đạo vô-vi, thẳng vào cõi Thánh.

Cái đạo vô-vi chẳng ra ngoài cái diệu lý của Hà Đồ bất tử trong mà sanh ra âm dương ngũ hành, tức là đạo thuận sanh, sanh ra con người. Còn ngũ hành âm dương trong Hà Đồ hiệp nhau, trọn hết là Một khí, tức là đạo nghịch vận sanh ra Thánh-nhơn. Nghịch vận không phải

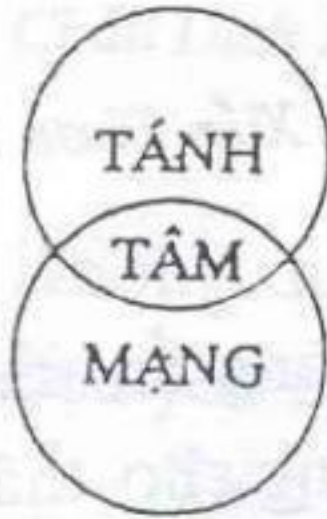
lấy nghĩa phản huờn. Ấy là đem ngũ hành tàng ẩn như trước (trả lại) nơi Trung Huỳnh Thái-cực, đặng cho thấy trở lại cái diện-mục hồi lúc cha mẹ chưa sanh.

Mạnh Tử nói rằng: Nhân, nghĩa, lễ, trí bốn đức tánh này căn cứ tại Tâm, cái sắc anh-hoa của nó hiện nơi mặt đầy đặn, hình ra sau lưng, oai nghi bày ra tay chơn, tay chơn chẳng đợi mình bảo, mà tự nhiên hiểu biết cử động hiệp nghi cả. (Như cái tay chẳng đợi bảo phải cung kính mà tự biết cung kính, cái chơn chẳng đợi bảo trung hậu mà tự biết trung hậu<sup>(1)</sup>).

Số là Tâm làm chủ cả cái thân, có đủ các đức là: nhân, nghĩa, lễ, trí. Nếu lấy một cái Tâm mà vận nhân, nghĩa, lễ, trí, rờng là Thiên-chơn hành sự, ngũ vật, ngũ tặc đều theo lệnh nó khiến, ngũ hành đoàn kết, tứ tượng hòa hiệp, thì tánh tức là mạng, mạng tức là tánh, Tánh mạng một nhà, âm dương trọn hóa, hình thần đều đặng huyền diệu, cùng Đạo hiệp một lẽ chơn, căn cứ tại Tâm mà sanh sắc anh-hoa, chẳng đợi bảo mà hiểu biết, tự nhiên như thế. Cái Tâm đó mới là không phải cái tâm chết ngắt bằng cục thịt (nhục đoàn chi ngoan tâm). Ấy là cái Tâm của Trời Đất (Thiên Địa chi tâm), ngũ hành không sao đến đó được, tứ đại khó xông pha vào đây. Chỗ gọi của Huyền Tán là nó đây vậy.

Cái không phương hướng, không định chỗ nơi, nghi ra ất sai, bàn lại thêm quấy, chẳng thể lấy lời mà dạy, chẳng thể dùng bút mà tả, khép mở có giờ, động tịnh như như, chẳng chênh chẳng lệch, tốt trống tốt linh, gương kêu là Thái-cực, gương vẽ ra cái này O, ấy là một điểm ở chính giữa Hà Đồ. Nhân bởi cái Tâm này là gốc rễ của

(1) *Coi thiên "Tận tâm," 尽心, trong sách Mạnh Tử.*



Trời Đất, cội nguồn của tánh mạng, sau có kẻ học giỏi, gượng vẽ như hình liên hườn bên trái, làm cho người tự tỉnh, tự ngộ lấy, do thần lãnh hội mà thôi.

Cái Tâm đó: lớn không có chi lọt ra ngoài, nhỏ không có chi xen vào trong, dầu cõi Ba ngàn Thế-giái chứa nó cũng không hết. Thích-gia trong Tạng-kinh có 5 ngàn 48 cuốn (số kinh đã phiên dịch hồi đó, chớ bây giờ đã lên tới 9 ngàn, 10 ngàn) nói cũng không rõ; Nho-gia có lục kinh, tứ thư, luận cũng không trọn; Đạo-gia có Đơn-kinh, Tử-thơ đến ngàn cặp muôn cuốn, giải cũng chẳng hết.

Luận về cái vô, thì nó lại hoạt hoạt bát bát(1). Luận về cái hữu, thì nó lại yếu yếu minh minh(2).

Hữu vô không luận, động tịnh chẳng câu, hễ ai đặt Tâm này thì ra tử vào sanh, ai mất nó thì ra sanh vào tử. Chết sống chỉ tại đặt hay mất cái Tâm này. Trước nói: nhân, nghĩa, lễ, trí, căn cứ tại Tâm, là chỉ cái Tâm này đây.

Trong cái Tâm này, có khí ngũ hành, mà không có hình chất ngũ hành. Nó ẩn trong ngũ hành mà chẳng bị nhốt trong ngũ hành. Gốc nó tại lúc cha mẹ chưa sanh sắp về trước, hiện ra lúc cha mẹ sanh rồi sắp về sau. Nó vắng lặng chẳng động, cảm xúc liền hay, cho nên chủ-tể bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí.

Nhân, nghĩa, lễ, trí, đều là do cái Tâm này biến hóa ra. Bởi vì nó biến hóa ra được: nhân, nghĩa, lễ, trí, nên cũng có tên là tín. Tín đây không phải là chữ tín thuộc về lời nói. Ấy là chữ tín đo âm dương hiệp chung làm Một,

(1) Hoạt bát, nghĩa là có cái dáng ứng tiếp mạnh mẽ linh động.

(2) Yếu minh, nghĩa là có cái dáng tinh-thần lơ mờ, không phân biệt (cảnh nửa thức nửa ngủ).

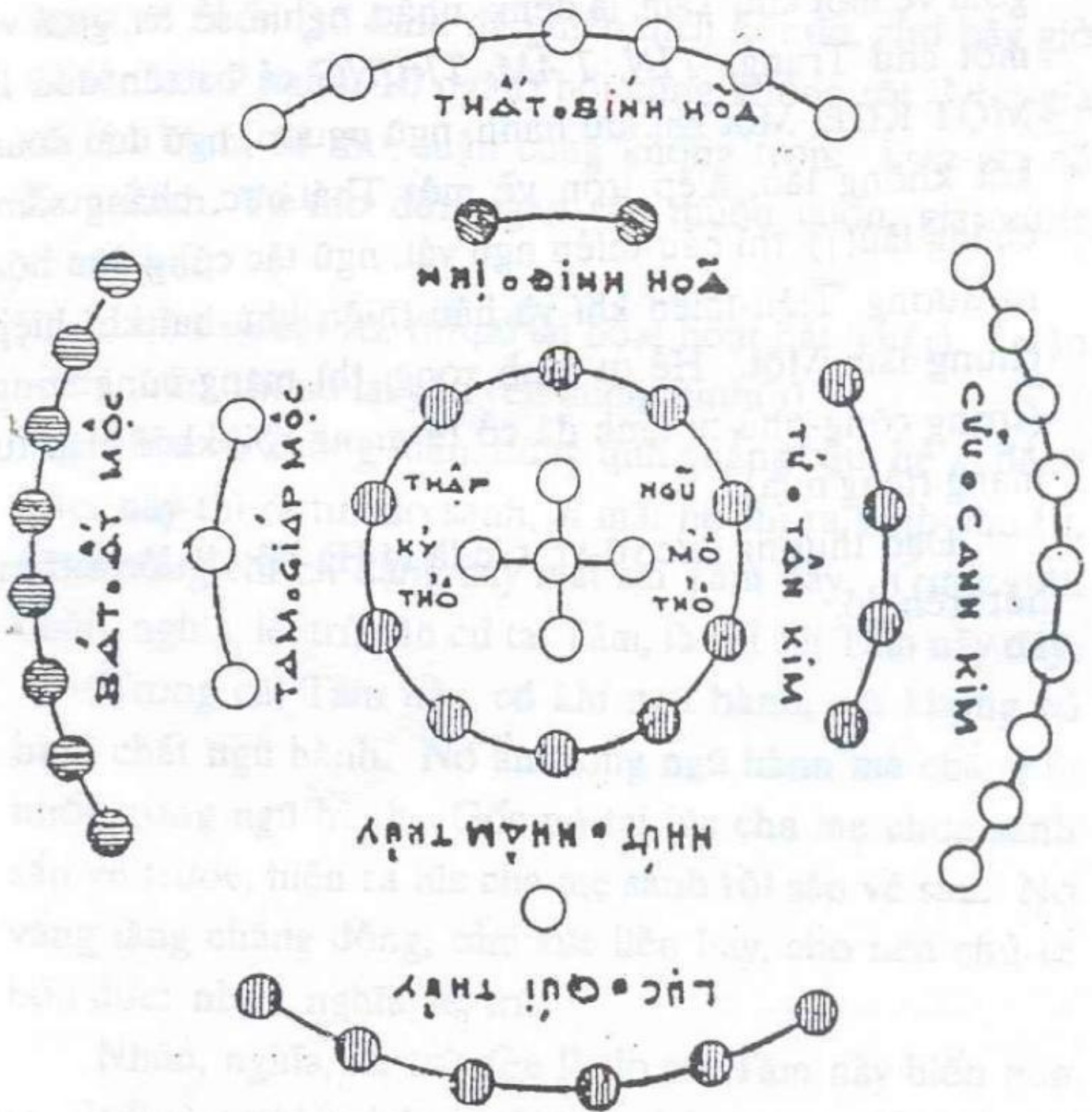
chơn thật không dối. Chơn thiệt là diệu hữu, không dối là chơn-không, không mà chẳng không, chẳng không mà không. Nhân, nghĩa, lễ, trí, đều có đủ trong đó.

Công-phu vô-vi là mượn sức Đạo làm cho toàn hình. Mượn sức Đạo làm cho toàn hình, ấy là dùng Tín mà thấu hết: nhân, nghĩa, lễ, trí, tức là đem: nhân, nghĩa, lễ, trí gom về một chữ Tâm, là đem: nhân, nghĩa, lễ, trí, gom về một chữ Trung. *TÍN, TÂM, TRUNG* cả ba tên đều là **MỘT KHÍ**. Một khí lưu hành, ngũ nguơn, ngũ đức đoàn kết không tan, hiệp trọn về một Thái-cực, chẳng sấm, chẳng lậu(1), thì hậu-thiên ngũ vật, ngũ tặc cũng đều hóa ra dương. Tiên-thiên khí và hậu-thiên khí, hai khí hiệp chung làm Một. Hết tu tánh xong, thì mạng cũng xong (trong công-phu tu tánh đã có tu mạng rồi, khỏi phải tu mạng riêng nữa).

Đạo thượng đức vô-vi, tức là lý Hà-đồ, đã lộ ra trọn hết trên đó.

(1) *Chẳng sấm lậu, nghĩa là chẳng rình chảy, lọt mất một nhều, một giọt nào cả. Cũng có nghĩa là rỉ rỉ-não. Sấm lậu là Nhân. 仁 仁 đi nghiệp báo là Quả. Hết sấm lậu hết, nghiệp báo cũng dứt, thì ra khỏi vòng Tam giới, về cõi Niết Bàn.*

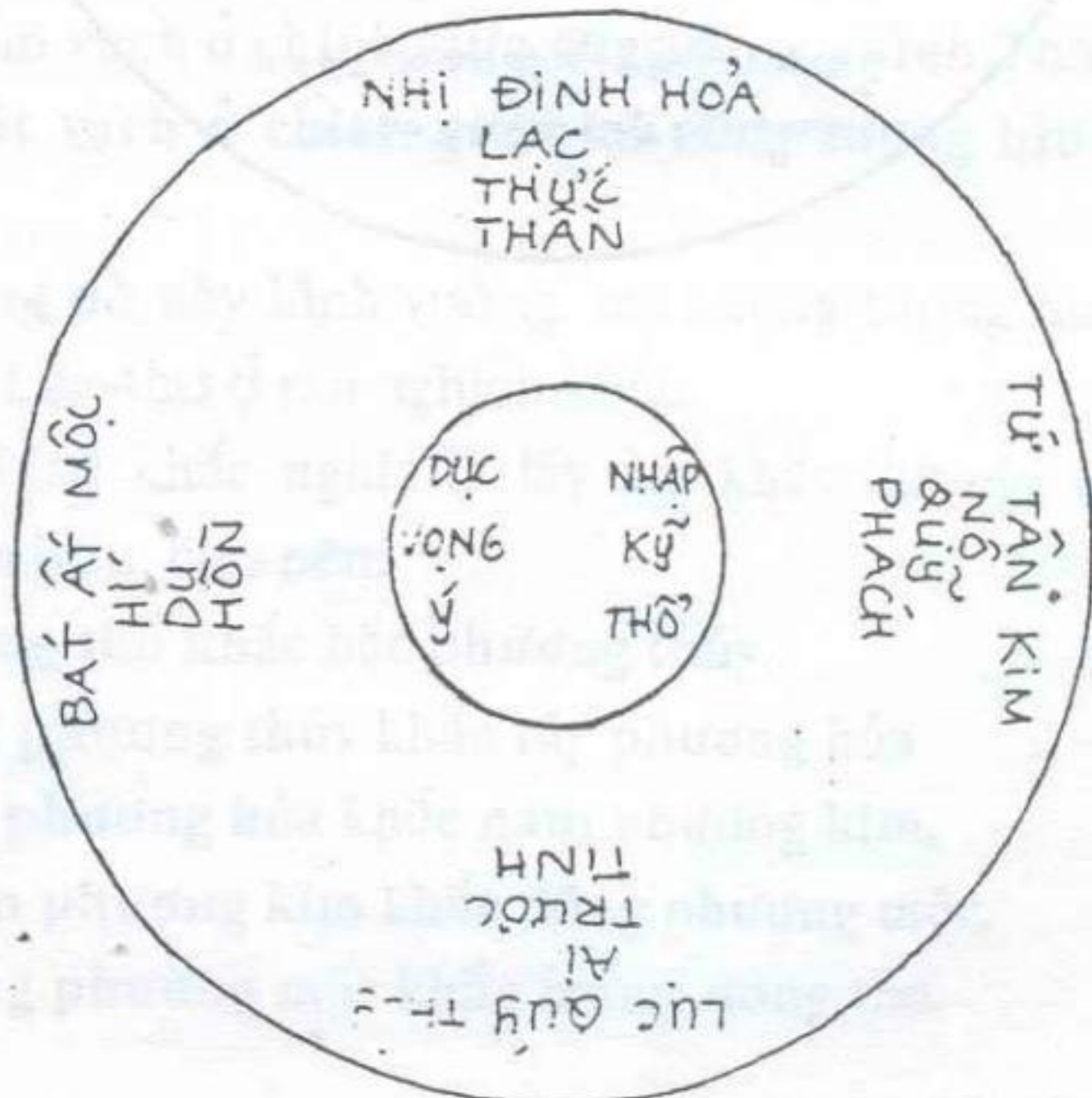
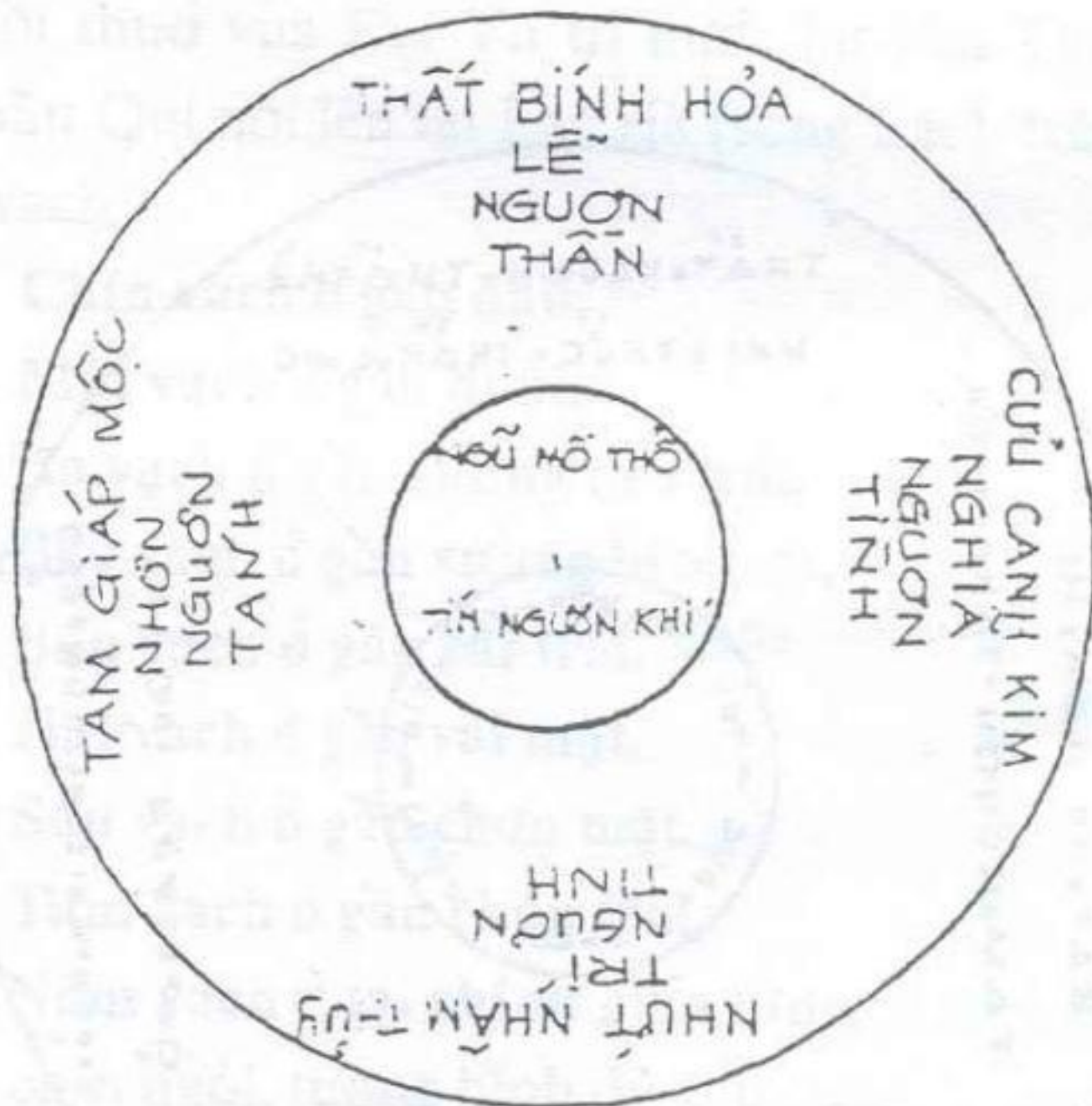
# (1) CỔ HÀ ĐỒ



(2)

TIÊN THIÊN DƯƠNG NGŨ HÀNH

HẬU THIÊN ÂM NGŨ HÀNH



### (3) SƠ SANH

## ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH HỒN HIỆP



## II. - LẠC THƠ

Lạc-thơ là đạo hữu-vi biến-hóa, thuộc về âm dương thổ tống (nghĩa là trong cảnh loạn mà xếp yên) và ngũ hành nghịch vận.

Hồi thuở vua Đại Vũ trị nước lụt bên Tàu, có một con Thần Qui nổi lên tại Lạc Hà (sông Lạc), trên lưng có nhiều vạch:

Chín vạch ở gần đầu,  
Một vạch ở gần đuôi,  
Ba vạch ở gần sườn bên trái,  
Bảy vạch ở gần sườn bên mặt,  
Bốn vạch ở gần vai trái,  
Hai vạch ở gần vai mặt,  
Sáu vạch ở gần chơn mặt,  
Tám vạch ở gần chơn trái,  
Năm vạch ở tại chính giữa lưng,

cộng là chín ngôi, tượng hình đủ cửu cung.

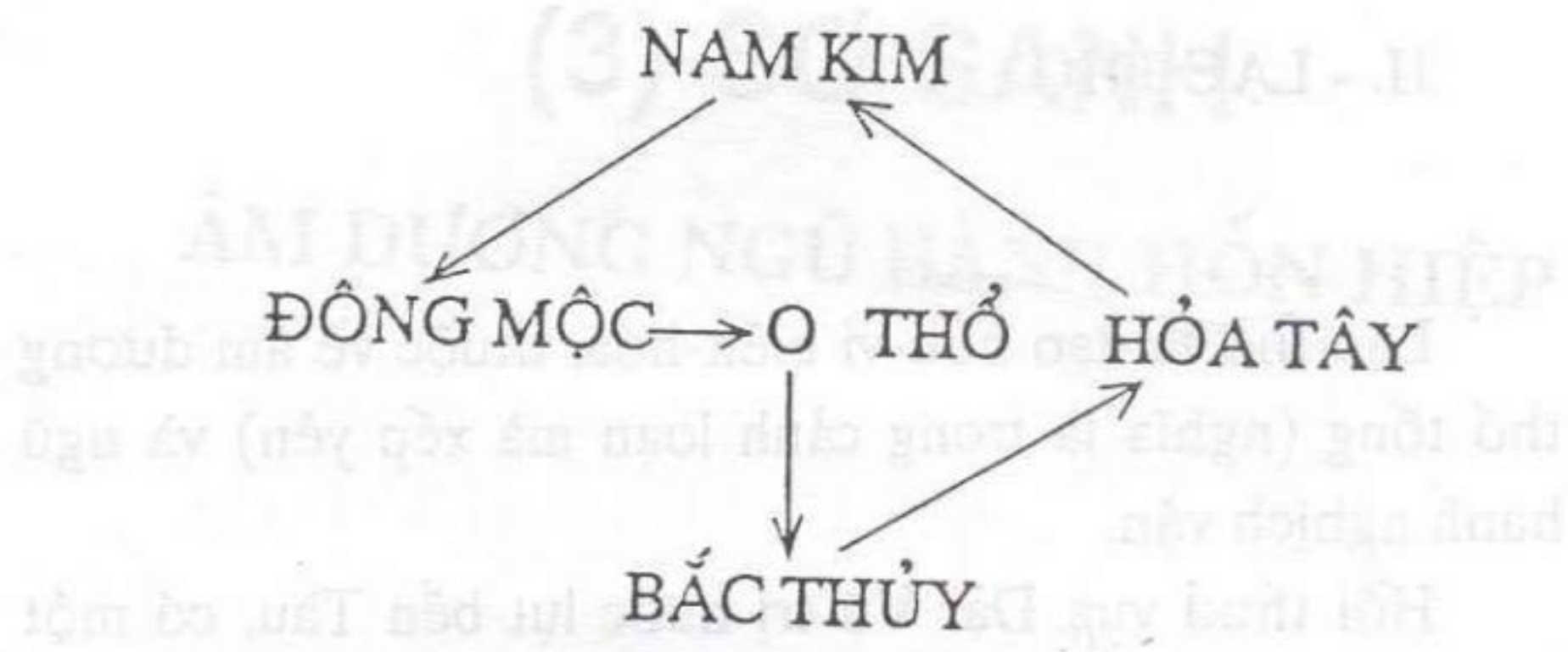
Năm vạch ở chính giữa cũng tượng hình Thái-cực.

Một vạch ở chính giữa lại cũng tượng hình Nhứt khí.

Bảng đồ này hình vuông, mà vuông tượng hình Đất, là cái lý Lạc-thơ ở nơi nghịch khắc.

Nghịch khắc nghĩa là lấy âm khắc dương, vận qua phía bên hữu, cho nên:

trung thổ khắc bắc phương thủy,  
bắc phương thủy khắc tây phương hỏa  
tây phương hỏa khắc nam phương kim,  
nam phương kim khắc đông phương mộc,  
đông phương mộc khắc trung-ương thổ.



Âm trước, Dương sau.

Âm tĩnh, Dương động.

Tĩnh dùng chế động lấy khắc làm gốc, ấy là công-phu thâm liễm thành tựu.

Thâm liễm thành tựu là công-phu của kim hỏa:

Hỏa dùng mà luyện rèn

Kim dùng mà sát phạt.

Cho nên kim ở ngôi hỏa, hỏa ở ngôi kim; kim hỏa đồng cung, thì muôn vật chẳng có món nào không nhờ nơi đó mà đặng đúc un thành tựu. Ấy là: kim, hỏa, âm dương đều thổ. Thủy, mộc dương chẳng động thì âm thổ, là nói: kim, hỏa khắc thì thủy, mộc sanh khí thâm liễm.

Khắc là cốt để trọn sanh, nghịch là cốt để thành thuận, chonên ở ngoài thì thổ khắc (loạn khắc), mà ở trong có tống sanh (thuận sanh).

Thổ là thổ loạn (lộn xộn). Âm dương thổ loạn ở ngoài nên tương khắc.

Tống là tống-chính (xếp yên). Âm dương tống chính ở trong nên tương sanh.

Trong cái thổ có cái tống, mượn âm mà phục dương thì cái đạo: đối hậu-thiên lại tiên-thiên, không phải ở

trong đó sao?

Con người từ lúc sanh ra về sau, dương cực âm sanh, ngũ hành thổ loạn, âm dương chẳng giao, hai bên phá hại nhau. Cái chơn bị chôn lấp, cái giả lại buông lung, cho nên thất tình, lục dục trở ra đủ mặt, ngũ uẩn bắt thức hiện chẳng sót một thứ nào, trăm việc sàu nó cảm vào lòng, muôn điều nhọc nó lao hình thể, lấy khổ làm vui, lấy giả làm thiệt. Bỏn lai diện-mục lu lờ, mất sáng.

Cũng như trong Lạc-thơ tượng hình:

âm thủy khắc dương hỏa,  
âm hỏa khắc dương kim,  
âm kim khắc dương mộc,  
âm mộc khắc dương thổ,  
âm thổ khắc dương thủy.

Trong Lạc-thơ có số 5 ở giữa mà không có số 10, là vì âm thổ thổ loạn, chạy ra ngoài mà khắc thủy.

Trời có đức háo sanh, mượn con Thần Qui mà tiết lộ đạo phản-huờn cho người biết qui gia nhận tổ<sup>(1)</sup>, giữ gìn căn bốn tánh mạng của mình. Căn bốn tại chỗ nào? Ấy là tại một vạch tại trung-ương của số 5, chỗ gọi cửa Huyền Tân là nơi đó.

Cái cửa này:

sống cũng tại đó,  
mà chết cũng tại đó.  
thuận cũng tại đó,  
mà nghịch cũng tại đó.  
ngũ hành thổ loạn, phân tán cũng tại đó,  
mà ngũ hành tống chỉnh, qui tụ cũng tại đó.

(1) Qui gia nhận tổ, nghĩa là trở về nhà mình, nhận ông cha là gốc sanh thân của mình. Ý nói: trở về căn bốn là ngôi trung-ương.

Bởi vì tại đó, có một cái gốc của Trời, Đất (Thiên Địa chi căn), có chữ Tín của nhân, nghĩa, lễ, trí. Bởi vì có chữ Tín của nhân, nghĩa, lễ, trí, nên thổ nhờ đó mà được tổng lại, tán nhờ đó mà được tụ lại.

Hễ mất chữ Tín đó thì:

ngũ nguơn đều bị tổn thương, ngũ vật cả thảy dấy lên,  
tánh nhân, nghĩa, lễ, trí biến ra tánh mừng, giận, buồn, vui.

Giữ được chữ Tín đó thì:

ngũ nguơn trở sanh, ngũ vật tiêu diệt,  
tánh mừng, giận, buồn, vui biến ra tánh nhân, nghĩa, lễ, trí.

Trong Lạc-thơ có số 5 ở chính giữa là vì nhân, nghĩa, lễ, trí đều căn cứ ở chữ Tín. Còn số 10 ở ngoài, dùng chữ Tín mà vận nhân, nghĩa, lễ, trí:

Tín tại nhân ất đặng nhân,

Tín tại nghĩa ất đặng nghĩa,

Tín tại lễ ất đặng lễ,

Tín tại trí ất đặng trí.

Đặng một chữ Tín đó, thì nhân, nghĩa, lễ, trí không thứ nào mà chẳng biến hóa theo Tâm.

Đạo biến-hóa là đạo: đối hậu-thiên lại tiên-thiên, ấy là tại Lạc-thơ, trong thổ loạn mà có tổng chính, tượng hình Tam ngũ hiệp nhưt. Ngũ hành có âm có dương, chỉ có nhị ngũ, chớ không có tam ngũ. Vì sao mà gọi tam ngũ? là bởi lấy số 5 của tam gia. (mỗi nhà có một số 5) mà luận.

Số 5 ở chính giữa có 5 vạch:

Vạch thứ nhất ở phía bắc là thủy,

Vạch thứ hai ở phía tây là hỏa,

Vạch thứ ba ở phía đông là mộc,

Vạch thứ tư ở phía nam là kim,

Vạch thứ năm ở chính giữa là thổ.

a) Mộc sanh hỏa, hiệp làm nhứt gia:

số 2 với số 3 cộng thành nhứt ngũ.

b) Kim sanh thủy, hiệp làm nhứt gia:

số 1 với số 4 cộng thành nhứt ngũ.

c) Thổ ở tại trung-ương, cũng là nhứt gia:

một mình số 5 cũng đủ nhứt ngũ.

Tam gia tương kiến, đó là nói ba nhà (ba số ngũ) hiệp nhứt.

Tam ngũ hiệp nhứt cũng là nhứt âm, nhứt dương, tinh hoa của nhị ngũ hiệp đúng phép mà thành Một. Nhị ngũ hiệp nhứt, xét lại cũng là trong âm mà phản lại dương, nhứt ngũ qui tụ mà thành Một. Nhứt ngũ qui tụ, hờn hờn luân luân, tuần huờn không cùng, không tiếng không hơi, thì đâu có nhứt ngũ, đâu có nhị ngũ hay là tam ngũ nữa?

Cái đạo: đối hậu-thiên lại tiên-thiên là trong âm ngũ hành, phản huờn dương ngũ hành, trở lại làm Một khí. Trong đạo phản huờn đây, chẳng có chi mà trước hết không phản về chữ Tín.

Đức Lão Tử nói: "Hoàng vậ hốt vậ(1), trong đó có

(1) Hoàng hốt có nghĩa là: Trong chỗ chỉ tịnh, lại có vật động sanh (dương sanh, được sản), làm cho nhứt-gia phải hoàng hốt, giứt mình.

vật; yếu vậy minh vậy, trong đó có tinh; tinh này rất thiết, trong đó có Tín".

Chữ Tín này là Tín của tiên-thiên lai phục. Hễ Tín này trở lại thì mờ kĩ phát hiện, trong có chủ-tể, muôn việc hóa không, tư lự cũng dứt, thì tâm chẳng buồn mới sanh trí. Trong chữ Tín mà sanh ra trí, ấy là mờ thổ khắc quí thủy, làm cho thủy phản lại dương.

Thủy phản lại dương thì trí có gốc tại Tín, trí không vọng động, không còn tham cầu, tâm khí bình hòa, ất vui mển việc phải thì có lễ. Trong chữ trí sanh ra lễ, ấy là nhâm thủy khắc đinh hỏa, thì hòa phản lại dương.

Hòa phản lại dương thì lễ có gốc tại trí, hòa mà chẳng đồng, tránh những điều phi lễ, khí nóng tiêu hết, ất chẳng giận mà sanh nghĩa. Trong chữ lễ sanh ra nghĩa, ấy là bính hỏa khắc tân kim, thì kim phản lại dương.

Kim phản lại dương thì nghĩa có gốc tại lễ, nghĩa chẳng quá thiên vị, biết tưng quyền biến, noi theo qui củ, ất vui mển điều lành thì có nhân. Trong chữ nghĩa sanh ra nhân, ấy là canh kim khắc ất mộc, thì mộc phản lại dương.

Mộc phản lại dương thì nhân có gốc tại nghĩa, nhân chẳng quá nhu nhược, tốt lành không chút ác, một lòng chẳng đối hai, ất không tình dục thì có Tín. Trong chữ nhân sanh ra Tín, ấy là giáp mộc khắc kĩ thổ, thì thổ phản lại dương.

Thổ phản lại dương thì Tín có gốc tại nhân. Tín mà đặng chánh, trở về ngôi mình, không động không lay, thì chơn thổ hiện hình, ất giả thổ tự tịnh.

Mờ kĩ hiệp nhau: Mừng, giận, buồn, vui, đều qui về vô dục; nhân, nghĩa, lễ, trí đều qui về một chữ Tín, thì ngũ khí triều ngươn.

Hậu-thiên ngũ vật đều vâng lệnh ngũ nguơn,  
thì tứ tượng hòa hiệp.

Ngũ hành thành ra Một khí,  
thì tam ngũ hiệp nhứt.

Kết thành Thánh-thai,  
thì chỉ có Một Thiên-ly.

Nhơn đục chẳng sanh, huơn nguyên phản bốn, qui  
căn phục mạng, giống y bốn-lai diện-mục hồi mới sanh  
vậy.

Như trong Lạc-thơ dương ngũ hành ở tại ngôi  
chánh, âm ngũ hành ở tại ngôi phụ. Ấy là tượng hình  
trong thổ-loạn có tống-chỉnh không đồng nhau.

Trong thổ-loạn có tống-chỉnh, trong âm trở lại sanh  
dương, thì Kim-đơn hiện hình.

Tại Nho gọi là "Minh thiện phục sơ".

Tại Thích gọi là "Ma-ha bát-nhã ba-la-mật".

Ma-ha, nghĩa là lớn; bát-nhã, nghĩa là trí huệ;  
ba-la-mật, nghĩa là đặng bỉ ngạn (lên bờ bên kia, là bờ  
của Phật; chỗ người thế-gian ở gọi là thứ ngạn, là bờ bên  
này). Dùng đại trí-huệ mà đặng bỉ ngạn cũng là nghĩa:  
minh thiện phục sơ, huơn nguyên phản bốn (trở lại tánh  
lành ban sơ).

Tam Giáo Thánh-nhơn cũng đều dạy một cái diệu lý  
nghịch vận đó mà thôi. Đạo Kim-đơn hữu-vi, toàn bằng  
nghịch vận, cho nên nói: "Thất phản cửu huơn, Kim-dịch  
đại huơn đơn".

Thất là số dương hỏa, hỏa ở tại ngôi kim. Hỏa gặp  
kim thì nhập khố phản chơn(1).

(1) Nghĩa là: hể vào kho rồi, trở lại chơn chánh.

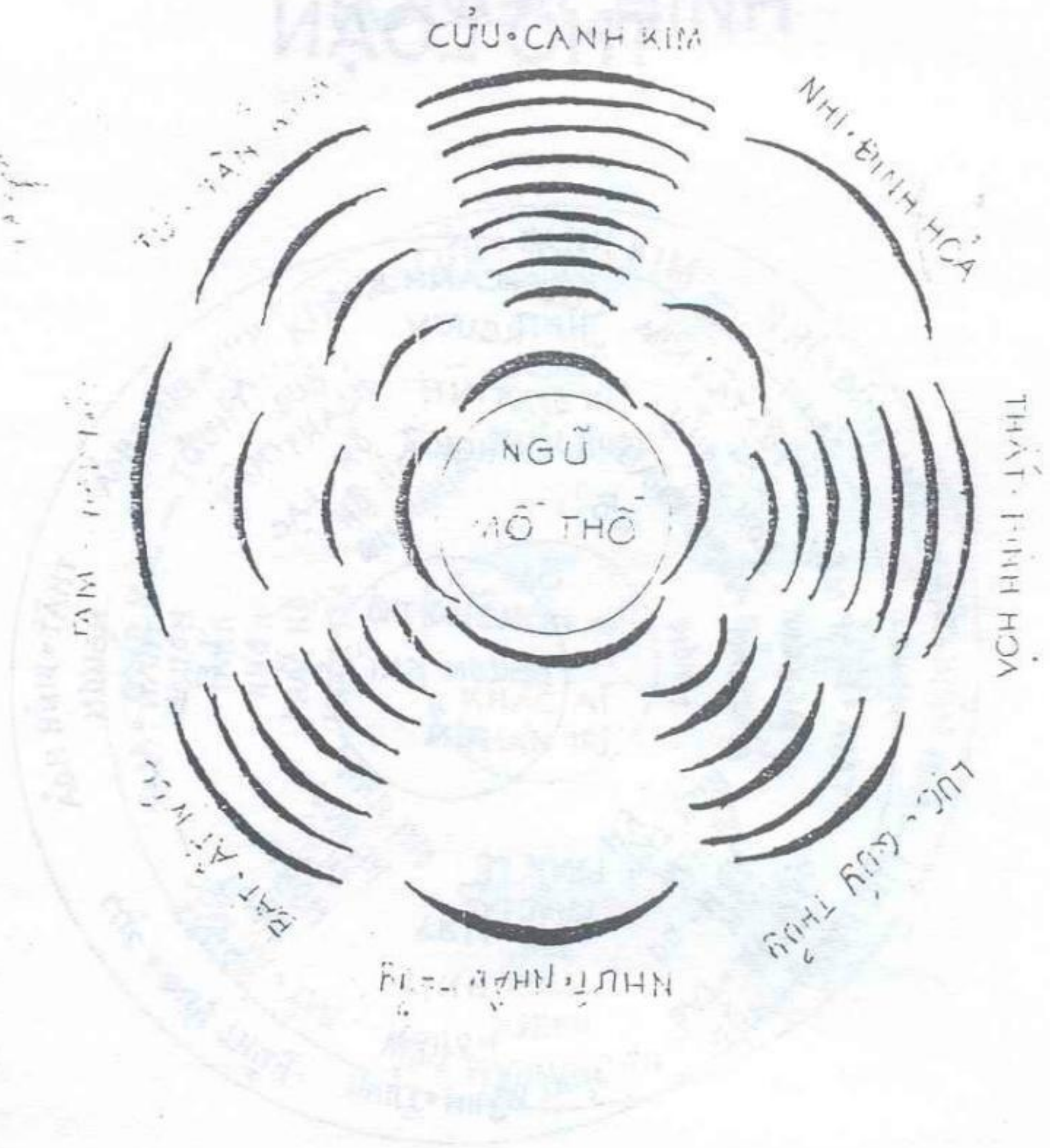
Cửu là số dương kim, kim ở tại ngôi hỏa. Kim gặp hỏa thì sanh minh huờn nguyên<sup>(1)</sup>.

Hỏa phản chơn thì khí hậu-thiên tiêu hết. Kim huờn nguyên thì khí tiên-thiên lộn về, sanh sanh chẳng dứt. Nhân, nghĩa, lễ, trí gốc tại chữ Tín, thì kim, mộc, thủy, hỏa qui Trung-thổ. Ngũ hành qui tụ, thì Lạc-thơ trở lại thành Hà Đồ. Phép hữu-vi hết thì tới phép vô-vi. Lại còn phải gia công tu tới nữa. Tâm cái diệu lý trong Hà Đồ rồi, thì nhờ công phu tự nhiên tiên-thiên vô-vi mà thân có thể biến hóa vô cùng.

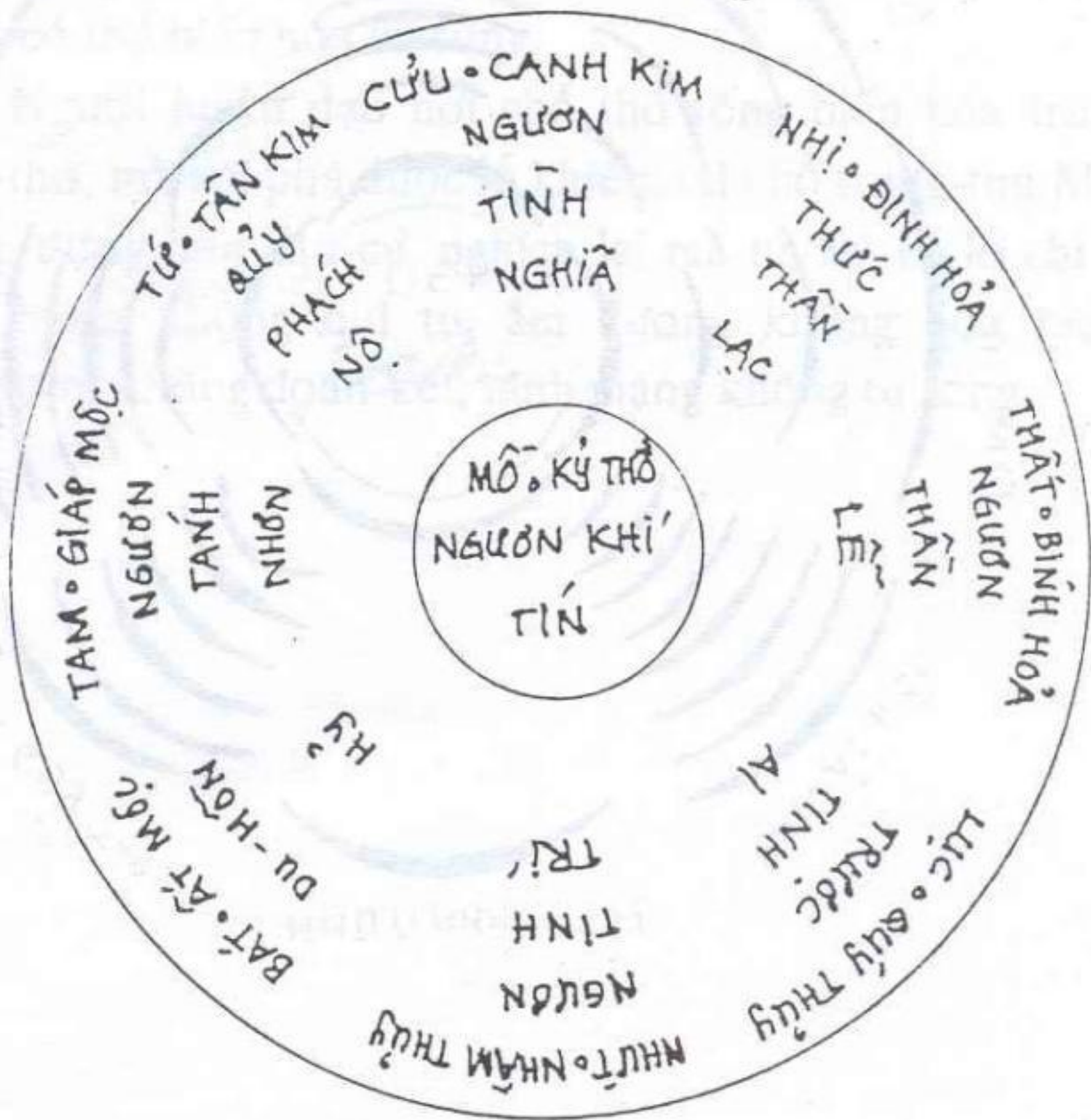
Người luyện đạo nơi chỗ thổ tống biến hóa trong Lạc-thơ, mà xoi phá được lỗ khiếu, tại chỗ trung-tim Một vạch, dựng nên căn-cứ, nghịch lại mà tu, thì có lo chi là ngũ hành không qui tụ, âm dương không hòa hiệp, Kim-đơn không đoàn-kết, tánh mạng không tu xong.

(1) Nghĩa là: phát sanh sáng rỡ, trở lại cội nguồn.

# (4) CỔ LẠC THƠ

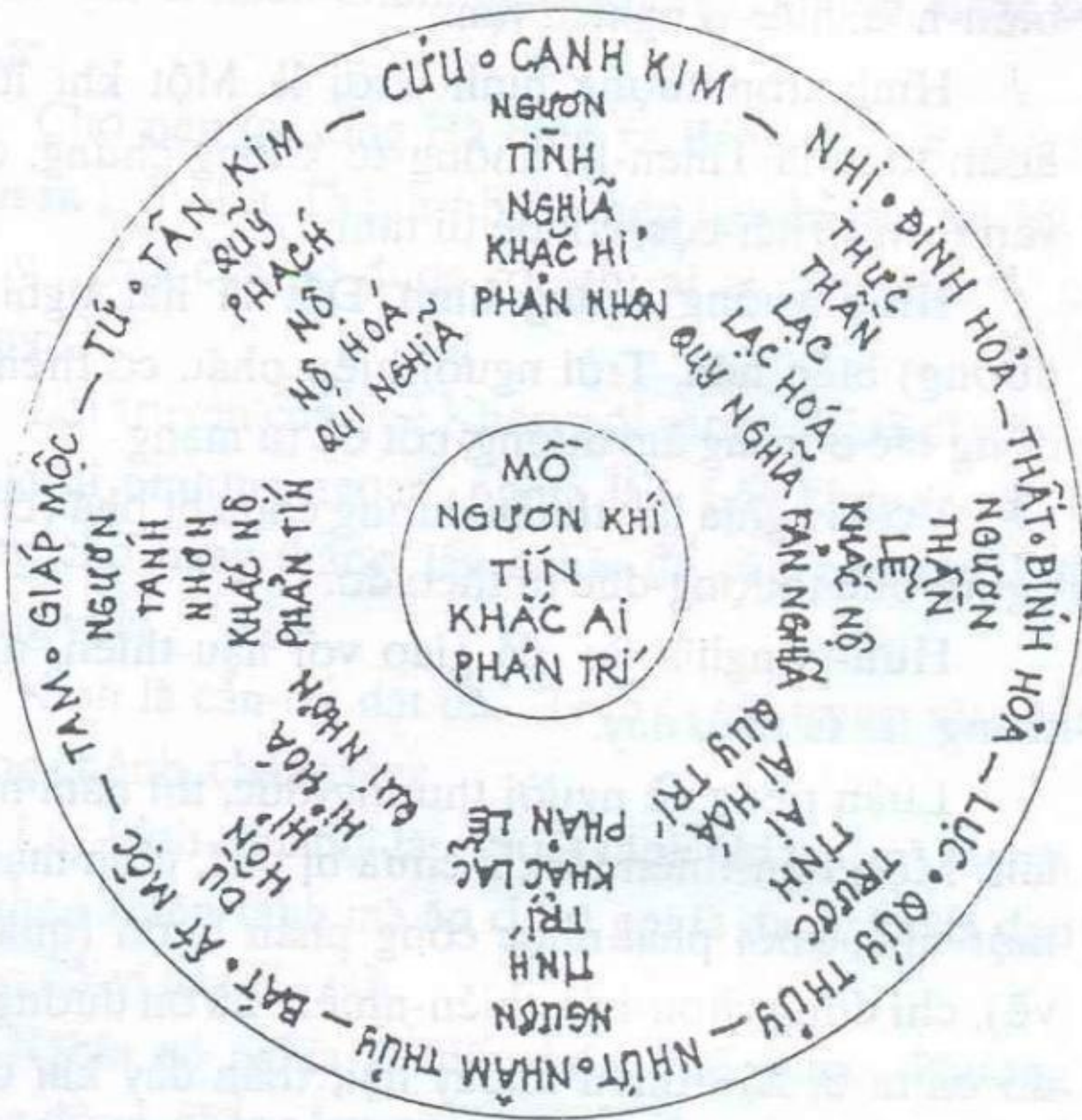


(5)  
ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH  
THỔ LOẠN



(6)

# ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH TỔNG CHỈNH



### III. - ĐỒ THƠ HIỆP NHỨT

(HÀ-ĐỒ và LẠC-THƠ HIỆP LÀM MỘT)

Hà Đồ hình tròn, âm dương hiệp làm một, năm hành chung Một khí là đạo tự nhiên vô-vi.

Lạc-thơ hình vuông, âm dương có thổ tống (ngoài loạn mà trong xếp yên), năm hành khác chế nhau là đạo biến-hóa, hữu-vi nghịch vận.

Hình tròn tượng hình Trời là Một khí lưu hành, hoàn toàn là Thiên-lý, không tu không chứng, đặt mình yên trong Thái-cực, cốt để tu tánh.

Hình vuông tượng hình Đất là hai nghi (âm và dương) biến hóa, Trời người hiệp phát, có thêm có bớt, động tác ở trong âm dương, cốt để tu mạng.

Vô-vi nghĩa là: thuần dương chưa bị phá (chưa hao), người bậc thượng-đức tu theo đó.

Hữu-vi nghĩa là: đã giao với hậu-thiên, người bậc trung, hạ tu theo đây.

Luận riêng về người thượng-đức, thì năm hành hiệp làm Một, tiên-thiên tổ-khí chưa bị phá, tánh mạng chung một nhà, khỏi phải nhọc công phản hườn (quày lại, trở về), chỉ dùng chơn-hóa thiên-nhiên mà ôn dưỡng nó. Khí đó chưa bị hậu-thiên khuấy hại, thần đầy khí đủ, hể có Thành (chơn thiệt) thì đặng Minh (sáng suốt) từ trong phát ra ngoài, lộ xuất Pháp-thân, đời đời chẳng hoại, muôn kiếp hằng còn.

Đạo-gia gọi là "Thân ngoại hữu thân" (ngoài cái thân này; có cái thân khác).

Thích-gia gọi là: "Khiêu xuất luân-hồi" (ra khỏi vòng luân-hồi).

Nho-gia gọi là: "Thánh nhi bất khả tri chi, chi vi Thần" (phần thiêng-liêng sáng-suốt mà không thể biết nó được, đó gọi là Thần).

Còn những kẻ bực trung, hạ, hoặc bị khí-chất câu thúc, hoặc bị tập-quán buộc-ràng, tiên-thiên đã bị phá, thì hậu-thiên hành sự, tánh mạng chia ra làm hai chỗ. Nếu không có đạo hữu-vi, thì cái chi đã mất rồi khó mà gặp lại được, đã đi rồi khó mà quày về được. Tuy có người chí-sĩ nhân-nhơn, cũng không làm sao thành công được.

Cho nên tại sông Hà hiện ra Bàng-đồ, nơi sông Lạc hiện ra Bức-thơ, Thánh-nhơn chép truyền lại, cho đời tìm xét ý nghĩa của nó được rồi, thì ai ai cũng hiểu lý tánh mạng.

Lời truyện của quẻ Khôn nói rằng: "Kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại", nghĩa là: Lấy kính để sửa bên trong cho ngay thẳng, lấy nghĩa để cầu bên ngoài đặng vuông vức.

Kính là cân-cố, dặt dề. Trực là tốt trung, tốt chánh, chẳng chệnh, chẳng lệch.

Lấy kính trực nội là: "Suất tánh chi vi đạo" (nghĩa là: noi theo thiên-tánh mà ăn ở thì gọi là đạo), tức là đạo tự nhiên vô-vi của Hà Đờ.

Nghĩa có nghĩa là biến hóa, chế giảm. Phương là chẳng động, chẳng lay, noi gìn qui cũ.

Lấy nghĩa phương ngoại là: "Tu đạo chi vi giáo" (nghĩa là: chỉ cách sửa san cái đạo, thì gọi là giáo), tức là đạo biến hóa hữu-vi của Lạc-thơ.

Vô-vi để tu bên trong, hữu-vi để tu bên ngoài. Tu bên trong là tu tánh, tu bên ngoài là tu mạng,

Người bực thượng-đức tu tánh mà mạng cũng đặng

lập ngay, tự có Thành (chơn-thiệt) rồi dựng Minh (sáng suốt). Người bực hạ-đức trước tu mạng rồi sau tu tánh, tự dựng Minh với có Thành.

Tự có Thành mà dựng Minh gọi đó là tánh, nói ra để dẫn người thượng-đức. Tự dựng Minh mà có Thành gọi đó là giáo, nói ra để độ người hạ-đức.

Nay vẽ bảng-đồ trong tròn ngoài vuông, để chỉ rõ: người thượng-đức tu bên trong để chế bên ngoài, trước tròn rồi sau vuông; còn người hạ-đức tu bên ngoài cho yên bên trong, trước vuông rồi sau tròn. Tuy nói như vậy, chỗ người hạ-đức phải lấy cái tròn bên trong làm gốc, bất quá là về cái vuông bên ngoài, phần dụng công có nặng hơn mà thôi.

Hai chữ vuông, tròn, rất có diệu dụng: tròn chẳng phải vắng-lặng vô-vi, trong đó có công-phu phòng nguy lự hiểm (ngừa chừng các sự nguy hiểm); vuông chẳng phải là tuyệt hết việc đời, trong đó có công-phu nương thế pháp mà tu đạo pháp.

Biết được năm hành hiệp làm Một khí, một điểm Trung-huỳnh trong Hà Đồ, thì tròn mới dựng tròn, chẳng đến đối lầm lạc về lối học tịch-diệt, trước không (vắng lặng, thiên về không tướng).

Rõ được năm hành dương thố mà có tống, trong khắc mà có sanh; ngang, dọc, thuận, nghịch, rốt cuộc chỉ qui về Trung-huỳnh, thì vuông mới dựng vuông, chẳng đến đối lầm lạc về lối học miến cương, chấp tướng (cương cầu, thiên về hình-tướng).

Dầu tròn, dầu vuông, đều ở trong một điểm Trung-huỳnh. Vuông cũng do đó mà vuông, tròn cũng nhờ đó mà tròn. Không dựng chỗ Trung-huỳnh, thì

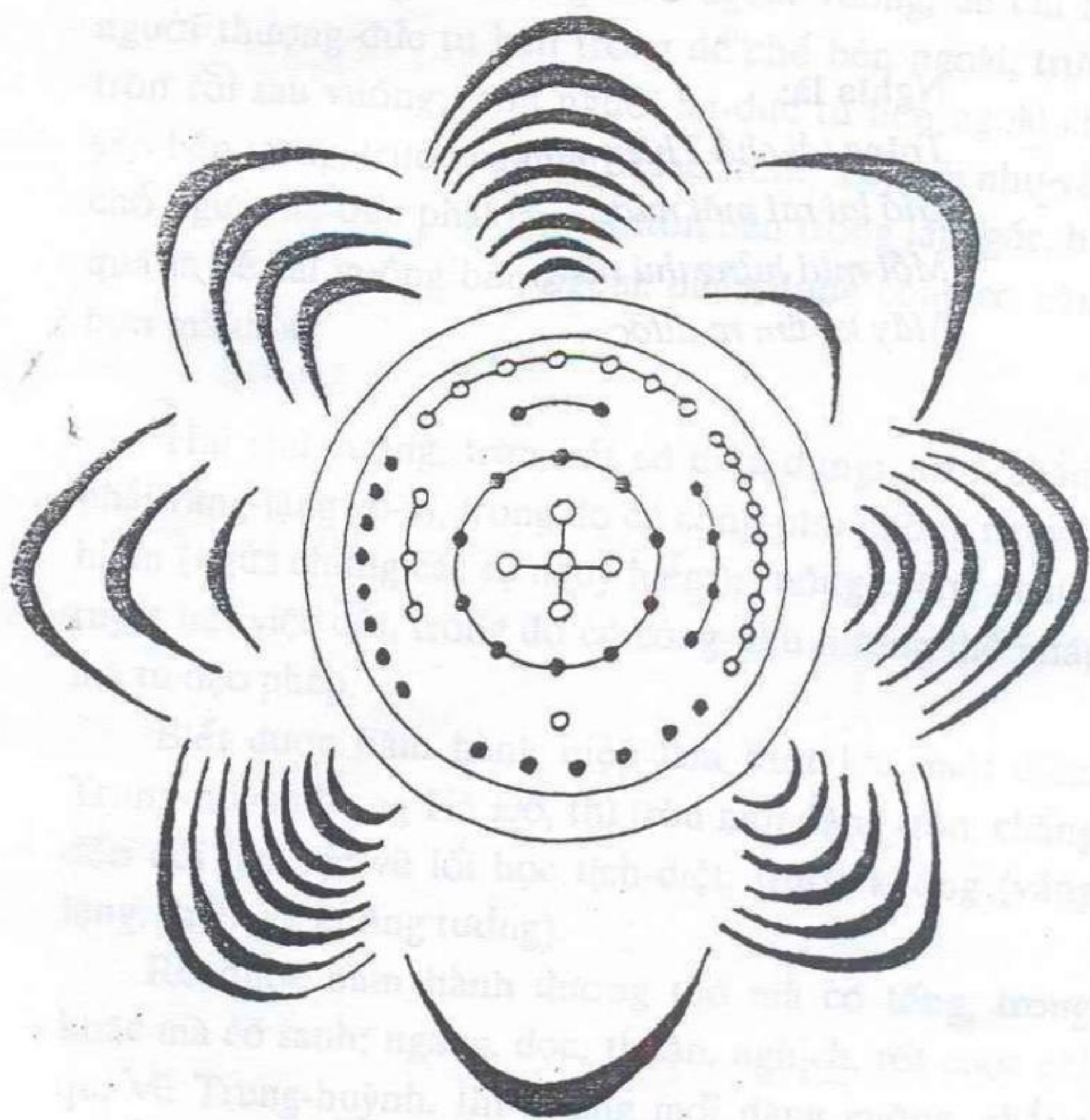
vuông cũng không phải vuông, tròn cũng không phải tròn.

Y! Nguyệt đảo Thiên-tâm xú,  
Phong lai thủy diện thì,  
Nhứt ban thanh ý vị,  
Liểu đặc thiếu nhơn tri.

Nghĩa là:

Trăng tới chỗ Thiên-tâm,  
Gió lai rai mặt nước,  
Một mùi hứng thú riêng,  
Mấy kẻ tìm ra được.

# (7) ĐỒ THƠ HIỆP NHÚT



#### IV. - TIÊN-THIÊN HOÀNH-ĐỒ

#### TIÊN-THIÊN HOÀNH-ĐỒ LÀ THỨ TỰ CỦA VUA PHỤC HI VẼ RA BÁT QUÁI

Đương lúc chưa có quẻ mà sắp ra quẻ, thì số 5 ở chính giữa bảng-đồ tức là Thái-cực.

Trước vẽ một vạch liền (cơ) để tượng hình Dương nghi; kế vẽ một vạch đứt (ngẫu) để tượng hình Âm nghi.

Thái-cực sanh lưỡng nghi, tức là cái vạch liền và cái vạch đứt ở trong bảng-đồ.

Lại trên lưỡng nghi, mỗi bên có một vạch liền và một vạch đứt để tượng hình Thái-dương, Thái-âm, Thiếu-dương, Thiếu-âm.

Lưỡng nghi sanh tứ tượng, tức là mỗi vạch liền, mỗi vạch đứt trong bảng-đồ chia ra tứ tượng là:

Kim, Mộc, Thủy, Hỏa.

Lại trên tứ tượng, mỗi ngôi có: một liền, một đứt, thành ra Bát quái.

Tứ tượng sanh bát quái, tức là trong bảng-đồ tứ tượng mỗi ngôi có: một âm, một dương.

Vẽ tứ tượng mà không nói tới Thổ, là bởi Thái-cực tức là Thổ đó. Âm dương đối chọi nhau tương giao mà sanh quẻ cũng là Thổ. Vì nó sanh sanh chẳng ngớt, nên gọi là Thổ. Vì nó có một khí vận dụng, nên gọi là Thái-cực. Thái-cực và Thổ là Một mà thôi. Cho nên không nói tới Thổ, mà chỉ vẽ tứ tượng.

Tứ tượng đã có âm dương, thì Bát quái giao với nhau, cái này cái kia chọi đẩy nhau. Một quẻ chọi với tám quẻ, tám quẻ chọi hết lẫn nhau, rồi quẻ này chong lên

quẻ kia mà thành ra 64 quẻ.

Một quẻ đôi có sáu vạch, ba vạch dưới là lấy ý tam tài: Thiên, Địa, Nhơn. Còn ba vạch trên, đối với ba vạch dưới cho có cặp, là lấy ý Thiên, Địa, Nhơn, mỗi tài đều có âm dương.

Bát quái tức là âm dương của tứ tượng (mỗi thứ trong tứ tượng đều có âm dương).

64 quẻ tức là khí do âm dương của tứ tượng phối hiệp mà sanh ra.

Bát quái sắp rồi chồng lên với nhau, tức là âm dương tương giao, thì sự sanh sanh chẳng ngớt, há chỉ có 64 quẻ mà thôi đâu!

Vẽ quẻ mà chấm dứt ở 64 quẻ, là vì Đạo của Tạo-hóa chẳng qua là âm dương của tứ tượng biến hóa ra đó mà thôi.

Tứ tượng kể âm và dương thì gọi là bát quái. Một quẻ đi khắp các ngôi chọi với tám quẻ, tám quẻ đi khắp các ngôi chọi với 64 quẻ, ngàn quẻ, muôn quẻ, đều chẳng ra ngoài 64 quẻ đó được.

Vậy lấy cái gì mà hành khí, có phải là 64 quẻ chăng?

Mà 64 quẻ là tám quẻ,

Tám quẻ là tứ tượng,

Tứ tượng là lưỡng nghi.

Lưỡng nghi chỉ là Một khí Thái-cực lưu hành.

Thế thì Thái-cực là căn bản của muôn sự biến hóa, là Tổ-khí sanh ra muôn vật.

Có Thái-cực này mới có âm dương,

Có âm dương mới có tứ tượng,

Có tứ tượng mới có tám quẻ,

Có tám quẻ mới có 64 quẻ.

Nếu không có Thái-cực thì:

Âm dương ở đâu mọc ra,

Tứ tượng ở đâu nảy sanh,

Tám quẻ ở đâu sắp thành,

64 quẻ ở đâu mà vận hành?

Vua Phục Hi vẽ họa-đồ quẻ sanh quẻ, có phải là chỗ huyền-diệu của số sanh trong Hà Đồ không?

Tử Dương đọc "Tham Đồng Khế" thấy có câu:

*Nhút tự hư-vô triệu chất,*

*Lưỡng nghi nhân nhút khai căn,*

*Tứ tượng bất li nhị thể,*

*Bát quái hộ vi tử tôn.*

Nghĩa là:

*Nhút khí Hư-vô lộ chất,*

*Lưỡng nghi do một chia đôi,*

*Tứ tượng không lìa hai thể,*

*Bát quái lẫn làm cháu con.*

Muôn hình tượng sanh ra từ trong chỗ biến động, rồi mới có kết hung, hối lẫn (hối hận).

Thiên hạ vận dụng hằng ngày theo đó mà không rõ Thánh-nhơn tìm ra được cái bản nguyên tiên-thiên sanh ra các quẻ, nên các nghĩa màu-nhiệm nhờ đó mà phát lộ trọn hết.

Cái Bản-lai chơn-tâm của người rỗng tuếch, không mang theo một mây lông, một sợi tơ nào, tột trống không, tức là Thái-cực. Ấy là chỗ gọi "Vô danh thiên địa chi thi", nghĩa là: cái không tên kia là mối đầu của trời đất.

Nhưng cái Hư-vô Thái-cực này chẳng phải là một vật chết, mà là một vật sống, trong đó có ẩn một điểm O sanh cơ. Điểm này gọi là khí tiên-thiên chơn nhứt, là cội tánh mạng của con người, là nguồn của Tạo-hóa, là gốc của sanh tử.

Trong Hư-vô có ngậm-chứa (tiềm-tàng, chứa phát lộ) Một khí, chẳng có, chẳng không, chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô hình, rất là hoạt bát. Lại cũng gọi là Chơn-không, Chơn-không là chẳng không mà không, không mà chẳng không. Ấy là chỗ gọi "Hữu danh vạn vật chi mẫu", nghĩa là: cái có tên kia là mẹ sanh của muôn loài.

Một khí Hư-vô đã có một điểm sanh cơ ở trong, đó là Thái-cực ngậm chứa Một khí, tức là câu: "Nhứt tự Hư-vô triệu chất". Một khí đã lộ chất, thì không thể chẳng động, chẳng tịnh, động làm dương, tịnh làm âm. Cái động và cái tịnh này sanh ở trong Một khí, chánh là: "Lưỡng nghi nhân nhứt khai căn". Đã có động, có tịnh, động hết sức rồi tịnh, tịnh hết sức rồi động, thì tánh, tình, tinh, thần đã có ngụ ở trong. Đó là lưỡng nghi sanh tứ tượng, chánh là "Tứ tượng bất li nhị thể". Đã có tứ tượng là tánh, tình, tinh, thần, thì mỗi tượng đều có động, có tịnh. Đó là tứ tượng sanh bát quái. Bát quái sanh khắc lẫn nhau mà "hộ vi tử tôn" (cái này sanh cái kia, cái kia sanh cái này, làm con cháu lẫn cho nhau).

64 quẻ bởi đó mà nảy sanh, muôn hình biến động từ đó mà mọc ra.

Nhưng muôn (hình) gốc ở tám (quẻ),  
tám gốc ở bốn (tượng),  
bốn gốc ở hai (nghi),  
hai gốc ở Một (khí),

Một gốc ở Hư (vô).

Hư là mối đầu của khí (khí chi thì),

Một là mẹ sanh của khí (khí chi mẩu).

Hư-vô là thể, một khí là dụng, thể dụng như một.

Hai hoặc bốn, hoặc tám, hoặc muôn, đều vận dụng ở trong Một khí Hư-vô, thì có gì là kiết, hung hối lẫn đâu?

Bằng mất một khí Hư-vô, thì động tịnh chẳng hợp thời, bốn khí chẳng còn điều hòa, tám quẻ thổ loạn, muôn hình biến động, thì chừng đó mới có phân ra kiết, hung, hối lẫn.

Cái chỗ bí mật này, ai không biết nó mà thuận theo khí âm dương, thì có sống có chết, muôn kiếp trầm luân. Cho nên nói: Thiên hạ vận dụng hằng ngày theo đó mà chẳng rõ. Ai biết nó mà nghịch với khí âm dương, thì ra chết vào sống, lên ngay cõi Thánh. Cho nên nói: Thánh-nhơn tìm ra được cái Bốn-nguyên.

Dụng nó hằng ngày mà chẳng rõ, là nói: chẳng rõ biết Một khí Hư-vô. Tìm ra được cái Bốn-nguyên, là nói gìn giữ được Một khí Hư-vô.

Trời Đất sử khiến được vật có hình, chớ không thể sử khiến vật không hình; sử khiến được kẻ có tình, chớ không thể sử khiến kẻ vô tình; sử khiến được kẻ hữu tâm, chớ không thể sử khiến kẻ vô tâm.

Tìm ra được cái Bốn-nguyên, đặt cái tâm mình ở Hư-vô, dưỡng tâm ở Một khí. Tuy rằng có: lưỡng nghi, tứ tượng, tám quẻ, 64 quẻ, nhưng cả thảy đều vận dụng tại chỗ căn-bổn là Hư-vô, chẳng hề sanh ra bao giờ, muôn hình đều không, duy có một cái đó O.

Thử hỏi cái đó là sự vật trong một khí Hư-vô, thì làm sao:

**kiết hung gia cho mình  
hối lẩn gần bên mình được?**

Cách sanh quẻ và sắp quẻ của Phục Hi rất hay thay!  
Hay là hay ở chỗ tám quẻ sắp thành Kiền dương kiện lúc  
đầu tiên, Khôn âm thuận lúc cùng cuối. Khi âm dương  
mới sanh thì cả hai đều ở tại trung-ương.

**Kiền đầu tiên là Kiền dị tri (dễ biết)?**

**Khôn cùng cuối là Khôn giản năng (gọn làm).**

Đứng về mặt Trời Đất thì gọi là: "dị tri, giản năng",  
mà theo đạo người thì gọi là: "lương tri, lương năng",  
hoàn toàn là Thiên-ly. Cho nên một động, một tịnh, đều  
lấy một điểm Hư-bạch (một vòng tròn trắng) ở chính giữa  
mà lập căn-cơ.

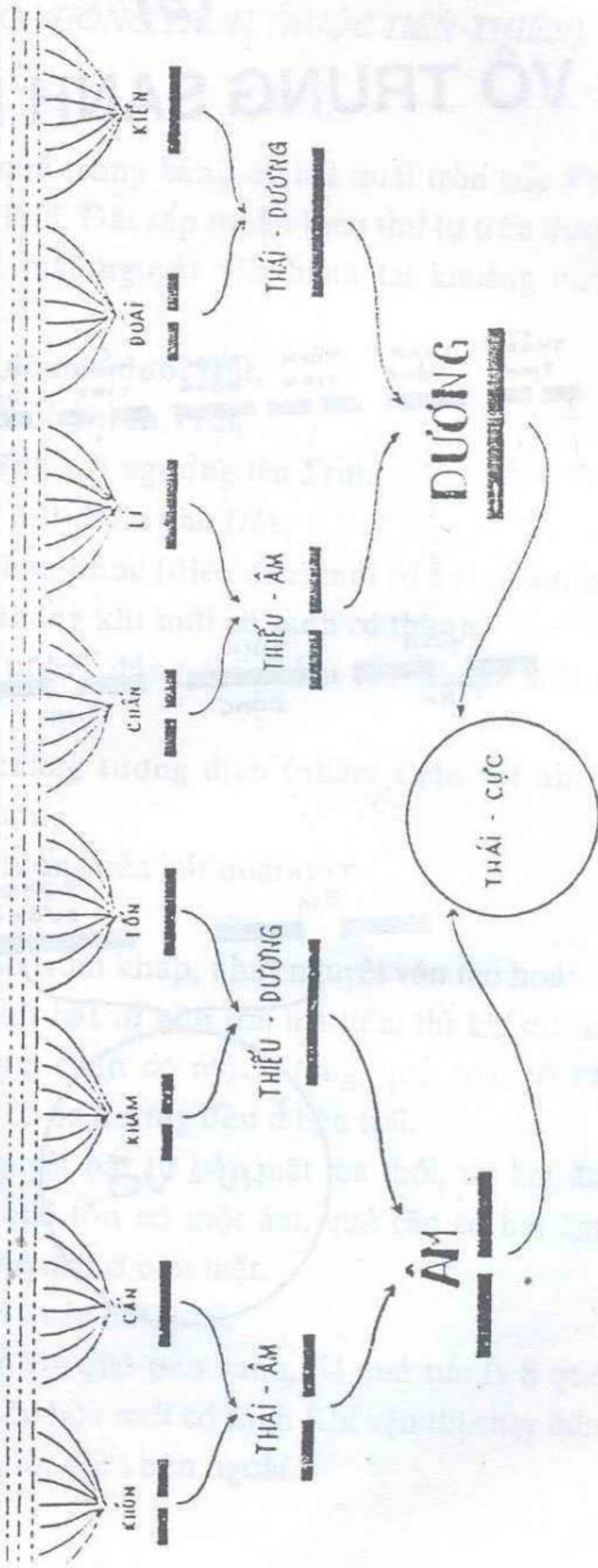
Ở chỗ không quẻ mà sanh quẻ, nếu con người tìm ra  
được Bản-nguyên, thì bỗng-nhiên sẽ thấy cái Bản-lai  
diện-mục (chơn tướng), mới là biết Một khí Hư-vô, ngậm  
chứa sự vật:

**tốt không mà ngậm chứa tốt có,  
tốt trống mà ngậm chứa tốt đặt,  
không hình mà hay biến hóa,  
cho nên biến hóa vô cùng.**

Trong Tâm ta tự-nhiên có một ông vua Phục Hi.  
Trong thân ta tự nhiên có Đạo sanh sanh chẳng ngớt.

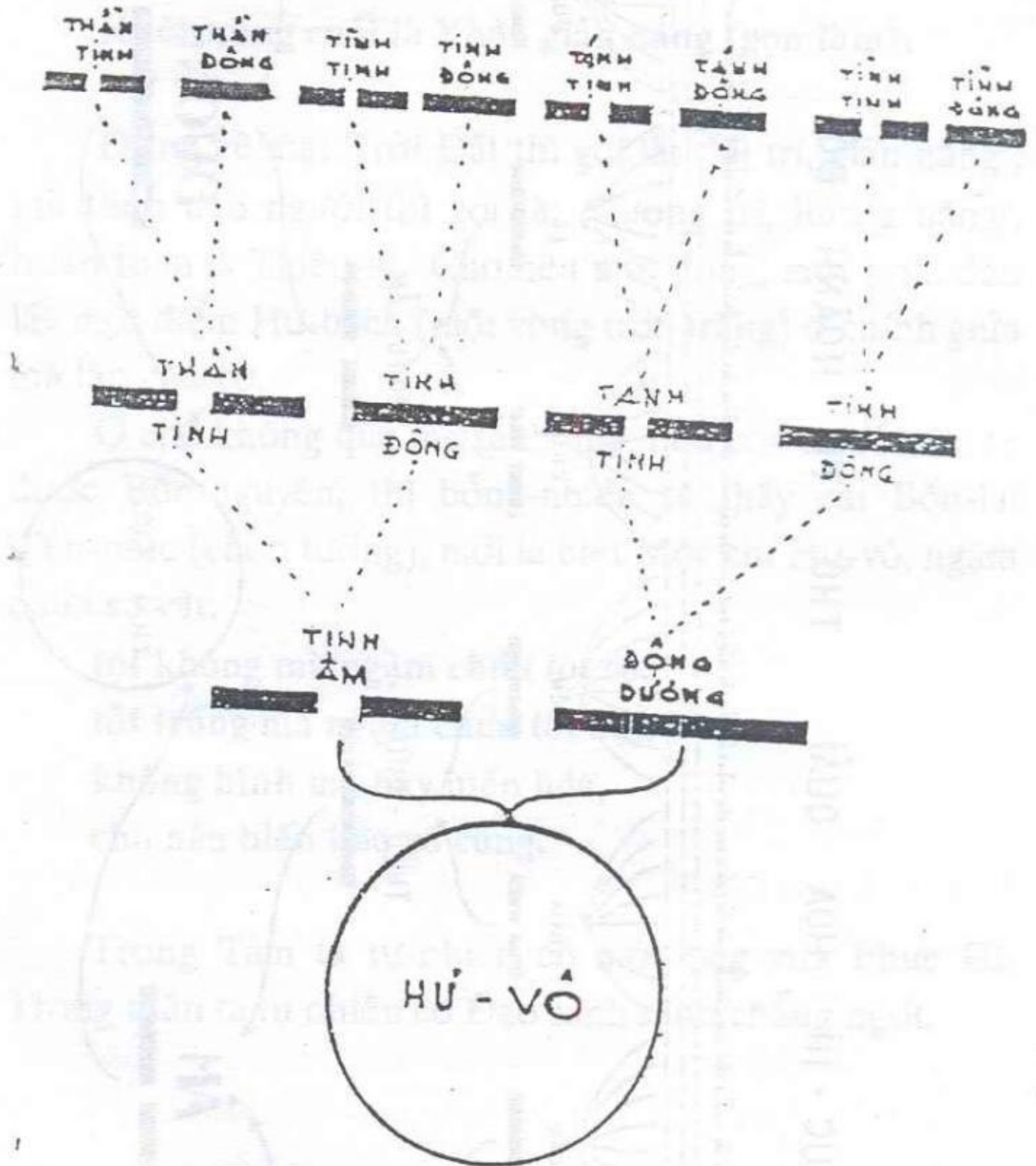
⑧ PHỤC - HÍ HỌA QUÁI THỨ TỰ HOÀNH ĐỒ

... (vertical text on the left side of the diagram)



(9)

# VÔ TRUNG SANH HỮU ĐỒ



## V. - TIÊN THIÊN PHƯƠNG VIÊN ĐỒ

(BẢNG-ĐỒ VUÔNG TRÒN THUỘC TIÊN-THIÊN)

Ngôi các quẻ trong bảng-đồ bát quái tròn của Phục Hi là ngôi của Trời, Đất sắp thuận theo thứ tự trên dưới.

Mặt nhật, mặt nguyệt vận hành tại khoảng chính giữa Trời Đất:

Lôi (sấm) động ở dưới Đất,

Tốn (gió) thổi ở trên Trời,

Trạch (miệng ao) ngưỡng lên Trời,

Sơn (chưn núi) bám vào Đất.

Trời Đất phản phúc (điên đảo) mới có âm có dương.

Sơn trạch thông khí mới có sanh có thành.

Phong lôi tương đãng (xâm lấn lẫn nhau) mới có lên có xuống.

Thủy hỏa chẳng tương dịch (nhàm chán với nhau) mới có lạnh có nóng.

Đó là biểu-tượng của bát quái

Trời Đất bao trùm khắp, nhật nguyệt vận tạo hoá:

a) - Mặt Nhật bắt từ bên trái mà tiến, thì khí dương lên. Cho nên quẻ chấn có một dương, quẻ đoài có hai dương, quẻ kiên có ba dương đều ở bên trái.

b) - Mặt Nguyệt bắt từ bên mặt mà thổi, thì khí âm sanh. Cho nên quẻ tốn có một âm, quẻ坎 có hai âm, quẻ khôn có ba âm đều ở bên mặt.

Đây là khí vận của bát quái.

Khí hành thì 64 quẻ bèn sanh, 64 quẻ tức là 8 quẻ thúc đẩy nhau, biến hóa mới có sanh Khí vận thì chạy bên trong, biểu tượng thì hiện bên ngoài.

Nhưng thứ tự của khí hành theo bát quái cũng là nghịch đạo. Có nghịch thì mới có sanh, không nghịch thì chẳng sanh được. Vậy thì thuận sanh tức là ở trong nghịch thối mà ra.

Bảng-đồ tròn và lấy ý tròn để tượng hình Trời. Mà Trời vận hành một khí lên xuống, giáp vòng rồi trở lại mỗi đầu, tuần hườn không biết đâu là manh mối.

Đó là biểu-tượng của Thái-cực, lúc chưa sanh ra (vị sanh xuất).

Cái Đạo chưa sanh không làm sao mà thấy nó được? Thấy là thấy các quẻ sanh ra kia. Đã sanh ra rồi mà nghịch vận trở lại, thì cái chưa sanh tức còn ẩn ở trong đó.

Cho nên theo ngôi vị quẻ, thì quẻ chấn có một dương ở bên trái phía dưới hết; quẻ li có hai dương, một âm ở bên trái chính giữa; quẻ đoài có hai dương ở bên trái gần trên; quẻ kiên ba dương ở bên trái phía trên hết. Kể theo thứ tự, thì:

**Kiên nhứt, đoài nhì, li tam, chấn tứ.**

Theo ngôi vị quẻ thì bắt dưới mà đi lên. Còn theo thứ tự quẻ thì bắt trên mà đi xuống.

Đù thấy ở trong nghịch có thuận, ở trong thuận có nghịch. Còn cái đi nghịch lại với:

Kiên nhứt, đoài nhì, li tam, chấn tứ đó, tức là:

**Tốn ngũ, khảm lục, cần thất, khôn bát.**

Một khí đi thuận lên là khí dương của quẻ:

Chấn, đoài, li, kiên.

Một khí đi nghịch xuống là khí âm của quẻ:

Tốn, khảm, cần, khôn.

Dương thối tức là âm sanh, dương tiến tức là âm thối.

Tóm lại, âm dương chỉ có Một khí biến hóa, chớ không phải ngoài Một khí ra, lại có âm dương riêng biệt. Nhưng cái máy sanh hóa (sanh cơ) của Một khí đặc diệu là tại chữ nghịch đó.

Duy có nghịch, khí mới lại. Nếu đi nghịch lại, thì khí dương thâm liễm qui căn, rồi cũng sanh lại như trước vậy. Cho nên: "Hệ Từ truyện" nói rằng:

"Số vãng giả thuận, tri lai giả nghịch". Nghĩa là: Đếm xét cái qua rồi là thuận, biết việc sẽ tới là nghịch.

Vì cơ mà Dịch tức là nghịch số. Đủ thấy tiên-thiên Thái-dịch hoàn toàn ở chỗ nghịch.

Ngôi vị quẻ thuận sanh, thứ tự quẻ nghịch sanh, cái ý tứ này thâm thúy biết mấy! Chẳng những trong tám quẻ như thế, mà trong bảng-đồ phương viên, có 64 quẻ cũng y như thế.

Bảng-đồ tròn thuộc về phép tám quẻ chọi đẩy nhau. Chọi đẩy nhau là một quẻ chọi, mà vận hành khí của tám quẻ kia. Tám quẻ chọi đẩy nhau, mà vận hành khí của tất cả 64 quẻ. Chớ không phải ngoài tám quẻ ra, riêng biệt có 64 quẻ đâu!

64 quẻ chẳng qua là 8 quẻ vận dụng, 8 quẻ chỉ là một âm một dương vận dụng, một âm một dương vận dụng chỉ là Một khí thuận nghịch vận dụng mà thôi.

Bảng-đồ tròn, bảng-đồ vuông cũng là khí vận của tám quẻ.

Duy theo bảng-đồ vuông thì:

Quẻ kiên ở Tây-bắc,

Quẻ tổn ở Đông-nam,

là bới: Kiên nhưt, đoài nhì, li tam, chấn tứ, tổn ngũ, khảm lục, cấn thất, khôn bát tà hành (nghĩa là: đi theo lối chẳng chánh).

Hai bảng-đồ thiết là chẳng đồng nhau vì:

Tròn tượng hình Trời,

Vuông tượng hình Đất.

Cái trên là dương làm Trời,

Cái dưới là âm làm Đất.

Tây-bắc cao, còn Đông-nam thấp,

Cao tức là dương,

Thấp tức là âm.

Bảng-đồ vuông cũng lấy:

Kiên nhứt, đoài nhì... làm thứ tự, tức là nghịch đạo của Kinh Dịch. Thiên biến vạn hóa đều là một chữ nghịch, không có hai lý.

Hay thay cho Thiệu Tử đem bảng-đồ vuông đặt trong bảng-đồ tròn, thiết là hiểu hết cái tâm truyền của Phục Hi đó!

Số là bảng-đồ tròn của Phục Hi, thì ngưỡng lên xem thấy Trời mà vẽ. Còn bảng-đồ vuông, thì cúi xuống y theo Đất mà vẽ.

Đất vốn vô-vi, nhờ thọ khí của Trời mà ra hữu-vi.

Khí của Trời là Ngũ vận,

Khí của Đất là Lục Khí.

"Vận" của Trời nhập vào "Khí" của Đất, thì: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh, Tân, Nhâm, Quý, Mồ, Kì vận hành ở ngôi: Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

( Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ là khí ngũ hành, hóa làm:

Phong (gió)

Hàn (lạnh)

Thủ (nóng)

Thấp (ướt)

Táo (ráo)

Hỏa (lửa)

Bảng-đồ tròn thì vận ở ngoài, bảng-đồ vuông thì sanh ở trong.

Khí Trời động, còn khí Đất tịnh. Một khí đi đi lại lại lấy kiện, khôn làm bao la (bao quát), lấy lục thiếu (sáu quẻ nhỏ: chấn, tốn, khảm, li, cấn, đoài) làm biến hóa.

Dương nghịch thì âm sanh,

Dương thuận thì âm thối,

Tứ thời hành thì trăm vật sanh.

Cái Đạo tiên-thiên tạo-hóa tới đây là rõ ràng rồi.


Nhưng cái Đạo trong vuông, ngoài tròn, Trời động, Đất tịnh, lại còn có chỗ bí mật khó nói. Phục Hi không thể chỉ rõ cho người biết, chỉ lấy 64 quẻ sắp làm hai bảng-đồ vuông, tròn mà thôi. Thiệu Tử cũng không thể viết ra cho người thấy, chỉ lấy hai bảng-đồ vuông tròn, hiệp làm một bảng-đồ trong vuông ngoài tròn mà thôi.

Phục Hi chẳng phải là không muốn dạy, nhưng dạy chẳng qua là: vẽ các quẻ làm bảng-đồ, còn phần nào không thể vẽ quẻ, làm bảng-đồ, thì không dạy được.

Thiệu Tử chẳng phải là không muốn viết ra, nhưng viết ra chẳng qua là làm bảng-đồ trong vuông ngoài tròn. Còn phần sở dĩ nhiên ((lý do làm sao mà ra vậy) không ở trong tròn vuông, không dính với tròn vuông, thì không viết ra được.

Nhưng có quẻ, có bảng-đồ, những chỗ không dạy, không viết ra được, ta có thể suy tìm ở trong quẻ, trong

bảng-đồ.

Trong bảng-đồ vuông, 8 quẻ giao thố chỗ chính ngay giữa chữ thập của 16 quẻ  tức là Thái-cực, làm cửa cho âm dương ra vào. Âm cũng sanh ra ở đó, dương cũng sanh ra ở đó, tứ tượng hòa hiệp ở đó, ngũ hành qui tụ ở đó. Cho nên quẻ chấn, quẻ tốn, có một âm, một dương ở tại giữa, như nghĩa số 5 ở chính ngay giữa Hà Đồ, Lạc-thơ.

Duy nhờ có Thái-cực này, mà âm dương:

Có sanh, có thành.

Có chia, có hiệp.

Có động, có tịnh.

Dương từ Tây-bắc mà nghịch thối về trung ương, là sanh khí ở chính giữa. Âm từ trung-ương mà thuận vãng về đông-nam, là âm khí ở phía ngoài.

Âm là khách, dương là chủ. Lấy dương thống (trị) âm, lấy âm thuận dương, âm tùy dương tiến hay thối mà theo tiến thối. Đó là nghĩa chữ vuông.

Trong bảng-đồ tròn:

Dương bên tả đi lên,

Âm bên hữu đi xuống.

Âm lại giao cùng dương thì một âm sanh trên Trời. Dương lại giao cùng âm thì một dương sanh dưới Đất. Dương sanh hay là âm sanh đều là ở tại chính giữa của bảng-đồ.

Cái tròn tượng hình Một khí của Trời lên xuống. Lên là dương, xuống là âm, tượng hình Một khí vận âm dương. Ở tại đây, chỗ âm dương giao cùng nhau, tức là Một khí Thái-cực. Thái-cực tức là




Một khí, Một khí tức là Thái-cực.

Luận về thể, thì gọi là Thái-cực; luận về dụng, thì gọi là Một khí.

Lúc nào phải dương thì dương,  
Lúc nào phải âm thì âm,  
Lúc nào phải lên thì lên,  
Lúc nào phải xuống thì xuống,  
dương mà âm,  
âm mà dương.

Một khí hoạt bát, không định có không, tự nhiên đóng mở, đều là vận dụng ở một điểm tại chính giữa đó.

Một điểm đó dương khốt. Phục tức là cái đó. :  tức là Tạo-hóa lư, Âm-Hi không thể dạy rõ được, Thiệu Tử không thể viết rõ được, tức là cái đó.

Học-giả biết được căn do của nó ở trong bảng-đồ vuông, tại chỗ chánh ngay chữ thập, hiểu thiết xứ của nó ở trong bảng-đồ tròn tại chỗ kiền khôn giao đại (giao tiếp và thay thế nhau), thì tại chỗ chánh ngay chữ thập, lập định căn-cước tại chỗ điểm chính giữa đó mà tu trì tánh mạng.

Vuông để trị trong,  
Tròn để ứng ngoài.  
Lấy Thái-cực, Một khí làm thể,  
Lấy tứ tượng, bát quái làm dụng.  
Trong tròn có vuông,  
Ngoài vuông có tròn.

Vuông tròn đứng câu nê, thì trong thân mình ta tự

có 64 quẻ của Phục Hi.

Trong hai bảng-đồ vuông và tròn, chẳng cần phải nêu văn chấp tượng, có thể đặt ý rồi quên lời, hoạt hoạt, bát bát. Nhưng chỗ quan trọng nên chú ý trong hai bảng-đồ vuông tròn, là tại nghịch vận cho được.

Hễ nghịch thì sanh, mà thuận thì chết. Trong cái thuận mà sanh, thì sanh này có hạn; còn trong cái nghịch mà sanh, thì sanh này không cùng.

Có sanh (có biến hóa) thì chẳng sanh (chẳng sống). Không sanh (không biến hóa) thì trường sanh (sống lâu). Một nghịch, một thuận, Trời Đất cách nhau xa lắm.

Thứ tự của Phục Hi bày ra, ấy là biểu-tượng của số nghịch. Văn Tuyên thích ra, ấy là chánh lý của số nghịch. Thiệu Tử chú ra, ấy là chú các quẻ lúc chưa sanh. Vậy thì Dịch này tức là nghịch đạo, không còn ngờ-vực gì nữa.

Kinh xưa nói rằng: "Ngũ hành thuận sanh, thì côi Pháp-giái là hỏa-khanh (hầm lửa). Ngũ hành điên đảo, thì cảnh đại-địa là Thất-bảo (ao thất bảo, nước mát mẻ, ở cảnh Tây-phương Cực-lạc)". Người đời muốn tận tánh, chí mạng, mà bỏ ra cái tiên-thiên nghịch đạo nói đây, thì không còn chước thuật nào khác nữa.

- Nghịch là nghịch làm sao?

- Tức là nghịch hồi (trở lại) cái tánh bốn chơn trước khi cha mẹ sanh ta đó thôi. Con người chịu khí âm dương ngũ hành của Trời, Đất mà sanh ra:

Khí dương của Trời tốt cường kiện, kết tinh làm mạng; khí âm của Đất tốt nhu thuận, đọng lại làm tánh.

Lúc mới sanh ra thì kiện và thuận hiệp nhau, tánh mạng chung một nhà, tánh chẳng lìa mạng, mạng chẳng lìa tánh, tánh tức là mạng, mạng tức là tánh. Đó là chỗ gọi: "Thiên mạng chí vị tánh", nghĩa là: (Cái điểm

linh-quang của) Trời phú cho ta thì gọi là tánh.

Đương lúc này, thì hoàn toàn là Thiên-ly (không có gì khác nữa), lưu hành chẳng ngớt, tiên-thiên làm chủ mỗi việc, hậu-thiên chưa có phát lộ; muôn vật đều là không, bụi trần không thể nhiễm, một động, một tịnh, đều là vận dụng nơi trong Thái-cực.

Cho nên tánh mình động mà chẳng đến đối sanh ra táo-bạo, động mà khiêm-hòa; khiêm mà chẳng quá nhu nhược, khiêm mà làm việc quả quyết; khiêm và động hiệp làm một, thì cũng như lôi phong tương đảng (gió sấm xâm lấn nhau).

Lại minh mà chẳng tới mức tự-dụng<sup>(1)</sup>, minh mà tợ như hãm dưới thấp; hãm mà chẳng tới mức muội tánh, hãm mà hay minh: minh và hãm hiệp làm một, thì cũng như thủy hỏa chẳng tương dịch (nước lửa chẳng nhằm chán nhau).

Hòa mà chẳng xuống mức nguy vọng, hòa mà có chỉ sở (có chỗ ngừng, có ranh hạn); chỉ mà chẳng lạc vào néo không-tịch (vắng lặng), chỉ mà hay hòa; hòa và chỉ hiệp làm một, thì cũng như sơn trạch thông khí (núi ao thông hơi nhau).

Trong dương có ẩn âm, trong âm có ẩn dương. Dương thì kiện, âm thì thuận, âm dương hỗn thành một cảnh rỗng-tuyệt. Trong đó, có treo một hột thử-mễ bửu-châu, tròn vìn, sáng rỡ, trong sạch, đỏ lói, chẳng biết, chẳng hay, y phép Thượng Đế. Đó là chỗ gọi: "Suất tánh chi vị Đạo," nghĩa là: noi theo Bốn-tánh (mà cư xử) thì gọi là Đạo.

(1) Tự dụng nghĩa là: Chỉ cậy nơi sức mình mà hành động cố chấp ý kiến riêng của mình. Đức Khổng Tử nói: Kẻ ngu (không phải Thánh Hiền) mà ưa tự dụng; người tiện (không phải thiên-ái) mà ưa tự chuyên.

Đạo là cái gì? Tức là Thái-Ất hàm chơn khí, chẳng dùng tác vi, thung dung mà trúng Đạo, chơn-không nhưng diệu-hữu. Ý nói: Chí thiện vô ác.

Chí thiện vô ác là lành lên cực điểm, không sấm lậu, chẳng trong ngoài, không nhưn ngã, chẳng tu chứng, không phối đối, chỉ có một cái linh chơn-tánh, chiếu sáng chẳng tối, chẳng phải sắc, chẳng phải không, tức sắc, tức không (mà nhập với không và sắc), chẳng phải có, chẳng phải không có, tức có, tức không có, sắc không như một, chẳng định không hay có, rỗng là Thiên-cơ, tuyệt không nhưn-cơ, sanh khí hằng còn.

Tuy là có cái tánh nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, mà không có cái hình nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Bất nhân mà chí nhân,

Bất nghĩa mà chí nghĩa,

Bất lễ mà chí lễ,

Bất trí mà chí trí.

Tức là nhân,

Tức là nghĩa,

Tức là lễ,

Tức là trí.

Một tánh thiện mà có thể gồm đủ bốn đức, Một khí mà có thể gồm đủ muôi pháp, thì làm sao có chất cặn bả như ngũ vật, ngũ tặc. Đó là chỗ gọi: "chưa sanh ra" vậy.

Chưa sanh ra, nghĩa là: Thiên-chơn ở bên trong chưa phân tán ra ngoài, tức là Bốn-lai diện-mục, tức là hột giống sanh Thánh Hiền, tức là phôi-thai của Tiên, Phật.

Cái diện-mục, hột giống, phôi-thai này, người nào cũng có đủ, kẻ nào cũng hoàn thành, dầu bậc Thánh

không thêm, đâu người phạm chẳng bớt, nên Thánh phạm đồng chung một con đường.

Đến khi khí tiên-thiên đủ, khí hậu-thiên lần sanh; khí âm chủ động mỗi việc, tinh, thần, hồn, phách, ý đều khởi, thì Thánh phạm mới chia ra làm hai ngã.

Tới đây, chỉ có bậc Thánh-nhơn tự Trời sanh mới giữ được cái Bốn-lai diện-mục đó mà thôi. Còn cả thầy thường-nhơn chưa từng có ai không bỏ chơn theo giả, tự tổn thương tánh mạng mình.

Từ xưa, các vị Thánh-sư, đại từ, đại bi, đem cái đạo "Bảo Nhứt vô-vi", mà lưu truyền cho đời sau. Đó là muốn cho người người thành đạo, ai ai cũng rõ lý chơn.

"Nhứt" là khí tiên-thiên Chơn-nhứt, tức là khí do âm dương hỗn hiệp, chẳng phải chia hai, tức là khí của tánh mạng đoàn kết không tán vạy.

Cái khí này ở trong mình người, tứ đại chẳng dính dấp, ngũ hành chẳng ngộ tới, không hình, không tượng, tốt trống, tốt linh, có cái dáng hoạt bát (linh động, lanh lẹ), hiệu là Cốc-thần.

Cái thần này chủ-tể muôn hình trạng, cầm quyền khí âm dương. Đây là chỗ gọi:

**"Cốc-thần bất tử, thị vị Huyền-tấn,**

**Huyền-tấn chi môn, thị vị Thiên Địa căn dã".**

Nghĩa là: Cốc-thần chẳng chết, gọi là Huyền-tấn.

Cửa Huyền-tấn này gọi là gốc sanh ra Trời Đất.

"Bảo" nghĩa là ôm ấp, nắm giữ. Bảo Nhứt, nghĩa là: nắm giữ Một khí này, hằng còn mãi và chẳng lạc mất.

Đây là chỗ gọi:

**"Thủ Huýnh-đỉnh, dưỡng Cốc-thần dã".**

Nghĩa là: Giữ cung Huýnh-đỉnh, là nuôi nấng Cốc-thần vạy.

Nhưng Bảo Nhứt chẳng phải nói là: Không không vô-vi. Ấy là nghịch, thối tiên-thiên chơn dương, tự nhiên chơn dương khởi bị hậu-thiên âm giả làm lụy. Nếu nghịch thối chơn dương, tự nhiên có chơn âm ôn dưỡng.

Chơn âm và chơn dương hỗn hiệp với nhau, kiện thuận chung, huyền tấn giao, động chẳng ãa tịnh, tịnh chẳng ãa động, tự nhiên có tiên-thiên chơn hỏa ở trong lư phát ra, đở rần luôn luôn, thì tiên-thiên lần kết, hậu-thiên lần tiêu, Cốc-thần bền vững, tức là thành bực Vô-lậu Chơn-nhơn.

Đây là chỗ gọi:

Yếu đặc Cốc-thần trường bất tử,

Tu bằng Huyền-tấn lập căn ki.

Chơn-tinh ký phản Huỳnh-kim ốc,

Nhứt khóa Linh-quang vĩnh bất li.

Nghĩa là:

Muốn đặng Cốc-thần thường chẳng chết,

Phải dùng Huyền-tấn lập căn cơ.

Nhà vàng đã thấy Chơn-tinh lại,

Một điểm Linh-quang mấy thuở rời.

Chơn-tinh, Linh-quang đều là tên khác của Cốc-thần. Linh-quang chẳng rời, tức là Cốc-thần chẳng chết. Cốc-thần chẳng chết, thì đặng trường sanh.

Cái cốc (hang) này ở trong bảng-đồ tròn, tức là chỗ giữa kiền khôn trống không. Ở trong bảng-đồ vuông, tức là chỗ giữa chữ thập phân mối. Ở trong mình con người, tức là chỗ tứ tượng hòa hiệp.

Cái thần này ở trong bảng-đồ tròn, tức là chỗ kiền khôn giao đại. Ở trong bảng-đồ vuông, tức là chỗ chữ thập giao tiếp. Ở trong mình người, tức là chỗ tứ tượng

động tịnh.

Có hang (khiếu trống không, lặng lẽ) thì thần còn ở, không có hang thì thần đi mất. Sống tại đó, chết tại đó, âm sanh tại đó, dương trưởng tại đó. Người xưa gọi nó là: Sanh-môn, Tử-hộ. Lại cũng gọi là: Tạo-hóa lư, Âm-dương hộ.

Nho gọi nó là: "Đạo nghĩa chi môn",  
Thích gọi nó là: "Bất nhị pháp-môn",  
Đạo gọi nó là: "Chúng diệu chi môn".

Nói chung gọi là Giá-cá (Cái đó).

Nếu có người thượng trí, đặng Minh-sư chỉ bày mối manh của Cái đó, nghịch lại mà tu, Thánh-thai hiện thành. Chẳng để cho dương cực, âm sanh, thì sẽ bước ngay lên bờ bên kia. Rồi gia công tu tới, luyện thần huồn hư, trở ngược về diện-mục (tình trạng) lúc cha mẹ trước khi chưa sanh, đánh phá Hư-không, nhảy ra ngoài vòng âm dương, tức là câu:

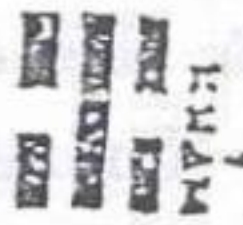
**"Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thần".**

(Cái chi thông linh, sáng suốt, mà không thể biết nó được, thì gọi đó là thần).

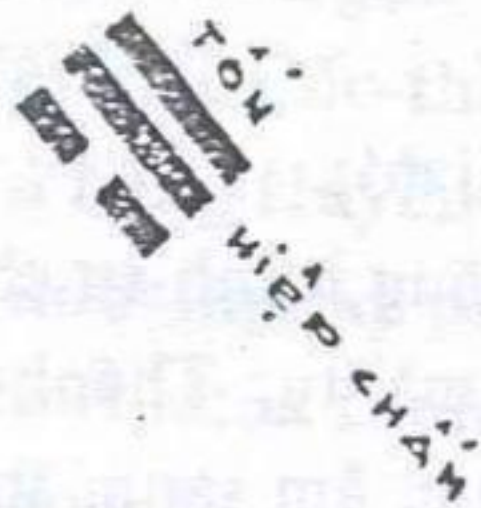
Y! Theo xuôi thì chết, vận nghịch thì sống. Lý này thường có đem dạy người, mà không ai tìm ra mối. Nếu chẳng gặp Chơn-sư, để đâu chi biết một chữ nghịch đó!

# (10) PHỤC HI BÁT QUÁI

## PHƯƠNG VỊ CỔ ĐỒ

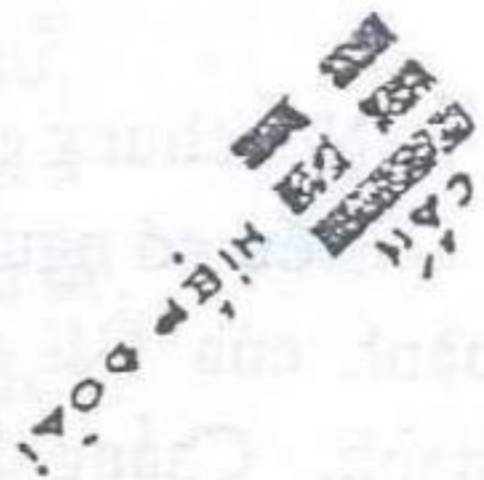


LI



XUN

NIỆP CHẤN



DUÌ

NIỆP ĐOÀI



KIÊN

NIỆP KHÔN



KHÔN

NIỆP CÀN



DUÌ

NIỆP CÀN



LI

NIỆP KHÂM



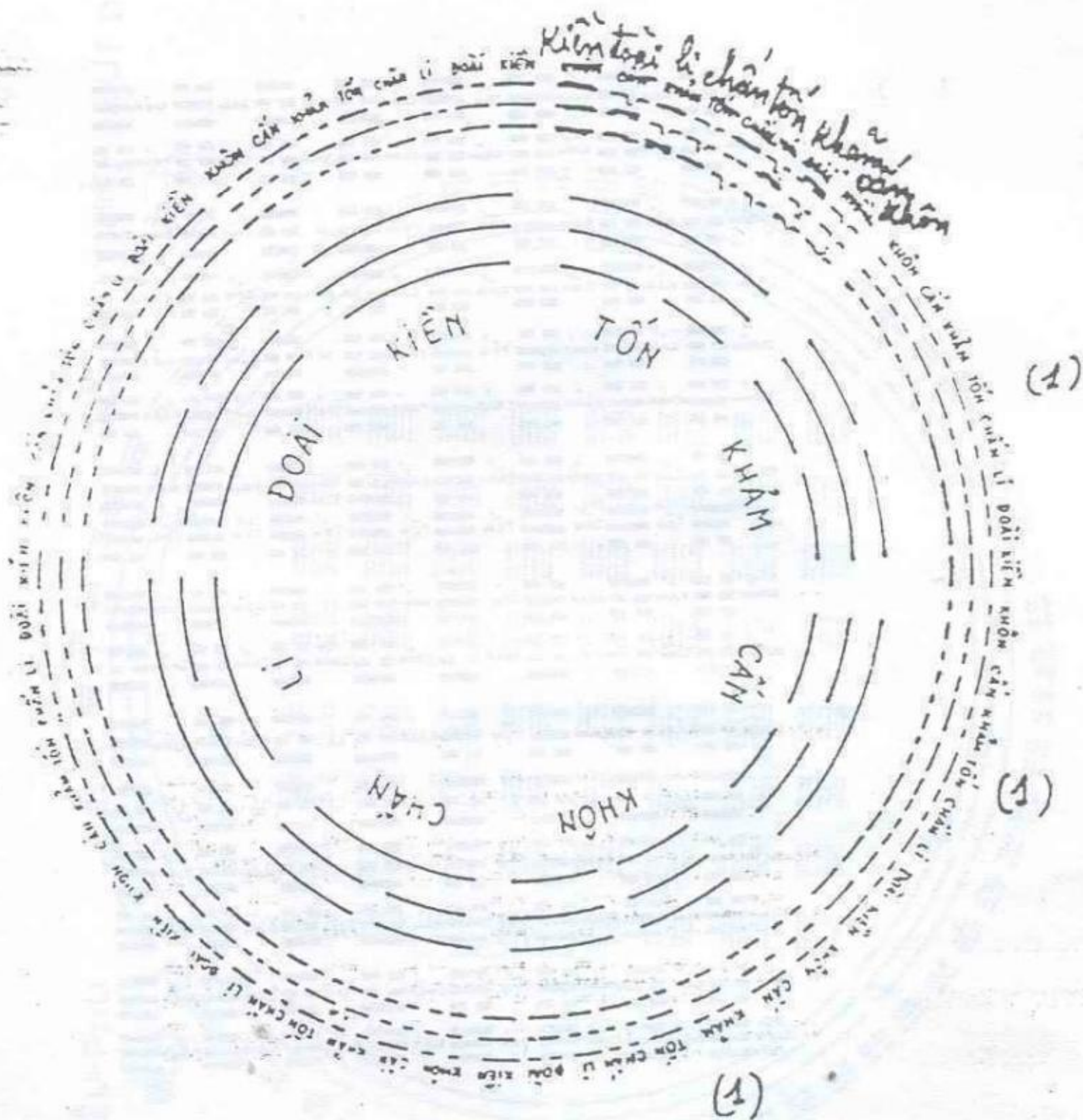
XUN

NIỆP TON

# (11) PHỤC HI

## TIÊN THIÊN LỤC THẬP TỬ QUÁI VIÊN ĐỒ

NỘI NGOẠI BỐNH NHỨT ĐỒ



# (12) PHỤC HI

## TIÊN THIÊN LỤC THẬP TỨ QUÁI PHƯƠNG ĐỒ

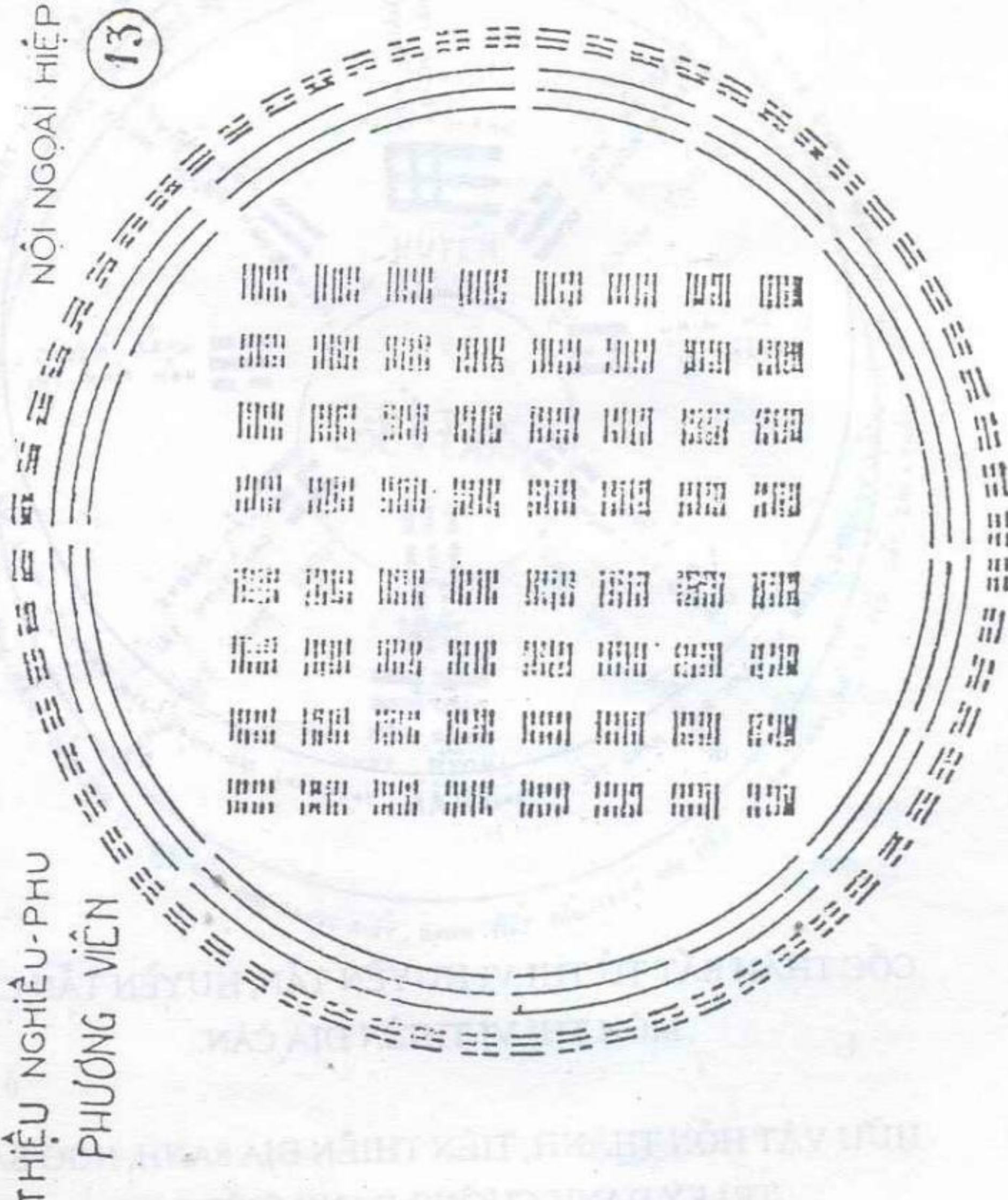


(13)

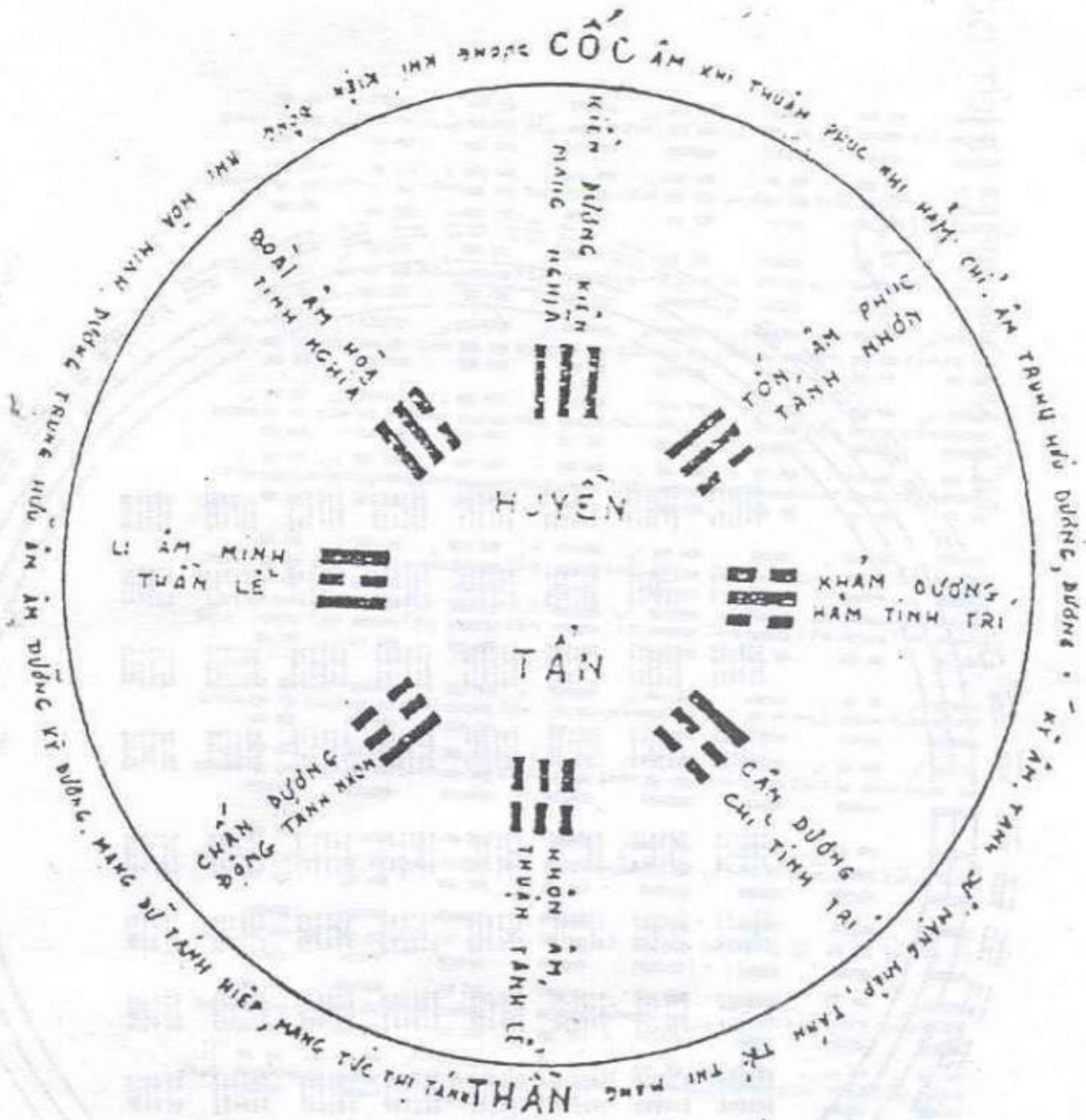
THIỆU NGHIÊU-PHU PHƯƠNG VIÊN  
NỘI NGOẠI HIỆP NHỨT ĐỒ

THIỆU NGHIÊU-PHU  
PHƯƠNG VIÊN

13



# (14) TIÊN THIÊN ÂM DƯƠNG HỒN THÀNH ĐỒ



CỐC THẦN BẤT TỬ THỊ VI HUYỀN TÂN, HUYỀN TÂN CHI  
MÔN THỊ VI THIÊN ĐỊA CĂN.

HỮU VẬT HỒN THÀNH, TIÊN THIÊN ĐỊA SANH, NGÔ BẤT  
TRI KỶ DANH CƯƠNG DANH VIẾT ĐẠO.



(16)

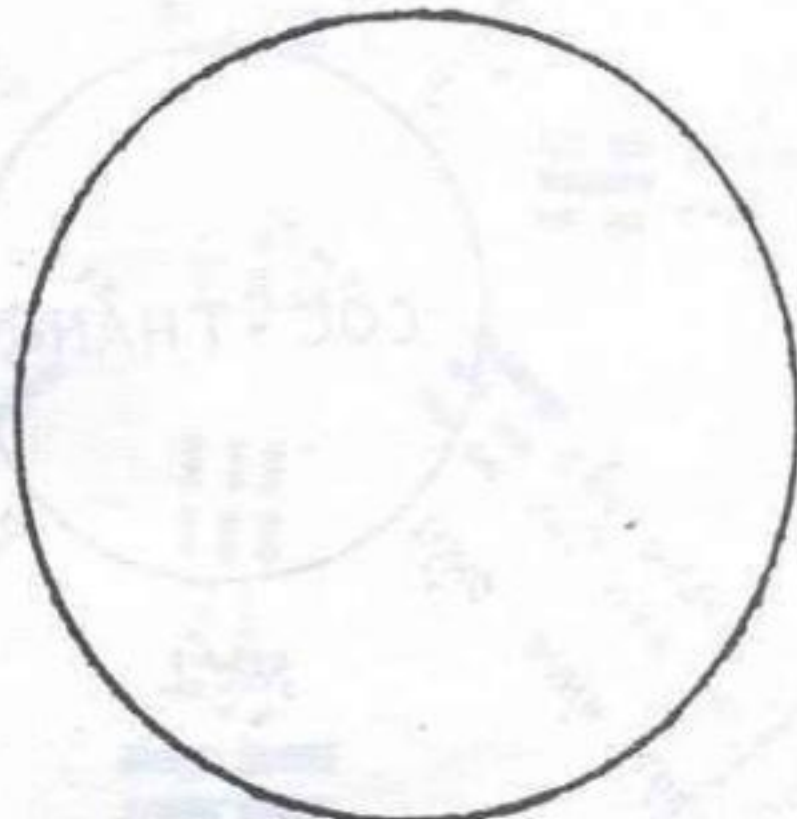
# LUYỆN THẦN HUỖN-HỮ ĐỒ

THÍCH DẠNH TÔI  
TRƯỜNG KHUẤT THỦA  
NỘI-BÀN ĐẠI DIÁC

PHO DẠNH MCHIA TÍNH NHẬN THỰC  
BÁT TRI CỬ THẦN

ĐẠO DẠNH THẮT  
PHÂN CỬ HỒN  
KIM-CHÍ ĐẠI OÁ

TÔNG DẠNH VÔ THINH VÔ XƯ  
TẠM TÍNH PHÁP THẦN



VI. - VĂN VƯƠNG HẬU THIÊN BÁT QUÁI  
(BÁT QUÁI HẬU-THIÊN CỦA VUA VĂN VƯƠNG)

Bát quái hậu-thiên của vua Văn Vương cũng là quẻ của vua Phục Hi đã vẽ, chớ chẳng phải khác. Khác chẳng là trong các quẻ đã thành lập, mà lại nhận thấy có một thứ đạo lý riêng biệt, cho nên đối nghĩa của quẻ và khí của quẻ, mà phát minh điều vua Phục Hi chưa phát minh, chớ không phải cưỡng cầu bịa đặt.

Như Kiền là lão dương, tổ tông của các khí dương, làm cha. Khôn là lão âm, chủ-tể của các khí âm, làm mẹ. Cha mẹ phối nhau, âm dương hiệp nhau, tất nhiên sanh ra con trai, con gái.

Cho nên khi Kiền đi lại với Khôn, gặp được cái vạch dưới (sơ hào) của Khôn, thì sanh ra Tốn làm trưởng-nữ (con gái lớn).

Khi Khôn đi lại với Kiền, gặp được cái vạch dưới của Kiền, thì sanh ra Chấn làm trưởng nam (con trai lớn).

Khi Kiền đi lại với Khôn nữa, gặp được cái vạch giữa (trung hào) của Khôn, thì sanh ra Li làm trung-nữ (con gái giữa).

Khi Khôn đi lại với Kiền nữa, gặp được cái vạch giữa của Kiền, thì sanh ra Khảm làm trung nam (con trai giữa).

Khi Kiền đi lại với Khôn lần thứ ba, gặp được cái vạch trên (thượng hào) của Khôn, thì sanh ra Đoài làm thiếu-nữ (con gái út).

Khi Khôn đi lại với Kiền lần thứ ba, gặp được cái vạch trên của Kiền, thì sanh ra Cấn làm thiếu nam (con trai út).

Quẻ Kiền gặp được ba hào âm của Khôn, dương biến làm âm, bèn sanh ba gái. Quẻ Khôn gặp được ba hào dương của Kiền, âm biến làm dương, bèn sanh ba trai.

Trai, gái đã sanh, thì trai theo cha, gái theo mẹ. Kiền coi hết ba trai, ở hướng đông-bắc. Khôn coi hết ba gái, ở hướng tây-nam.

Kiền là lão phụ (cha già), ba hào khí chơn dương đã lọt về tay của ba trai, nên kiện đức thâu liễm, phải ẩn núp cảnh tây-bắc là hướng rất lạnh.

Khôn là lão mẫu (mẹ già), ba hào khí chơn âm đã lọt về tay của ba gái, nên thuận tánh thất thường, phải dời qua cảnh tây-nam là nơi sát cơ (chỗ sát khí).

Li đặng cái vạch âm ở giữa của Khôn, âm nhất trong dương, âm mượn sức dương mà phát ra sáng, cho nên ở chánh-nam là hướng hòa vượng.

Khảm đặng cái vạch dương ở giữa của Kiền, dương sa trong âm, dương lọt vào âm mà làm ra thủy triều (nước lớn ròng), cho nên ở chánh-bắc là hướng thủy vượng.

Chấn đặng cái vạch dương ở dưới của Kiền, hào dương đầu chủ về sanh trưởng, cho nên ở chánh-đông là hướng cây cỏ vượng.

Đoài đặng cái vạch âm ở trên của Khôn, hào âm cuối cùng chủ về tiêu hóa, cho nên ở chánh-tây là hướng kim thuộc (các loài kim) vượng.

Cấn đặng cái vạch dương ở trên của Kiền, hào dương cuối cùng chủ về tịnh dưỡng, nên ở đông-bắc là hướng khí dương yếu.

Tốn đặng cái vạch âm ở dưới của Khôn, hào âm đầu chủ về tiệp tiến, cho nên ở đông-nam là hướng khí dương thịnh.

Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, thuộc về dương, tạo sanh

muôn vật. Tốn, Li, Khôn, Đoài, thuộc về âm, dương thành muôn vật.

Cha, mẹ, trai, gái, tự nhiên phối hiệp với nhau, để vận hành khí của các quẻ.

64 quẻ hậu-thiên cũng sanh ra tại đây. 64 quẻ sanh rồi, thì có tạo, có hóa, có sanh, có thành:

Tạo rồi lại hóa, hóa rồi lại tạo; sanh rồi lại thành, thành rồi lại sanh; khi lớn, khi mòn, khi đầy, khi vơi, không có lúc nào ngừng nghỉ. Đây là nói lúc sanh ra rồi, cho nên gọi là hậu-thiên.

Hậu-thiên là đạo thuận sanh, mà đạo nghịch vận cũng ẩn trong đó.

Quẻ li vốn thuộc dương, mà trở lại làm gái, là ý nói: ngoài dương mà trong âm, âm ở ngôi giữa, tức là chơn âm.

Quẻ khảm vốn là âm, mà trở lại làm trai, là ý nói, ngoài âm mà trong dương, dương ở ngôi giữa, tức là chơn dương.

Dương ở ngoài là dương hậu-thiên, âm ở trong là âm tiên-thiên. Âm ở ngoài là âm hậu-thiên, dương ở trong là dương tiên-thiên.

Tiên-thiên là chủ, hậu-thiên là khách. Khảm, li gom lại, nước lửa trợ nhau, lạnh nóng có giờ. Cho nên đủ sức thay thế cho kiên khôn mà vận hành Tạo-hóa.

Quẻ chấn, âm nhiều dương ít, làm con trai, là ý nói: chấn là khí dương vừa mới thẳng, mà khí dương thẳng thì đủ sức phá khí âm.

Quẻ đoài, dương nhiều âm ít, làm con gái, là ý nói: đoài là khí âm hiện phía ngoài, mà khí âm hiện thì đủ sức diệt khí dương. Chấn là sanh cơ, đoài là sát cơ.

Kim, mộc hiệp nhau, cơ sanh sát thấy rõ ràng, cho

nên đủ sức thay thế cho kiên khôn mà đạt thành Tạo-hóa.

Kiên với tổn giao mà chẳng hiệp, khôn với cần giao mà không chánh.

Kiên là lão dương, khôn là lão âm, chẳng thể sanh dục.

Cần vừa giao tiếp với khí dương kia (của kiên), tổn chỉ thuận sanh khí âm nọ (của khôn).

Cho nên theo ngôi hướng của tám quẻ thì kiên, khôn, cần, tổn ở bốn chéo góc, còn khảm, li, chấn, đoài ở bốn hướng chánh.

Đạo vận nghịch, thuận của hậu-thiên là môn-học "tận tánh, chí mạng" của Thánh Hiền, đều không ra ngoài chỗ đó.

Cái Bồn-lai (gốc gác) của con người, do âm dương hỗn hiệp mà thành, tánh mạng chung một nhà, kiện thuận gồm đủ, rỗng là tiên-thiên. Khi nó giao với hậu-thiên, thì trong cái chơn lại có cái giả, giả nén cái chơn, kiện thể có hao, thuận thể bị hại, tánh mạng mới chia riêng hai chỗ.

Tới đây, cái đức kiện không hiện bày, tuy linh minh mà có chỗ sai lầm; nguơn-thần mê muội, thì thức-thần chường mặt. Cái đức thuận không phải thiệt, tối tăm mà có chỗ nguy hiểm, nguơn-tinh ẩn tàng thì trước-tinh phát sanh. Như trong bảng-đồ:

Khảm Li ở ngôi trung chánh; còn Kiên dời về tây-bắc, Khôn đổi lại tây-nam, nên tinh thần hậu-thiên hạnh sự.

Động mà táo bạo là khí-tánh phát, hòa mà phe đảng là vọng-tinh sanh. Như trong bảng-đồ:

Chấn ở chánh-đông, ngôi mọ; dương biến làm âm;

còn đoài ở chánh-tây, ngôi dậu, hòa biến làm sát (giết hại).

Tinh, thần, tánh, tình biến huyễn, khí âm lần nhập mà tiến mãi, khí dương lần suy rồi tuyệt vong. Như trong bảng-đồ:

Tốn ở đông-nam, là chỗ dương vượng,

Cấn ở đông-bắc, là cảnh dương tối.

Ôi! Hể hậu-thiên phát rồi, âm lần lớn, dương lần tiêu, tiêu đến chừng nào sạch hết khí dương mới thôi.

Tại vậy mà trong bảng-đồ có kiền gặp tốn thành quẻ Cấu; khôn gặp cấn thành quẻ Bác; li ở trên, khảm ở dưới thành Thủy-hỏa vị-tế; chấn ở đông, đoài ở tây thành Lôi-trạch qui-muội.

Cái đạo này là đạo Trời Đất tự nhiên thuận hành, khí dương lên tốt độ thì phải sanh âm, khí âm lên tốt độ thì phải chết. Thế thì con người ta cũng không biết làm sao được.

Chỉ có bực Thánh-nhơn có cái đạo nghịch vận, hay trộm được khí âm dương, đoạt Tạo-hóa, chuyển kiền khôn, vận khí cơ, trong chỗ hậu-thiên mà phản lại tiên-thiên, trong chỗ chết mà làm ra sống.

Cái đạo này ở đâu? Cũng không ra ngoài cái lý Bát-quái hậu-thiên. Trong bảng-đồ: khảm, li, chấn, đoài ở bốn hướng chánh; kiền, khôn, cấn, tốn ở bốn chéo góc. Cái máy thiên-cơ ẩn trong đó, nếu không có thầy truyền, thì khó mà biết được.

Một hào âm ở trong quẻ Li là Nhơn-tâm đó.

Một hào dương ở trong quẻ Khảm là Đạo-tâm đó.

Đạo-tâm vốn là khí dương của nhà kiền, vì giao với hậu-thiên mà phải lọt vào cung khôn, dương hãm trong âm, kiện mà hết kiện.

Nhơn-tâm vốn là khí âm của nhà khôn, vì mất tiên-thiên mà phải lọt vào cung kiên, âm giành ngôi dương, thuận mà không thuận.

Nếu ai hay giữ được trống lòng của mình (hư tâm) thì nhơn-tâm hóa; nhơn-tâm hóa thì âm thuận trở về cung khôn như xưa, lửa quày lại tánh chơn của nó.

Nếu ai hay giữ được đầy bụng của mình (thật phúc), thì Đạo-tâm sanh; Đạo-tâm sanh thì dương kiện trở về cung kiên như xưa, nước quày lại cội nguồn của nó.

Đoài là kim, khách khí ở nhà người,

Chấn là mộc, chủ khí ở nhà ta.

Chấn vốn là dương, mà ở trong có âm,

Đoài vốn là âm, mà ở trong có dương.

Chủ khí bị khách khí trộm thì hướng đông trống, mà hướng tây đầy. Nếu ở trong sự sát mà cầu sanh, khí "sát" biến làm khí "hòa". Kim tình luyến mộc từ nhân, thì kim trở lại gốc của nó. Mộc tánh ái kim thuận nghĩa, thì mộc trở lại cội của nó.

Lấy khám đập li, thì đức kiện phục bốn mạng như xưa. Mượn li rèn khám, thì đức thuận huồn bốn tánh như trước.

Dùng chấn mà cầu đoài, thì kiện động mà hay hòa thuận. Dùng đoài mà cầu chấn thì hòa thuận mà hay kiện động. Kiện và thuận như một, kiên và khôn chung hiệp, tứ tượng cùng hòa, ngũ hành qui tụ, thì tinh thần, hồn, phách, ý của hậu-thiên trở về gốc chơn; ngũ đức, ngũ ngươn hoàn toàn thành tựu, huồn nguyên phản bốn, thì Kim-đơn lộ hình (xuất hiện).

Chánh là:

Kiên Khôn giao cấu bãi,

Nhứt điểm lạc Huỳnh-đình.

Nghĩa là:

Kiên Khôn giao cấu rồi,

Một giọt lọt Huỳnh-đình.

(Một giọt là Đơn-ngươn, Huỳnh-đình là trung-ương).

Đơn mà lọt vào trung-ương, thì âm dương thành Nhứt khí, trở lại cái Bốn-lai diện-mục của mẹ sanh, thì cơ sở mới đặng chắc-chắn.

Đây là chỗ gọi:

Nhứt liệp Kim-đơn thân nhập phúc,

Thi tri ngã mạng bất do Thiên.

Nghĩa là:

Một hột Kim-đơn nuốt xuống bụng,

Mới tương bốn mạng chẳng do Trời.

Ôi! Kiện thuận một khí mất rồi, thì tánh mạng chia lìa, ngũ hành loạn lạc. Kiện thuận vừa được phục lại, thì tánh mạng đoàn kết, ngũ hành qui tụ.

Cái đó đã mất thì chẳng có gì không mất; cái đó phục lại (trở về gốc) thì chẳng có gì không phục lại.

Cái đạo hữu-vi biến hóa theo hậu-thiên lớn lắm thay! Chỉ hườn nguyên phần bốn, kiên không chung hiệp, đó là công-phu phân nửa đầu làm trọn hết rồi, còn lại phân nửa sau chưa xong.

Số là đạo tới kiên khôn chung hiệp, là mới đổi hậu-thiên lại thành tiên-thiên. Đã đổi lại thành tiên-thiên, thì từ đây phải còn một phen lập đánh lư nữa, đặt kèm-chùy ở chỗ khác, dùng cái đạo nghịch vận vô-vi, diên đảo kiên khôn.

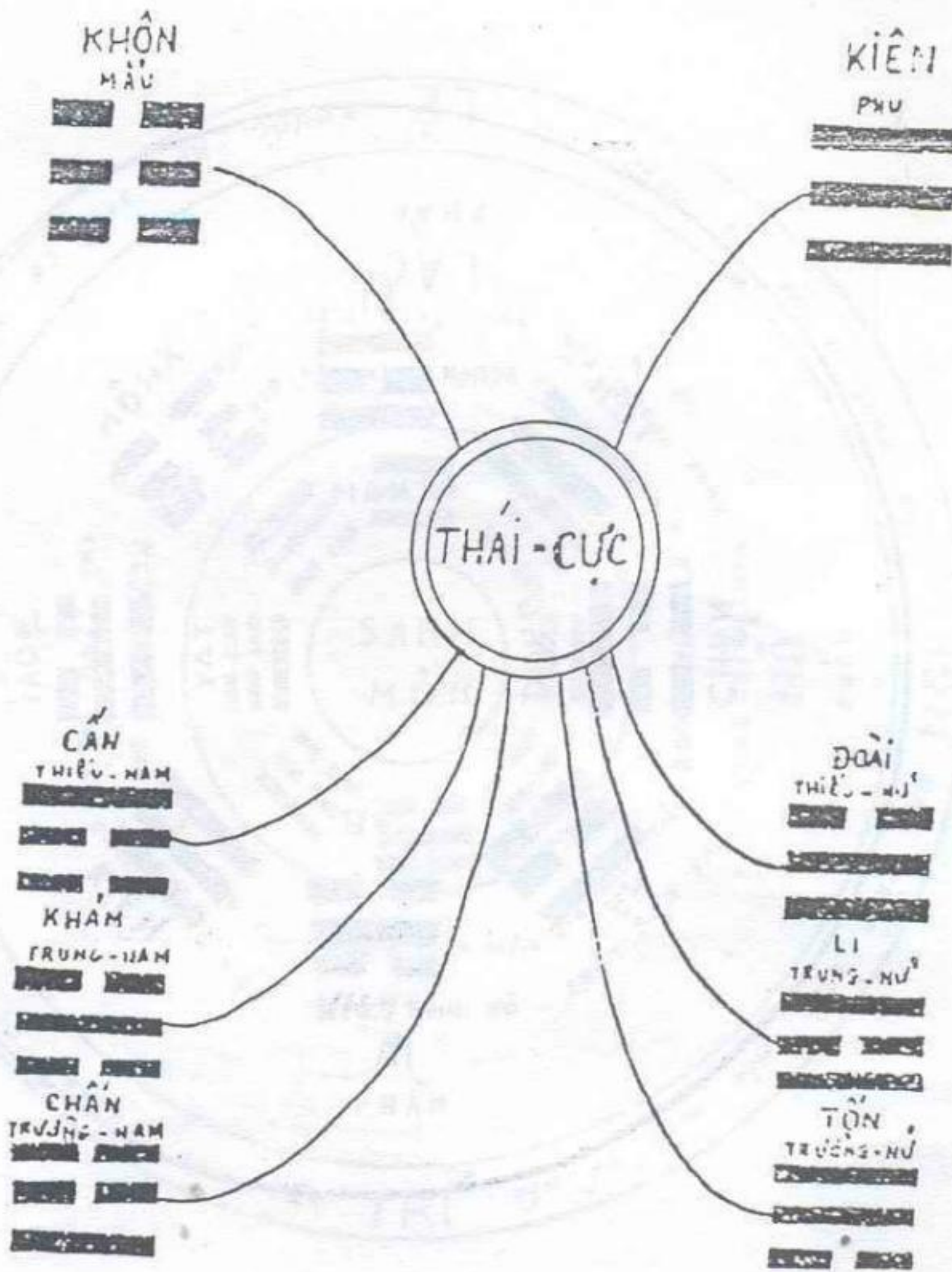
Kiên nghịch thối mà khôn thuận sanh. Nên mượn sức âm để bảo toàn dương, vừa ôn, vừa dương. Hãy dùng

chơn hỏa thiên-nhiên rền nấu cho tiêu hết khí hậu-thiên âm trực trong cả thân thể, đúc thành một món Kim-cang bất hoại.

Vật này do chỗ Hư-vô mà lộ ra, nhập vào cảnh không hơi, không tiếng, hườn lại cái diện-mục chưa sanh thân ta về trước. Đặng vậy, mới là thiết đại giải-thoát, tiêu-diêu tự-tại trên từng Trời không câu, không thúc.

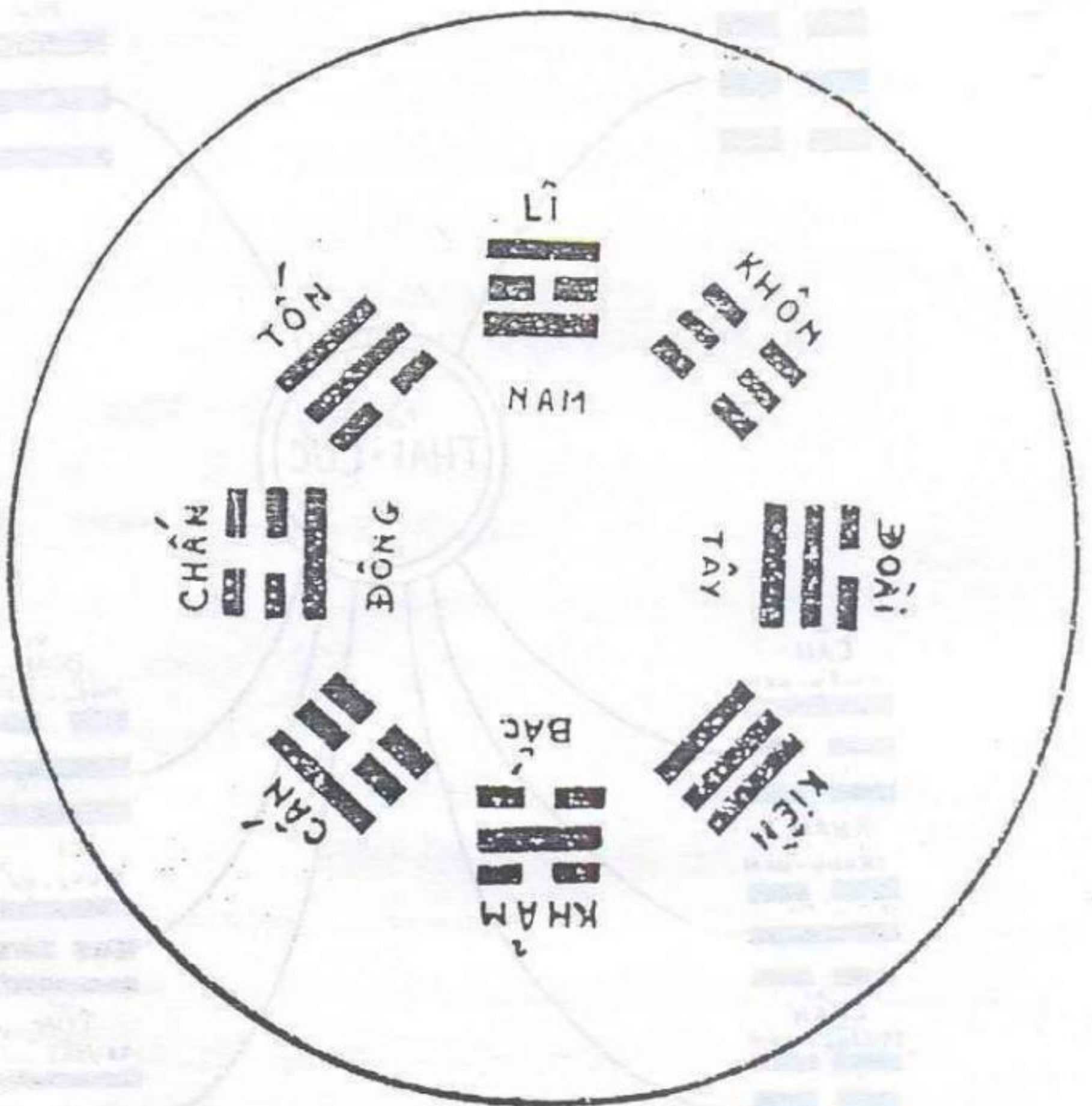
(17)

VĂN VƯƠNG SÁCH SANH BÁT QUÁI ĐỒ



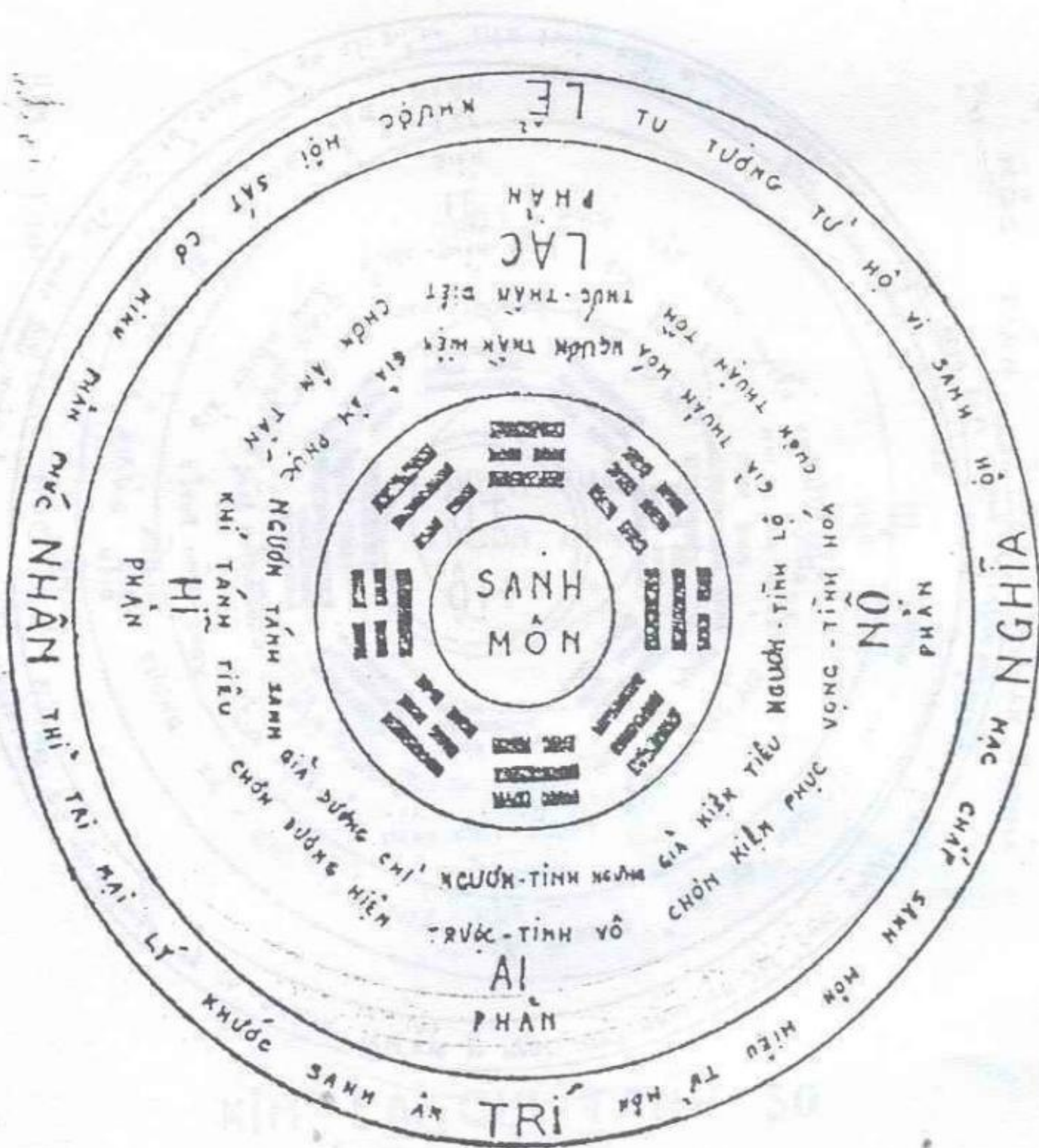
(18)

# VĂN-VƯƠNG HẬU-THIÊN BÁT QUÁI PHƯƠNG VỊ



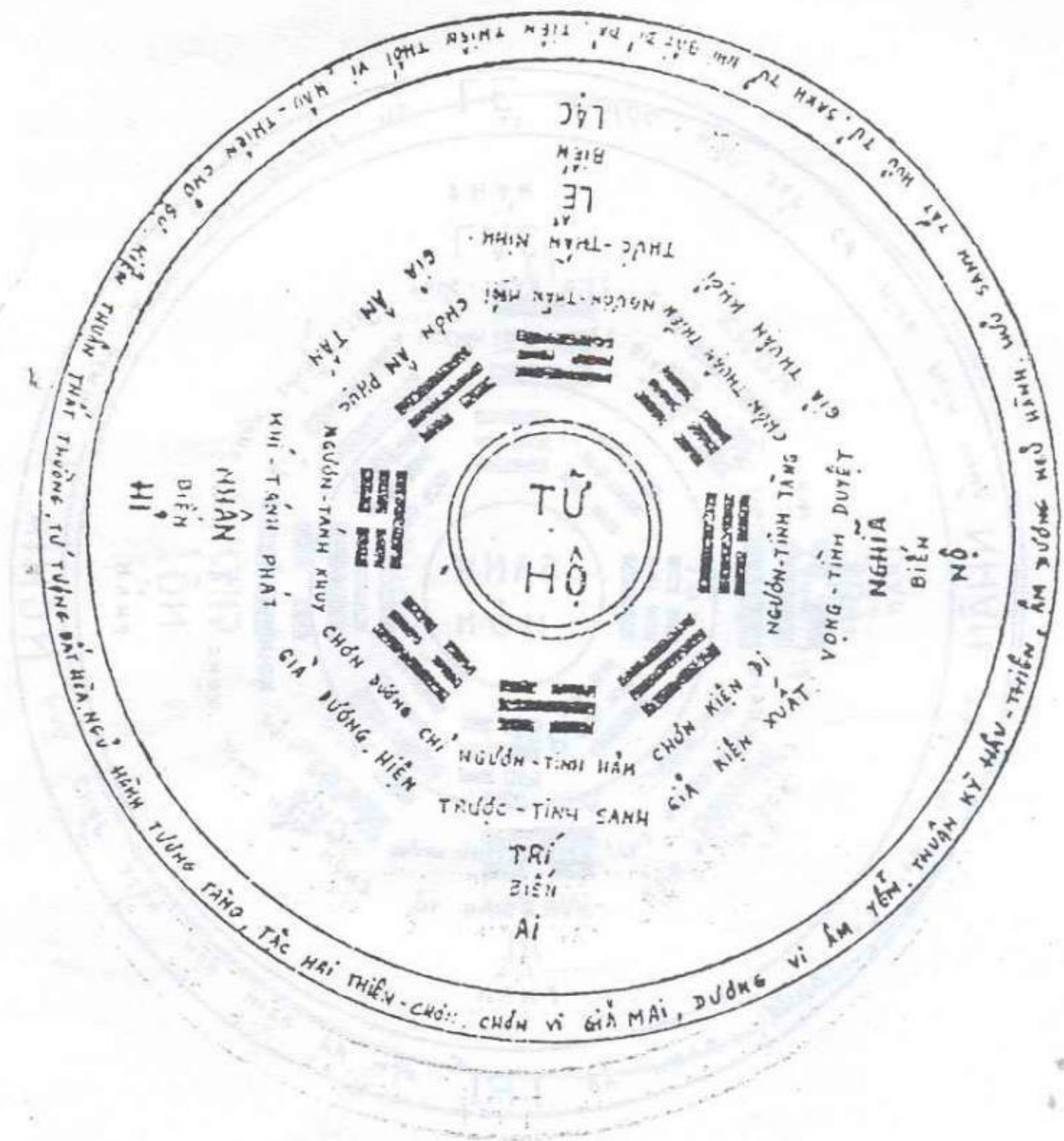
# (19) HẬU THIÊN

## THUẬN HÀNH TẠO-HÓA ĐỒ



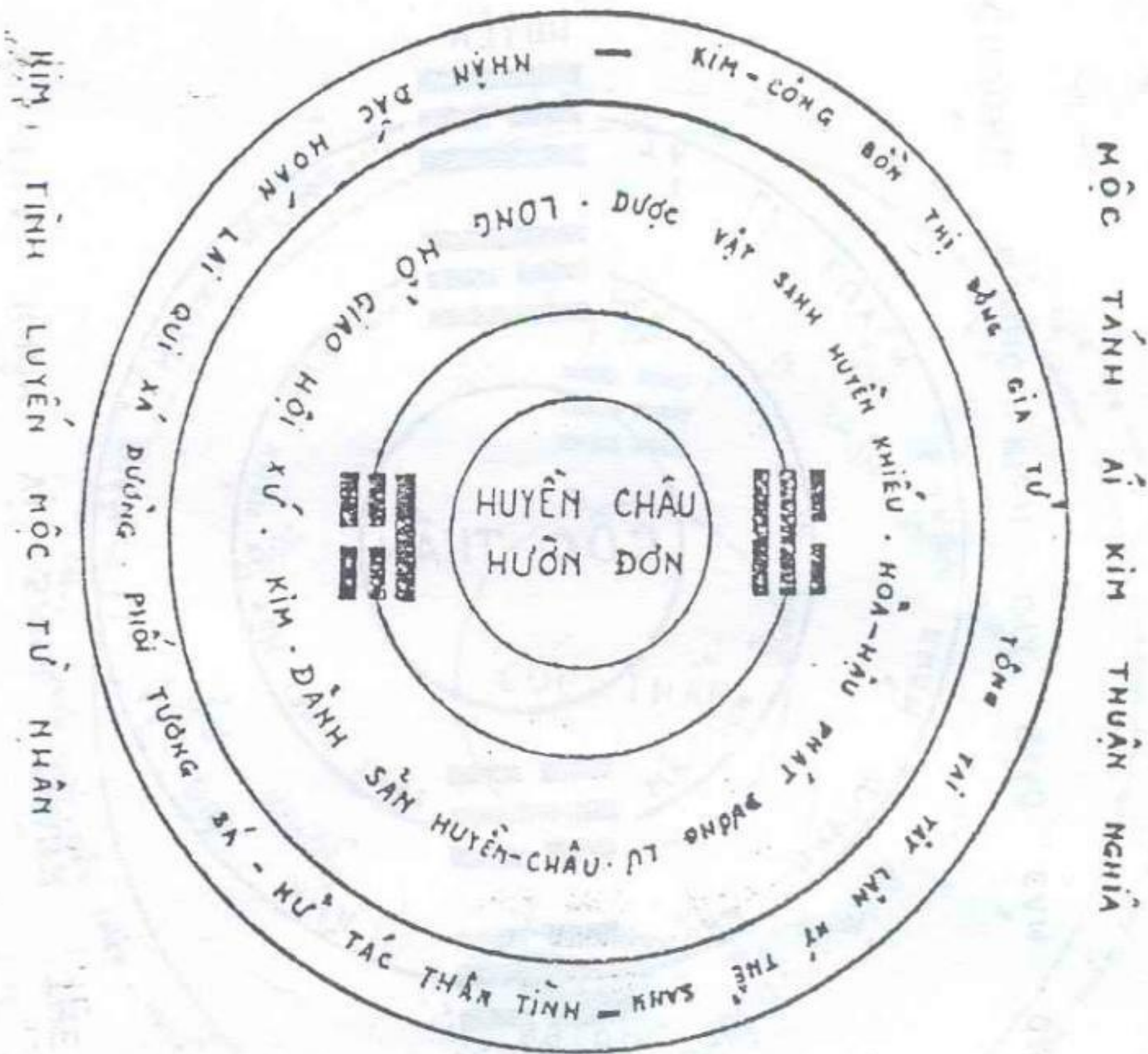
# (20) HẬU-THIÊN

## NGỊCH VẬN BIẾN HÓA ĐỒ



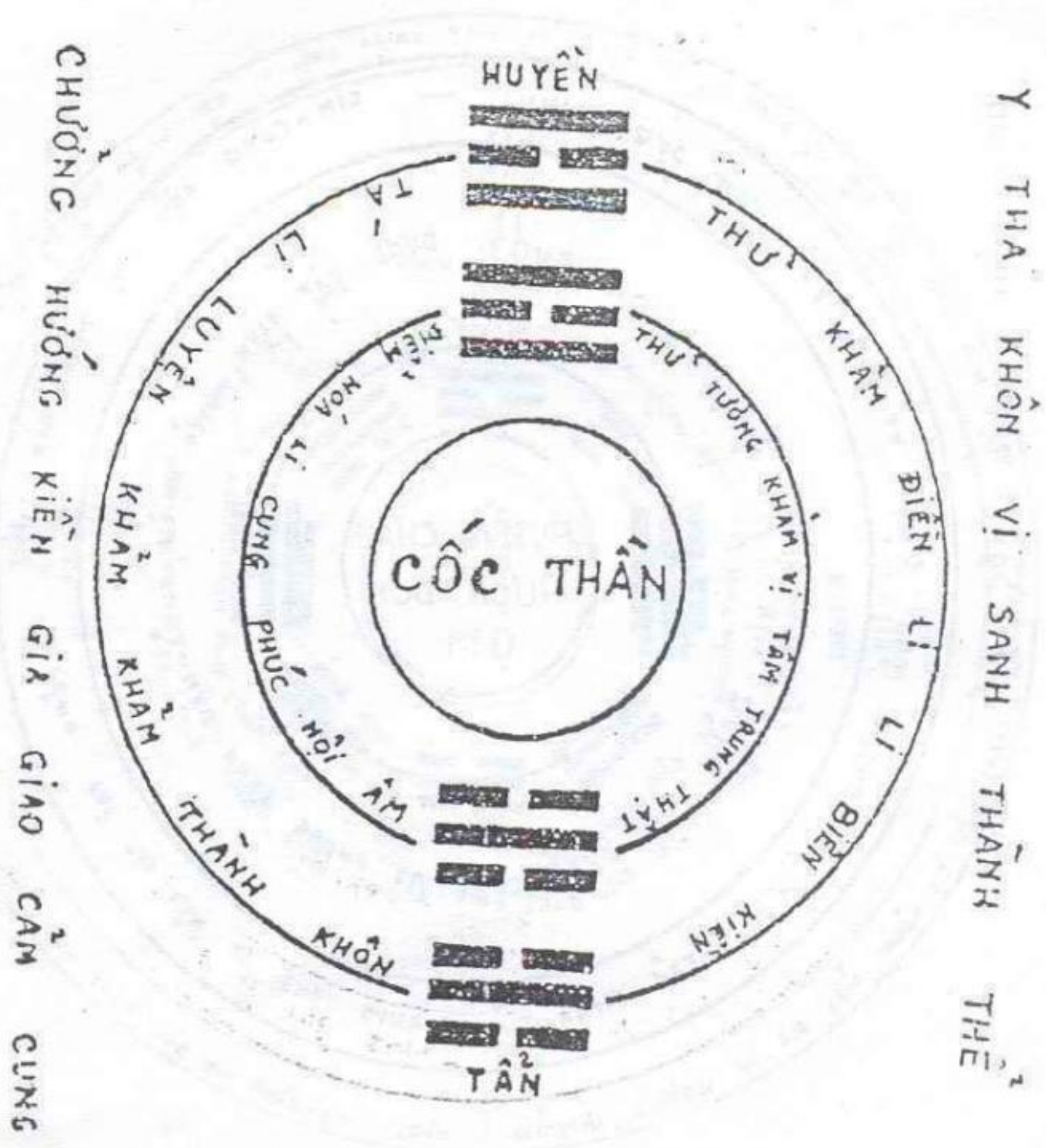
# (21) KIM MỘC GIAO TÍNH ĐỒ

KIẾN KHÔN ĐIỆN ĐẠO ĐỒ



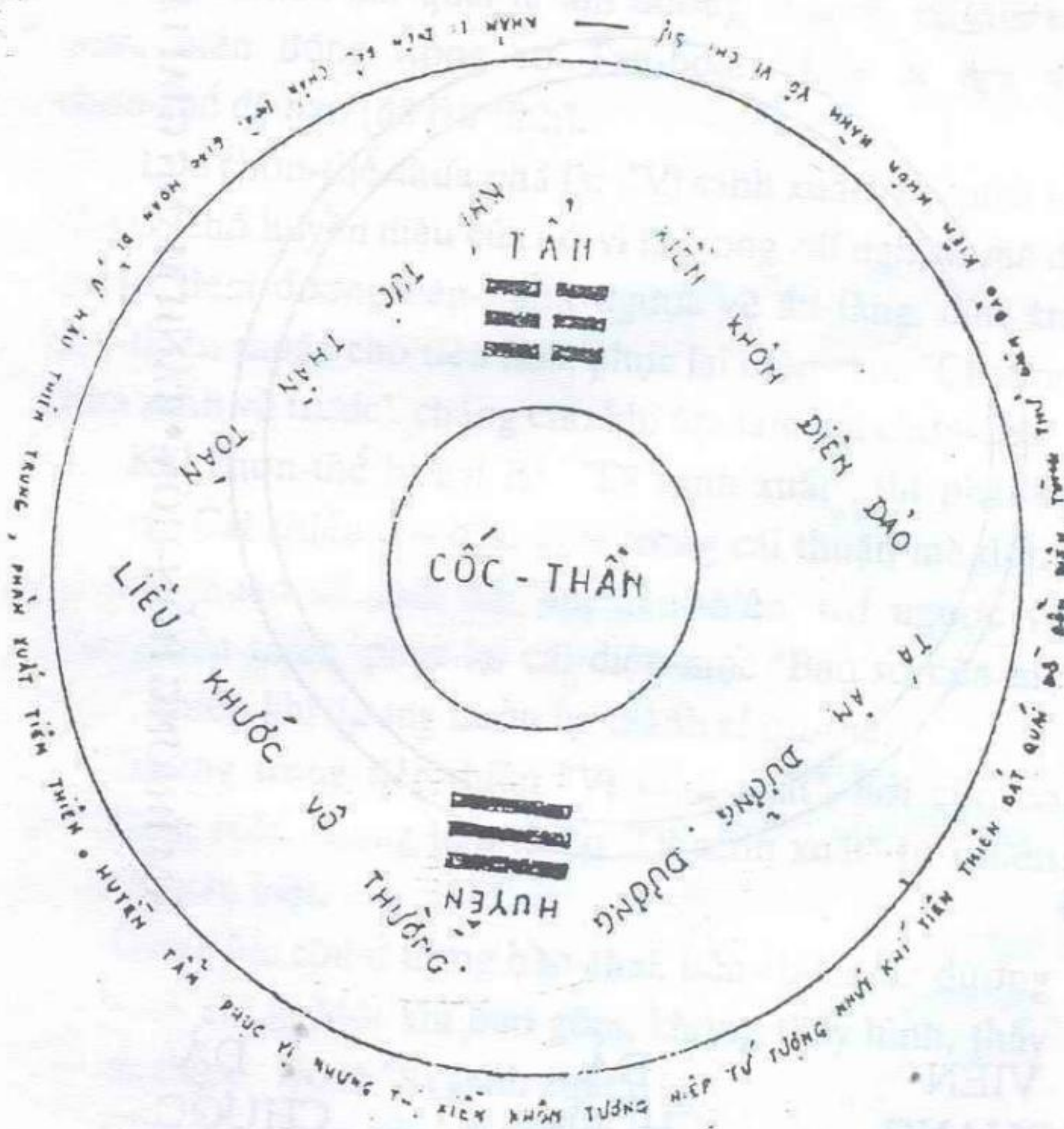
KIM LAI QUI TÁNH SƠ  
NÃI ĐẶC XỨNG HỒN ĐƠN

# (22) KHẨM LI ĐIÊN ĐẢO ĐỒ



(23)

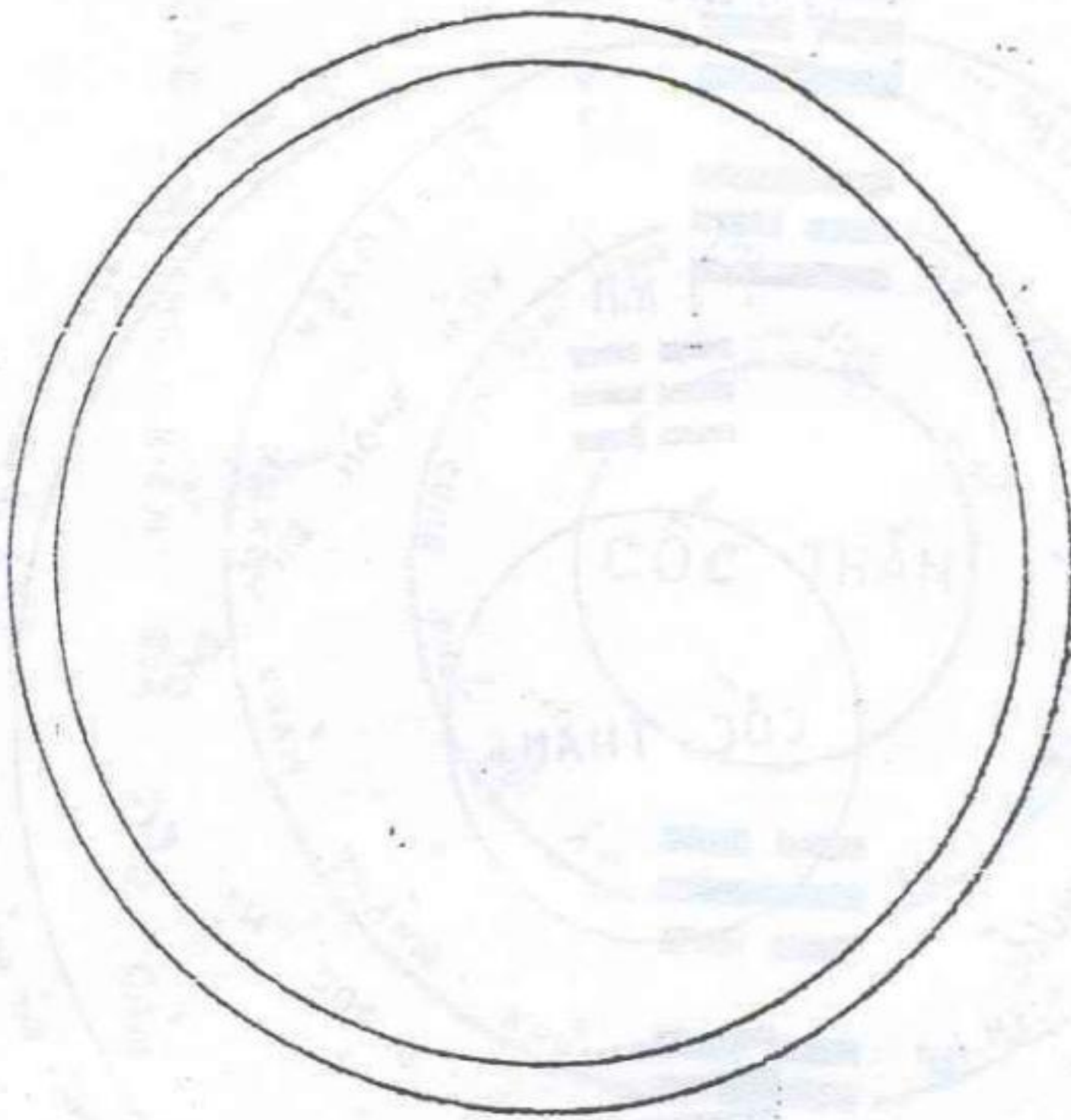
# KIỀN KHÔN ĐIÊN ĐẢO ĐỒ



(24)

# GIẢI THOÁT BỔN ĐIỆN

\* HÌNH THIÊN CỤ DIỆU DỮ ĐẠO HIỆP CHƠN



ÂM DƯƠNG HIỂN-HÓA • TẢNH MẠNG GIAI LIỄU

VIÊN  
QUANG  
TỊNH  
XÍCH

ĐÀ  
CHƯỚC  
LỎA  
SÁI

ĐÀ  
CHƯỚC  
LỎA  
SÁI

VII. - TIÊN HẬU BÁT QUÁI HIỆP NHỨT  
(BÁT QUÁI TIÊN-THIÊN  
VÀ HẬU-THIÊN HIỆP MỘT)

Tiên-thiên bát-quái là Nhứt khí tuần huồn<sup>(1)</sup>, hoàn toàn Thiên-lý, phát ra do Thái-cực. Đây là nói về chơn-thể chưa phá (còn đồng-chơn).

Hậu-thiên bát quái là âm dương chia rẽ, có dữ, có lành, biến động trong cơ Tạo-hóa. Đây là nói về chơn-thể đã hao (đã lậu tinh).

Lúc chơn-thể chưa phá là: "Vị sanh xuất", thì phải tu vô-vi. Chỗ huyền diệu của vô-vi là trong cái nghịch mà đi thuận, đem dương tiên-thiên ngược về âm-tàng, dẫn âm hậu-thiên thuận cho tiêu hóa, phục lại diện-mục "Cha mẹ chưa sanh về trước", chẳng cho khí âm làm hại chơn-thể.

Khi chơn-thể bị hại là: "Dĩ sanh xuất", thì phải tu hữu-vi. Cái khiếu của hữu-vi là trong cái thuận mà dùng nghịch, thuận để thối hết âm hậu-thiên, trở ngược về dương tiên-thiên, phục lại cái diện-mục "Ban sơ của mẹ sanh", khiến khí dương huồn lại thành chơn-thể.

Nhưng trong tiên-thiên "Vị sanh xuất", hơi còn có chỗ phân biệt; trong hậu-thiên "Dĩ sanh xuất" tự nhiên có chỗ phân biệt.

Trong lúc còn ở trong bào-thai, tiên-thiên âm dương ngũ hành chỉ là Một khí bao gồm, không thấy hình, thấy dấu chi được. Đó là "Vị sanh xuất".

Đến khi thân này đã sanh rồi, mà chưa giao với hậu-thiên, thì ta chẳng biết chẳng hay, y phép

(1) Tuần-huồn nghĩa là: 轉: tròn giáp một vòng rồi cũng trở lại chỗ cũ.

Thượng-Đế, tốt lành không dữ.

Tuy là cái thân đó có tánh âm dương ngũ hành, mà chưa có chất âm dương ngũ hành, hoàn toàn là Một khí. Đây cũng là "Vị sanh xuất".

Ở cảnh tiên-thiên, trong chỗ nghịch mà đi thuận, tức là trở ngược lại ẩn tàng trong tiên-thiên âm dương ngũ hành, mà phục lại cái khí bào-thai, thuận cho tiêu hóa khí âm hậu-thiên để giữ Một khí.

Lúc mới sanh thân, khí hậu-thiên âm dương ngũ hành nhập trong thân thể, hiệp với khí tiên-thiên âm dương. Trong khí tiên-thiên, có lẫn lộn khí âm hậu-thiên. Tuy khí hậu-thiên chưa phát, mà hình tích đã lộ rồi, cũng như lành, dữ, mềm, cứng của con trẻ đều gốc ở tánh thành.

Nhưng hậu-thiên bị tiên-thiên gồm trị, ấy là "tánh tương cận" (nghĩa là tánh lành còn gần với nhau). Đó là "Dĩ sanh xuất".

Đến khi khí dương tiên-thiên mạnh lên tốt bực, giao với hậu-thiên, trí hay biết mở mang, thì cái linh khiếu bế lại, cái máy đó phát chạy, rất phóng túng, ngông cuồng. Đây cũng là "Dĩ sanh xuất".

Ở cảnh tiên-thiên, trong chỗ thuận mà dùng nghịch tức là thuận để thối cho hết khí âm bị phá, phục lại chỗ chưa phát hồi ban sơ vừa sanh, đem ngược lại cái khí tiên-thiên trở về chỗ ban sơ vừa sanh đó.

Hể dương kiện, âm thuận, thì thấy lại cái Bốn-lai diện-mục. Ấy là nguyên vật do hai khí tiên-thiên, hậu-thiên hiệp thành. Rồi từ đây lập riêng cảnh kiền

khôn, tạo đánh lư (lò, chảo) một lần nữa, làm cái Đạo tiên-thiên ở trong nghịch mà dùng thuận. Đó là phép "Cửu huồn, thất phản, đại huồn đơn"<sup>(1)</sup>.

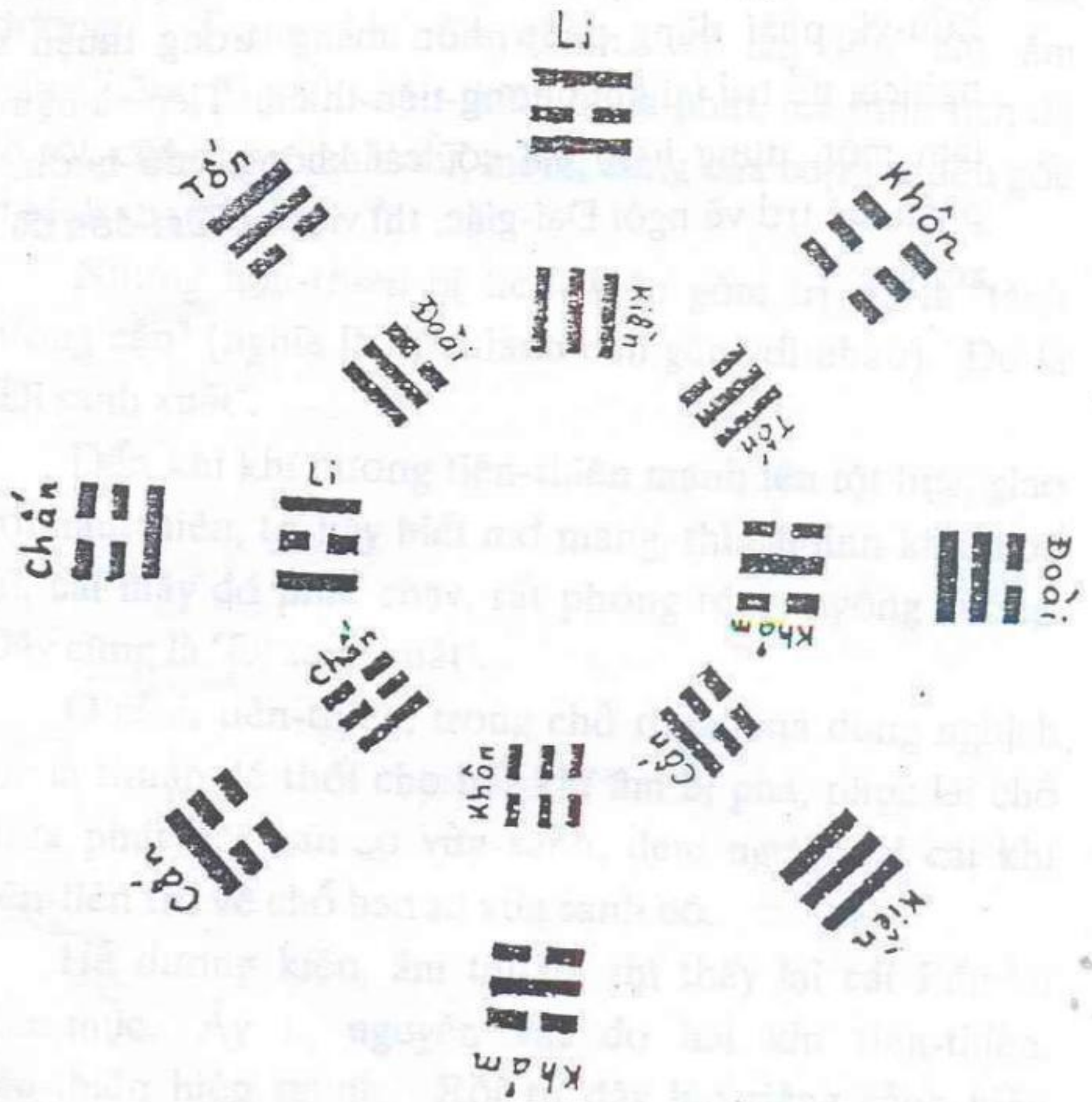
Bây giờ, hãy đem cái bãng-đồ tiên-thiên, đặt trong bãng-đồ hậu-thiên, khiến người nào chơn-thể chưa phá, làm Đạo tự nhiên vô-vi. Đó là lấy Đạo toàn hình (có giải nghĩa phía sau), trong nghịch dùng thuận, để tiêu hóa khí âm hậu-thiên.

Còn cái chơn-thể đã hao rồi, thì làm đạo biến hóa hữu-vi, phải dùng phép diên mạng, trong thuận dùng nghịch, để trở lại khí dương tiên-thiên. Tiên và hậu hiệp làm một, dùng luôn cái có, cái không, cửu huồn, thất phản, để trở về ngôi Đại-giác, thì việc tu Kim-đơn đã trọn xong.

(1) Cửu là 9, số thành của kim; thất là 7, số thành của hỏa. Kim Hỏa quay về, trở lại ngôi xưa, thì thành Đạo Kim-đơn.

(25)

# TIÊN, HẬU BÁT QUÁI HIỆP NHỨT ĐỒ



VIII. - ĐỒ, THƠ, TIÊN HẬU HIỆP NHỨT  
(HÀ-ĐỒ LẠC-THƠ, TIÊN-THIÊN  
VÀ HẬU-THIÊN HIỆP MỘT)

Hình của Hà Đồ tròn, âm dương hiệp một, là đạo tự nhiên vô-vi. Hình của Lạc-thơ vuông, âm dương chia ngôi, là đạo biến hóa hữu-vi.

Hình của tiên-thiên tròn, âm dương chung Một khí, dùng nghịch mà toàn thuận, cũng là đạo tự nhiên vô-vi. Hình của hậu-thiên vuông, âm dương đã chia đôi, trong thuận lại dùng nghịch, cũng là đạo biến hóa hữu-vi.

Hà-đồ tiên-thiên chủ về việc: Lấy Đạo toàn hình. Lạc-thơ hậu-thiên chủ về việc: Dùng phép diên mạng. Tiên-thiên và hậu-thiên là phần Hà Đồ, Lạc-thơ chú thích. Hà Đồ và Lạc-thơ là số của tiên-thiên, hậu-thiên. Tiên-thiên và hậu-thiên là lý của Hà Đồ, Lạc-thơ. Số nhờ lý mới đặng rõ ràng, lý nhờ số mới có căn-bổn.

Hà Đồ, Lạc-thơ làm biểu lý (trong ngoài) lẫn cho nhau. Tiên-thiên, hậu-thiên cũng làm biểu lý lẫn cho nhau.

Không có Lạc-thơ, thì Hà Đồ không biến hóa. Không có hậu-thiên, thì tiên-thiên không trọn thành.

Hà Đồ là bốn-thể của Lạc-thơ. Lạc-thơ là công-dụng của Hà Đồ.

Tiên-thiên là bốn-thể của hậu-thiên. Hậu-thiên là công-dụng của tiên-thiên.

Thể và dụng có đủ, lý và số gồm trọn, thì cái đạo song tu tánh mạng, chẳng còn chi là giấu giếm nữa.

Bấy giờ hãy bắt chước theo cái bảng-đồ trong vuông ngoài tròn của Thiệu Tử mà đem đặt Hà Đồ trong

Lạc-thơ, tiên-thiên trong hậu-thiên.

Hà Đồ, Lạc-thơ là một bảng-đồ; tiên-thiên, hậu-thiên là một bảng đồ khác, thành ra hai bảng-đồ trong vòng ngoài tròn. Lấy cái nghĩa biến hóa trong vòng ngoài tròn, lại đem bốn bảng-đồ hiệp làm một đồ, để chỉ cái bảng-đồ này là bảng đồ sống, cái lý là lý sống, chẳng đặt lấy bảng-đồ mà nói bảng-đồ, lấy quẻ mà nói quẻ.

Lấy Đạo toàn hình là công-phu trọn thành, không thiếu hụt, đề phòng nguy hiểm. "Thành chi"<sup>(1)</sup> là TÁNH vậy. Dùng phép diên mạng là đạo âm dương thố-tống, phân bốn hườn nguyên, "Minh chi"<sup>(1)</sup> là GIÁO vậy.

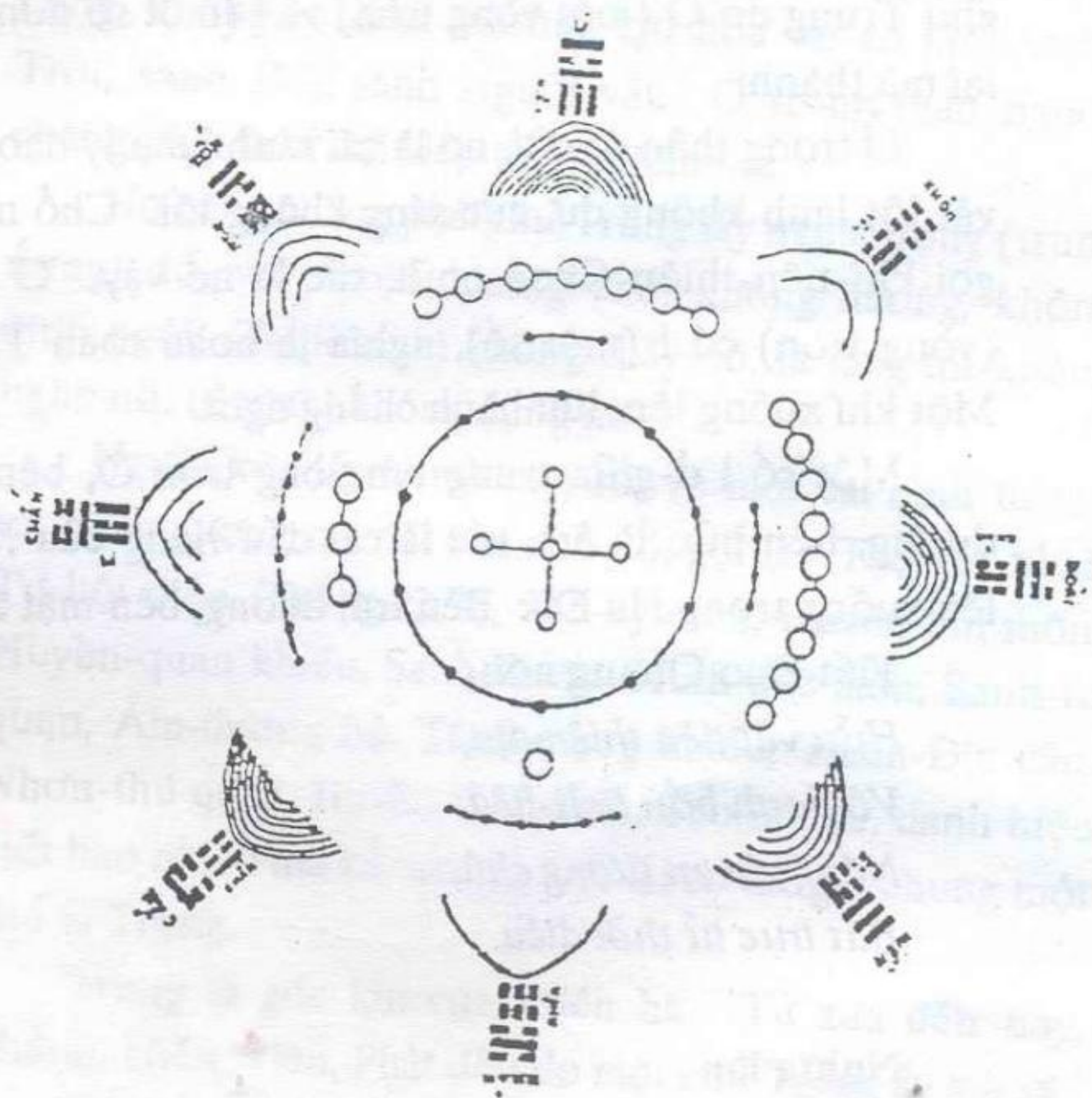
Trong vòng ngoài tròn là: "Tự thành mà minh", tu vô-vi mà bỏ hữu-vi. Còn ngoài vòng trong tròn là "Tự minh mà thành", tu hữu-vi để qua vô-vi. Tu vô-vi thì liễu tánh, tu hữu-vi thì liễu mạng. Liễu tánh là để thành công-phu tiên-thiên. Liễu mạng là đổi hậu-thiên ra tiên-thiên.

Tiên-thiên toàn, hậu-thiên hóa, có và không bất luận, tánh và mạng đều xong, thì hiện ra cái diện-mục hồi cha mẹ chưa sanh, lộ rõ chơn tướng lúc vô thi, ngũ hành không đi tới đó được (không xen lẫn được).

Hà Đồ và Lạc-thơ, bát quái tiên-thiên và hậu-thiên, chỉ có một Lý quán xiêng tất cả, hoàn toàn là Thái-cực. Tới đó muôn hình tượng đều ra không, âm dương cả hai hiệp hóa, không tiếng, không hơi, thiệt là tốt bực.

(1) Nói "thành", nói "minh" là tự nhiên thành minh. Còn nói "thành chi", "minh chi" là phải gắng sức mới đạt tới thành minh.

(26) HÀ-ĐỒ,  
LẠC-THƠ TIÊN-THIÊN HẬU-THIÊN  
HIỆP NHỨT CHI ĐỒ



## IX. - TRUNG ĐỒ

Nho giáo nói: "Chấp trung", Đạo giáo nói: "Thủ trung", Thích giáo nói: "Hư trung". Chữ Trung là tâm pháp của Thánh-nhơn trong Tam giáo, để tu tánh mạng mới thành Đại Đạo.

Ngàn kinh, muôn điển lập đi lập lại, chỉ nói có một chữ này. Theo triện văn (một thứ chữ xưa hình vuông), chữ Trung do O (một vòng tròn) và 1 (một số đứng) hiệp lại mà thành.

Ở trong thân người, nó là cái tánh luân lý đạo đức, là vật tốt lành không dữ, cực sáng không tối. Chỗ người ta gọi khí tiên-thiên Chơn-nhứt, tức là nó vậy. Ở giữa O (vòng tròn) có 1 (một số), nghĩa là hoàn toàn Thiên-lý, Một khí xuống lên, lưu hành chẳng ngớt.

Một số 1 ở giữa trung tim vòng tròn O, bên trái là dương, bên hữu là âm, tức là cái dấu riêng của Một khí lên xuống trong Hà Đồ: Bên trái dương, bên mặt âm.

Tiết Đạo Quang nói:

*Hữu vật tiên thiên địa,*

*Vô danh bốn tịch-liêu.*

*Năng vi vạn tượng chủ,*

*Bất trực tứ thời diêu.*

Nghĩa là:

*Có một vật kia trước Đất Trời,*

*Không tên vốn thiệt bất tâm hơi,*

*Cầm quyền chủ-tể sanh muôn vật,*

*Tám tiết trợ trợ chẳng đối đời.*

Trơ trơ chẳng đối đời tức là vòng tròn O

Làm chủ-tể muôn vật tức là một số |

Cái đó tốt không mà ngậm tốt có, tốt trống mà ngậm tốt đầy, cho nên gọi là Trung.

Chữ Trung này không chênh không lệch, không trước không sau, không trái không mặt, không đầu không đuôi, chẳng phải có, chẳng phải không có, chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, trống mà tròn, không độ lường được, không dạng bóng, mà hay làm chủ muôn dạng bóng, không có hình mà hay tạo hóa vật có hình, sanh Trời, sanh Đất, sanh Người vật. Ở trong thân người, chẳng phải là tứ đại hiệp thành thân thể.

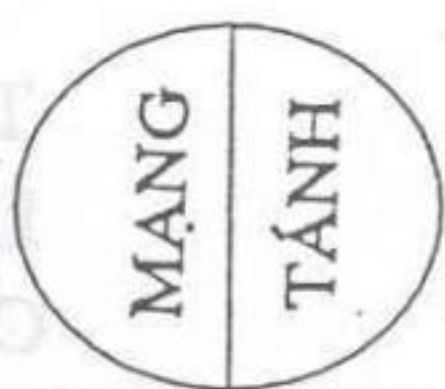
Nó cũng chẳng phải thứ Trung lấy nghĩa trong (trung ương) đối với ngoài. không chỗ, không hướng, không định ngôi. Ta dòm thì không thấy nó, ta lóng thì không nghe nó, ta sờ thì không đụng nó.

Người xưa lấy lý mà suy, rồi vẽ một cái hình tương tự, gắng gượng mà đặt tên cho nó, gọi là: Thập-tự nhai, Tứ-hội điền, Thông-cù lộ, Mồ-kỹ môn, Huyền-tấn môn, Huyền-quan khiếu, Sanh-sát xá, Hình-đức môn, Sanh-tử quan, Âm-dương hộ, Tánh-mạng khiếu, Thiên-Địa căn, Nhơn-thú quan, Huyền-thai đánh, Tạo-hóa lư, danh hiệu biết bao nhiêu mà kể, nhưng tóm lại có thể gọi chung một chữ là Trung.

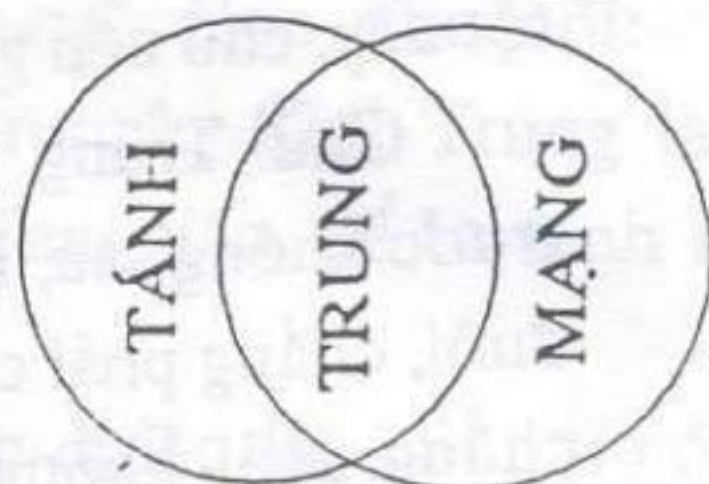
Trung là gốc lớn của thiên hạ. Từ xưa đến nay, Thánh, Hiền, Tiên, Phật đều do một chữ Trung ấy mà ra.

Cái lớn của nó, không có chi lọt ra ngoài; cái nhỏ của nó, không có chi xen vào trong. Hễ phóng nó ra, thì nó tràn đầy sáu hướng; còn thu nó lại, thì nó rút ẩn nơi kín. Ai biết được nó thì lập tức về cõi Thánh, ai không biết nó thì muôn kiếp chịu trầm luân.

Ngôi Trung này là cội của tánh mạng. Ở cảnh tiên-thiên, tánh mạng chỉ có một, hiệp làm Ngôi Trung.....



Ở cảnh hậu-thiên, ngôi Trung chia ra làm hai tánh và mạng.....



Kỳ thiệt, trong hậu-thiên phản lại tiên-thiên, tu tánh trọn rồi, mạng cũng ngưng tụ. Tánh mạng trở về cội, hườn lại ngôi Trung như xưa.

Lão Tử nói: "Cốc-thần bất tử, thị vị Huyền-tấn; Huyền-tấn chi môn, thị vị Thiên Địa căn." Nghĩa là: Cốc-thần chẳng chết, thì gọi là cửa Huyền-tấn; cửa Huyền-tấn thì gọi là gốc sanh Trời Đất.

Tử Dương nói: "Yếu đắc Cốc-thần trường bất tử, tu bằng Huyền-tấn lập căn cơ". Nghĩa là: Muốn đặng Cốc-thần thường chẳng chết, phải dùng Huyền-tấn (âm dương) để làm nền.

Cốc-thần tức là ngôi Trung; Huyền-tấn tức là âm dương, là tánh mạng. Cốc-thần chẳng chết là ngôi Trung ngậm chứa tánh mạng. Huyền-tấn làm nền là tánh mạng hiệp hườn thành ngôi Trung.

Giữ ngôi Trung này là Thánh-nhơn, mất ngôi Trung này là phàm-nhơn. Thánh khác với phàm, chỉ tại khoảng còn, hay mất ngôi Trung đó mà thôi.

Hết thầy những kẻ phàm-phu, bị khí-chất buộc ràng, bị tập-nhiễm lem luốt, nên tánh mạng chia hai nơi mà ở riêng.

Ngôi Trung có chỗ hao kém, càng ngày càng hao kém, thì tánh rối loạn, mạng động lay, thần hôn ám, khí

trước như, làm cho ngôi Trung tán mất. Ngôi Trung đã mất, tánh mạng không gốc, hình tuy động, chớ thần đã tan, thì sao cho bền bỉ được?

Thánh-nhơn trong Tam giáo, lấy ngôi Trung làm gốc, là ý muốn người ta nắm giữ ngôi Trung ấy, để bảo toàn được tánh mạng mà thôi.

Một chữ Trung này, sau như trước, là việc quan trọng nhất cho kẻ tu hành:

Trúc cơ tại đó, thể được tại đó, phanh luyện tại đó, ôn dưỡng tại đó, tiến dương tại đó, thối âm tại đó, kết đơn tại đó, thoát đơn tại đó. Trong phép thất phản cứu hườn, chẳng có một việc gì mà không ở tại đó.

Nhưng chữ Trung này, người không dễ thấy, cũng không dễ biết. Chẳng khá dùng hữu tâm mà cầu, chẳng khá lấy vô tâm mà giữ.

Hữu tâm mà cầu nó, thì ngã về nẻo sắc-tướng; vô tâm mà gồm nó, thì đọa vào chỗ lạng-không. Cả hai đều chẳng phải là Trung-đạo, là ngôi Trung chơn chánh.

Nó chẳng phải có, chẳng phải không, mà tức<sup>(1)</sup> có, tức không. Nó chẳng phải sắc, chẳng phải không, mà tức sắc, tức không.

Nó chẳng chênh lệch theo mặt nào. Phải cầu nó trong cảnh hoảng-hốt, phải tìm nó trong chỗ yếu-minh, mới là mong gặp nó được.

Thiên hạ học Đạo mà chẳng biết chữ Trung này là vật gì: hoặc gọi là huyết Huỳnh-đỉnh; hoặc gọi là huyết Thiên-cốc; hoặc gọi là huyết Bá-hội; hoặc gọi là Giáng-cung; hoặc gọi là Minh-đường; hoặc gọi là

(1) Chữ tức này nghĩa là: không ra ngoài, như có một. Ý nói: Chẳng phải có, mà không ra ngoài cái có. Chẳng phải không, mà không ra ngoài cái không.

Yết-hầu; hoặc gọi là Khoảng giữa hai thận.

Họ nắm giữ huyết khiếu ở trong huyền thân, mà gọi là "Bảo trung thủ nhứt". Họ mong đặng trường sanh, mà chẳng những không đặng sống lâu, lại còn chết gấp là khác. Buồn thay!

Nho-giáo nói: "Hi, nộ, ai, lạc chi vị phát, vị chi Trung" (mừng, giận, buồn, vui chưa phát ra gọi là Trung). Lại nói: "Bất thiên bất ý vị chi Trung" (chẳng chênh lệch, chẳng dựa nương gọi là Trung).

Đạo giáo nói: "Tiền huyền chi hậu, hậu huyền tiền; được vị bình bình, khí tượng tuyền (toàn)". Nghĩa là: Tiền huyền (là trăng mồng 8) về sau, hậu huyền (là trăng 23 về trước), trong lúc đó, mùi thuốc bình bình (vừa phải) thì khí tượng toàn vẹn. Lại nói: "Âm dương đắc loại qui giao cảm, nhị bát tương dương tự hiệp thân". Nghĩa là: Âm dương gặp đồng loại (tiên-thiên như nhau) thì giao cảm, hai bên đủ tám cân bằng nhau thì tự-nhiên mền nhau, hiệp nhau.

Thích giáo nói: "Ngô hữu nhứt vật, thượng trụ Thiên, hạ trụ Địa, vô đầu vô vĩ, vô bối vô diện". Nghĩa là: Ta có một vật, trên chống Trời, dưới chỏi Đất, không đầu không đuôi, không trái không mặt. Lại nói: "Xá-Lị tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc". Nghĩa là: Nầy Xá-Lị tử! Sắc-tướng chẳng khác Chơn-không, Chơn-không chẳng khác sắc tướng, sắc-tướng tức là Chơn-không, Chơn-không tức là sắc-tướng. (Sắc-tướng và Chơn-không chỉ là hai phương diện của một vật, chớ không phải riêng biệt nhau). Những câu nói như vậy đó, đều chỉ chỗ thiệt xứ của ngôi Trung.

Nếu có người để ý tới mấy chỗ này, hết lòng nghiên

cứu, tỵ chánh với các bực chơn-sư, nhận cho ra ngôi Trung chơn chánh, đem cây thiên-trượng xỏ vô lỗ mũi con trâu, thì lập tức lên bờ bên kia, mà chẳng hao một tí lực lượng nào cả. Rồi từ đây tiến thẳng trên con đường cái, chậm rãi mà bước, rốt cuộc có ngày tới nhà (gốc Đạo).

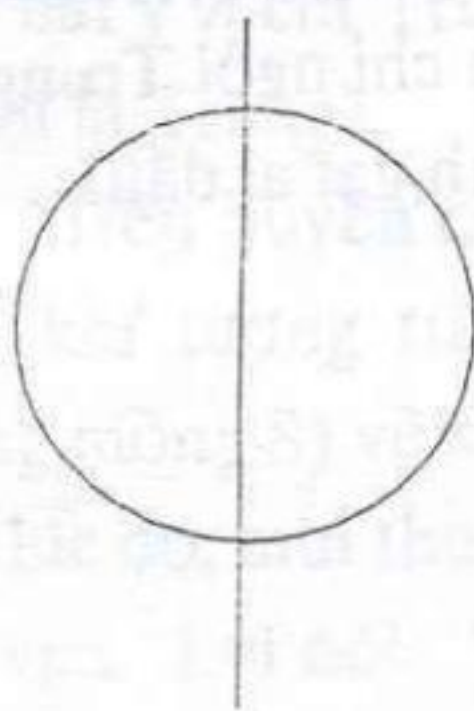
Kinh nói: "Đắc kỳ nhứt, vạn sự tất". Nghĩa là: Đặng ngôi Nhứt rồi (ám chỉ ngôi Trung) thì việc chi cũng xong. Có phải là lời phỉnh gạt ai đâu!

# (27) TRUNG ĐỒ

THẬP TỰ NHAI  
TỬ HỘI ĐIỀN  
THÔNG CỤ LỘ

MỒ KY MÔN

HUYỀN TẤN MÔN  
HUYỀN-QUAN KHIẾU  
SANH-SÁT XÁ



HÌNH-ĐỨC MÔN  
SANH-TỬ QUAN

HỮU-VÔ ĐỊA  
HỮ-LINH KHIẾU

ÂM-DƯƠNG HỘ  
TÁNH MẠNG KHIẾU  
THIÊN-ĐỊA CĂN

NHƠN-THỨ  
QUAN

TẠO-HÓA LƯ  
HUYỀN-THAI ĐÁNH  
CHÚNG-DIỆU MÔN

DÒM NÓ KHÔNG THẤY,  
LÓNG NÓ KHÔNG NGHE,  
NẮM NÓ KHÔNG ĐẶNG.

NGHĨ NÓ THÌ HỎNG,  
BÀN NÓ THÌ SAI,  
TÌM NÓ THÌ KHÔNG CÓ

CHÍ LINH, CHÍ THÁNH  
CHÍ THẦN

SANH THIÊN SANH ĐỊA  
SANH NHƠN

## X. - KIM ĐƠN ĐỒ

Sách Ngộ Chơn nói rằng:

*Đạo tại Hư-vô sanh Nhứt khí,*

*Tiền tàng Nhứt khí sản âm dương.*

*Âm dương tái hiệp thành tam thể,*

*Tam thể trùng sanh vạn vật trường.*

Nghĩa là:

*Đạo ở Hư-vô sanh Một khí,*

*Rồi do Một khí, rẽ âm dương.*

*Âm dương hiệp lại, thể (thứ) ba hiện,*

*Cứ hiện thể ba, vật phát trường.*

Chỗ gọi Hư-vô Nhứt khí đây là cõi Trời Đất, là nguồn âm dương, là tổ muôn vật, tức là Kim-đơn đó.

Kẻ thế không rõ Kim-đơn là việc gì, là vật chi, nên độ chừng nó ở trong thân thể có hình, có dạng của ta đây. Hoặc tưởng nó là loài kim, loài đá luyện thành; hoặc tưởng nó là khí huyết của con trai, con gái kết nên; hoặc tưởng nó là cái tâm giao cùng cái thận mà độn kết lại; hoặc tưởng nó là do tinh thần qui tụ mà có; hoặc cho nó ở tại Đơn-điền, Khí-hải; hoặc cho nó ở Huỳnh-đỉnh, Nê-hoàn; hoặc cho nó ở Minh-đường, Ngọc-chấm; hoặc cho nó ở khoảng giữa hai thận.

Những điều sai lầm như thế, không sao kể xiết, đều là chuyện đưa gạch mà gạt là ngói, nhìn giả mà gọi là chơn. Cho nên nói: người học Đạo như lông trâu, còn kẻ thành Đạo như sừng lân là vậy (Lân chỉ có một sừng).

Kim có nghĩa bền bỉ, chẳng hoại (như ngọc Kim cương).

Đơn có nghĩa sáng suốt, không tối (hình chữ đơn như chữ minh do hai chữ bộ nhứt và bộ nguyệt hiệp thành).

Sao mà chẳng biết Kim-đơn, tức là cái khí Bốn-lai tiên-thiên Chơn-nhứt vậy kìa! Cái khí nhờ lửa trui-rèn rồi, thì dầu trái muôn ngàn kiếp cũng không hoại, cho nên gọi là KIM-ĐƠN.

Thứ đơn này tốt không mà ngậm tốt có, tốt trống mà ngậm tốt đầy, không hình, không dạng. Bốn-thể của nó ở trước Trời, còn sau Trời là công-dụng của nó.

Chẳng thể lấy trí biết mà biết nó, lấy sức hiểu mà hiểu nó, càng nghĩ càng sai, càng bàn càng trật. Người xưa gắng gượng vẽ ra hình O, gắng gượng đặt tên là Đạo, Hư-vô, Tiên-thiên Nhứt-khí, Vô-cực, Thái-cực. Người ta gọi: Đạo, là chỉ một cái tên mà không tên, gọi: Hư-vô, Vô-cực, là nói về lúc chưa sanh vật, gọi: Thái-cực, Nhứt-khí, là nói về lúc vừa sanh vật.

Kỳ thiệt, Hư-vô, Vô-cực, Thái-cực, Nhứt-khí, đều chỉ một việc, một vật là Đạo mà thôi, chớ không phải hai việc, hai vật khác nhau. Cái việc cái vật này là Kim-đơn, ở trong Hà Đồ Lạc-thơ, tức là Một điểm ở trong số 5 tại giữa.

Theo tiên-thiên, hậu-thiên, nó là cái khiếu ở giữa hai khí âm dương dương hiệp cùng nhau.

Cái khiếu này người người đều sẵn có, ai ai cũng trọn đủ: Chẳng phải ở bậc thánh mà thêm, chẳng phải ở người phàm mà bớt. Chỉ vì con người bị khí chất buộc ràng, tập-quán lem luốt, nên thuận theo khí âm hậu-thiên mà quên Tông-tổ, trôi nổi mà quên trở về, chẳng còn biết

đâu là bờ bến.

Từ xưa, những bậc Thánh Hiền từ-bi độ thế, bày ra đạo hữu-vi Kim-đơn, để thức tỉnh người đời. Đó là muốn cho mọi người đều biết trở về gốc để phục mạng (qui căn phục mạng), đem cái vật buổi ban sơ kia trở về chỗ cũ mà thôi.

Cái phương pháp này có hai đoạn:

1. là hữu-vi,
2. là vô-vi. Vô-vi, tức là cái lý Nhứt-khí hồn-nhiên (không xen lộn chi khác) của âm dương cùng hiệp trong Hà Đồ, của âm dương cùng giao trong tiên-thiên đồ.

Hữu-vi, tức là cái lý lưỡng nghi biến hóa của âm dương, loạn động trong Lạc-thơ, của âm dương sanh khác trong hậu-thiên đồ.

Người bậc thượng trí hành đạo vô-vi, để ôn dưỡng cái này O. Còn kẻ bậc trung, bậc hạ hành đạo hữu-vi theo chỗ không mà giữ cái có, để phục lại cái này O.

Kỳ thiết, cái này đến lúc phục lại được rồi, thì qui về vô-vi như trước. Vô-vi đến mức cuối cùng của nó, thì có một điểm tròn vìn, sáng rõ, sạch tốt, đỏ tươi, chắc chắn, vững vàng, lâu dài không hoại, vọt khỏi ngũ hành, ra ngoài âm dương, thì mạng ta do ta cầm chẳng còn do Trời nữa.

Nhưng Đại Đạo của Thánh Hiền, môn học "cùng lý, tận tánh, chí mạng" có công trình, có thứ tự, có văn phanh, có võ luyện, có gấp huấn, có trước sau, có lúc đủ thì phải nghỉ v.v... Nếu sai một mảy lông thì lạc xa ngàn dặm.

Vậy muốn làm Đạo, thì trước phải học cho biết. Biết một phần thì làm một phần, biết mười phần thì làm mười phần.

Kẻ thế gian còn mê muội, gắng gượng hành động trên cái bịt da đưng đồ thúì (khu-xác hữu hình), mà gọi là tu trì tánh mạng.

Đó chẳng phải tu dưỡng tánh mạng, mà là phá hoại tánh mạng. Tánh mạng còn không biết, mà vọng tưởng trường-sanh, có phải là ngu đại không?

Mạng là tiên-thiên chánh-khí, tánh là tiên-thiên nguơn-thần. Mạng thuộc dương, tánh thuộc âm, Tánh mạng hiệp nhau, âm dương chung một, ấy là Kim-đơn. Kim-đơn là tên riêng của tánh mạng kết tụ trong chỗ Hư-vô, chớ không phải là một vật do thân thể con người sản xuất.

Chẳng biết tánh mạng là gì, thì làm sao tu trì tánh mạng được? Chẳng biết Kim-đơn là chi, thì làm sao đoàn kết Kim-đơn được? Cho nên cái công-phu "cùng lý" cần phải lo đầu tiên.

Nếu quả thiệt tìm thấy chỗ áo diệu của Hà Đồ, Lạc-thơ và cơ bí mật của tiên-thiên, hậu-thiên, thì vũ-trụ ở trong lòng bàn tay ta, muôn việc hóa sanh ở trong thân thể ta, nơi cõi đất này (đại địa), Huỳnh-nha này lớn cùng khắp Kiền Khôn, Kim-hoa nở hoát, mỗi lần bước, mỗi lần chạy (mỗi cử chỉ) đều là Đại Đạo.

Khi qui tụ ngũ hành, hòa hiệp âm dương, phục lại cái Bốn-lai diện-mục của ta lúc mới sanh, Kim-đơn kết thì công phu hậu-thiên hữu-vi theo Lạc-thơ đã xong.

Rồi lại còn tu thêm phép ôn dưỡng, cho trọn cái đạo tiên-thiên vô-vi theo Hà Đồ, để phục lại cái diện-mục của cha mẹ ta chưa sanh ta về trước. Phải đánh phá Hư-không cho tới chỗ không hơi không tiếng (vô thanh vô xú), thì bốn phận của người Đại trượng-phu mới trọn vẹn.

Ôi! Tánh do nơi mỗi người tìm hiểu, còn mạng thì  
cây phải có thầy truyền. Nếu ai chẳng đặng khẩu-quyết,  
mà cưỡng nghị bàn thì cũng vô ích thôi.

Vô tâm hơn tịch liêu  
Đạo pháp truyền đời  
Đạo pháp truyền đời  
Liêu tâm công dụng, lấy quả Truyền...  
khí-hậu. Đó là khí lực phát...  
cơ (chưa thể phân...)

Đạo pháp truyền đời  
Liêu tâm công dụng, lấy quả Truyền...  
Đó là đạo pháp...  
đương cũng rõ ràng, mà cũng là một khí lực phát...

Quán Thâm Đông Khố hiện thời của...  
sơn thời này...  
của ta của các quốc... Đạo Khổng...  
bề ngoài...  
đồng...  
thực dụng...  
đương.

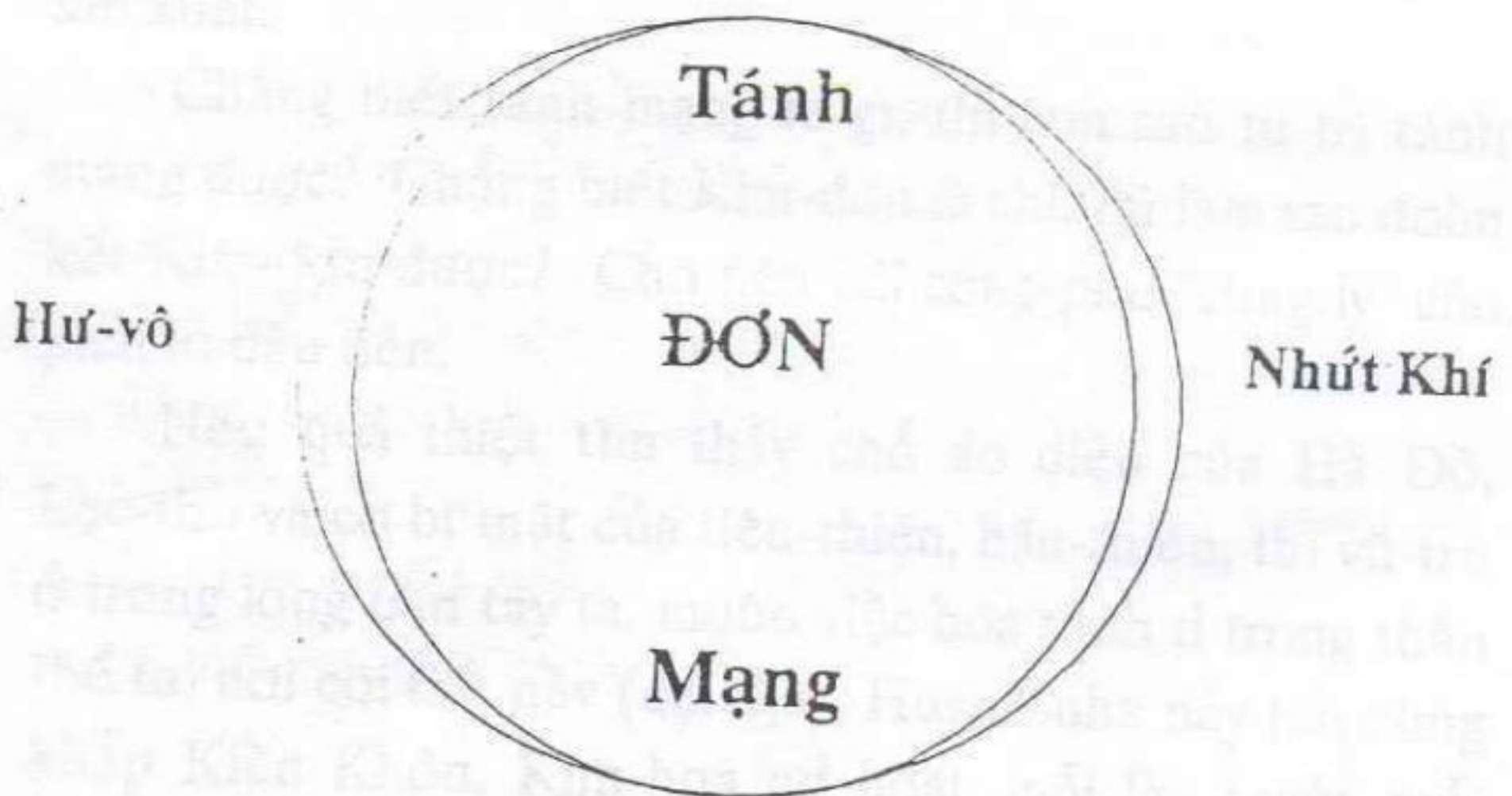
Lại nữa...  
được...  
khấn...  
Ngày...  
quốc...  
đang...  
sang...  
Đạo...

Một...  
ngoài...

## (28) KIM ĐƠN ĐỒ

Hữu vật tiên Thiên Địa,  
Vô danh bốn tịch liêu.  
Năng vi vạn tượng chủ,  
Bất trực tứ thời điều.

Vô - Cực



Thái - Cực

Đồng hành, đồng tọa, hựu đồng miên.  
Hoảng hốt, yếu-minh, tại diện tiền.  
Nhận đặc, thâm qui lư nội luyện,  
Công hoàn thập ngoạt, hóa Kim-thiên.

## XI. - ĐẢNH LƯ, DƯỢC-VẬT, HỎA-HẬU TOÀN ĐỒ

Đạo Kim-đơn hữu-vi tức là đạo Tiên-thiên biến dịch.

Đạo biến dịch lấy Kiền Khôn làm bốn-thể, lấy Khảm Li làm công dụng, lấy quẻ Truân, quẻ Mông... 60 quẻ làm khí-hậu. Đó là khí lưu hành đi giáp vòng rồi, trở lại y chỗ cũ (châu nhi phục thi).

Đạo Kim-đơn lấy Kiền Khôn làm đánh lư, lấy Khảm Li làm dược-vật, lấy Truân Mông... 60 quẻ làm hỏa-hậu. Đó là hai khí âm dương luân phiên vận chuyển: âm rồi dương, dương rồi âm, mà cũng là Một khí lưu hành.

Cuốn Tham Đồng Khế tiên chú của Từ Chơn Nhơn soạn nói rằng: "Kiền Khôn là nhà cửa của Dịch Học, là cha mẹ của các quẻ. Còn Khảm Li như vòng lớn bao vây bề ngoài. Kiền Khôn tịnh ti như chánh trực, Khảm Ly động ti như tum xe. Bốn quẻ tấn mấu (âm dương) là thác-dược (ống bể thông khí) bao trùm cả đạo âm dương".

Lại nói: "Mỗi tháng có 5, 6 (5 lần 6 là 30 ngày); đường kinh đường vĩ (quái tượng) theo mặt Nhật điều khiển, cộng chung là 60. Cang nhu có trong, có ngoài. Ngày sớm mai mông một, quẻ Truân trị sự; tới chiều tối quẻ Mông mới lãnh việc. Ngày đêm hiệp thành hai quẻ, dùng nó phải theo thứ tự. Ký-tế, Vị-tế tới hết tối lại sáng, rớt cuộc cũng trở lại ban sơ. Mặt Nhật, mặt Nguyệt làm chứng mực, động tịnh có sớm chiều.

"Mùa xuân, mùa hạ, hãy căn cứ vào nội thể, từ giờ tý cho tới thìn tị. Mùa thu, mùa đông, thì công-dụng phải ở ngoài, từ giờ ngọ cho tới tuất hợi.

Thượng phạt ứng với xuân thu, sáng tối thuận theo lạnh nóng, trong hào tử có nhân nghĩa, tùy thời mà phát hỉ nộ. Ứng theo bốn mùa như vậy, thì mới đúng lý của ngũ hành."

Đây là nói Đạo Kim-đơn chẳng ra ngoài đạo biến dịch. Còn đạo biến dịch chẳng ra ngoài đạo Tạo-hóa của Trời Đất, nhật nguyệt, âm dương.

Người thường lấy cang kiện làm Đánh, nhu thuận làm Lư, thì Kiên Khôn, đánh lư đã lập rồi. Người hay giữ nhơn-tâm được trống, thì linh-tánh không mê, phát khởi Đạo-tâm. Hể chánh-khí thường gìn giữ, thì Khảm Li, dục-vật đã dặng rồi.

Đánh lư đã lập, dục-vật đã dặng, tự nhiên y theo Trời Đất, noi theo nhật nguyệt: Hể đáng cang kiện thì cang kiện hẳn, mà cang kiện phải qui về trung chánh. Còn đáng nhu thuận thì nhu thuận ngay, mà nhu thuận phải qui về trung chánh.

Nhân nghĩa đồng hành, động tịnh như một, ngày tự cường (kiên), đêm nơm nớp (tích), công-phu chớ thiếu sót, đi cặp với thời tiết, tùy cơ mà ứng biến, tức là dùng bốn quẻ Kiên, Khôn, Khảm, Li làm ống bể đó.

Khởi đầu ở Truân, Mông, rốt dứt nơi Ký-tế, Vị-tế, tức là thượng phạt ứng với xuân thu, sáng tối thuận theo lạnh nóng, trong hào tử có nhân nghĩa, tùy thời mà phát hỉ, nộ.

Một bộ Dịch-lý nằm trong tác lòng của ta, thì có lo gì Đại Đạo không thành, tánh mạng chẳng tu xong vậy.

Tử-Dương Ông nói rằng:

*Tiên bá Kiên Khôn vi đánh khí*

*Thứ đoàn ô thổ dục lai phan*

*Ký xu nhị vật qui Huỳnh-đạo,  
Tranh đắc Kim-đơn bất phát sanh?*

Nghĩa là:

*Trước dụng Kiên Khôn làm cái Đánh,  
Kế đem qua thỏ thuốc chưng phanh.  
Đã xua hai vật về Huỳnh-đạo,  
Không lẽ Kim-đơn chẳng phát sanh?*

Bài thi này tiết lộ hết cái bí-pháp Thiên-cơ của phép luyện đơn, không còn chi giấu giếm nữa.

Nay lập cái bảng-đồ chung cho: đánh lư, dược-vật, hòa-hậu, lấy quẻ Kiên ở trên làm đánh, lấy quẻ Khôn ở dưới làm lư, hai quẻ Khâm Li ở giữa làm dược-vật.

Bốn quẻ sắp để phía ngoài, là tượng hình ống bể của âm dương. Còn kỳ dư là 60 quẻ, khởi từ quẻ Truân, Mông, dứt ở quẻ Ký-tế, Vị-tế, sắp để phía trong, là tượng hình hòa-hậu buổi mơi buổi chiều.

Truân là dương khí động ở trong âm khí,  
Mông là dương khí hãm ở trong âm khí.  
Ký-tế nghĩa là âm dương đã hiệp trợ nhau,  
Vị-tế nghĩa là âm dương chưa giao tiếp nhau.

Khi dương khí mới động thì phò dương, cho nên phải tiến dương-hóa, là công-phu buổi mơi.

Khi dương khí bị hãm thì dưỡng dương, cho nên vận âm-phù, là công-phu buổi chiều.

Ký-tế là âm dương đã hiệp, thì phải tùy thời mà giữ hai bên hiệp. Giữ hai bên hiệp là mượn khí âm để dưỡng trọn khí dương.

Vị-tế là âm dương chưa giao, thì phải chờ thời mà giúp hai bên giao. Giúp hai bên giao là mượn khí dương

để bổ trợ khí âm.

Mượn khí dương để bổ trợ khí âm tức là tiến dương hóa, từ quẻ Truân cho tới quẻ Ký-tế, cộng là 30 quẻ, cốt để đạt tới Ký-tế.

Mượn khí âm để dưỡng trọn khí dương tức là vận âm-phù, từ quẻ Mông cho tới quẻ Vị-tế, cộng là 30 quẻ, cốt để phòng ngừa bất tế.

Khởi ở quẻ Truân, quẻ Mông; dứt ở quẻ Ký-tế, quẻ Vị-tế. Kỳ dư 56 quẻ giữa đều là công việc của âm-phù, dương-hóa cả. Hãy loại suy thì rõ.

Nhưng chỗ diệu dụng của các quẻ đều ở tại Khảm Li, âm dương kiện thuận, mà qui về trung chánh đó thôi.

Kiện thuận mà trung chánh, thì trước là Truân, Mông, sau là Ký-tế, Vị-tế, đều là hành động tự nhiên như vậy, chẳng chút chi gắng gượng cả.





## XII. - DƯƠNG HÓA, ÂM-PHÙ LỤC ÂM, LỤC DƯƠNG TOÀN ĐỒ

Đại Đạo Kim-đơn chia làm hai đoạn công-phu:

1. Tiến dương-hóa.
2. Vận âm-phù (cũng gọi là thối âm-phù).

Tiến dương-hóa, nghĩa là trong khí âm trở lại sanh khí dương, tiến thêm đức cang kiện, ngô hầu phục lại khí tiên-thiên. Vận âm-phù, nghĩa là trong khí dương dùng khí âm, vận giúp đức nhu thuận, ngô hầu nuôi lớn khí tiên-thiên.

Tiến dương-hóa thì phải tiến dương cho tới sáu hào dương dạng thuần toàn, tốt bậc cang kiện, mới là rồi công phu dương-hóa. Vận âm-phù thì phải vận âm cho tới sáu hào âm dạng thuần toàn, tốt bậc nhu thuận, mới là rồi công-phu âm-phù.

Công-phu của dương-hóa và âm-phù đã tới cùng bậc rồi thì cang nhu bằng nhau, kiện thuận gồm đủ, trong dương có âm, trong âm có dương, âm dương chung Một khí, hoàn toàn là Thiên-ly, toàn vẹn, sáng rõ, sạch tốt, đở tươi.

Tới đây, Thánh-thai đã trọn thành, một hột Thử-mề bửu châu treo ở giữa Thái-hư không-trung, lạng lẽ chẳng động, nhưng xúc đến liền hay; xúc đến liền hay, nhưng lạng lẽ chẳng động; thường ứng, thường tịnh, thường ứng, thường ứng, thì Bốn-lai lương-tri, lương-năng đã lộ diện-mục hoàn toàn. Đó là chỗ gọi:

Nhứt liệp Kim-đơn thân nhập phúc,  
Thi tri ngã mạng bất do Thiên.

Nghĩa là:

Một hột Kim-đơn nuốt xuống bụng,  
Mới hay Bốn-mạng chẳng do Trời.

Rồi tu thêm một từng công-phu tới nữa, luyện thần  
huồn hư, đánh phá Hư-không, đem cái Chơn-thân xuất ra  
ngoài, đời đời chẳng hư hoại. Đó là chỗ gọi:

Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị Thần.

Đặng vậy thì đã tới cảnh:

Hình thần đều đặng huyền diệu,  
Cùng Đạo hiệp một lẽ chơn.

Nay vẽ ra bảng-đồ chung cho lục dương, lục âm,  
dương-hỏa, âm-phù, thì dùng 12 quẻ là:

- |                         |                     |
|-------------------------|---------------------|
| 1. Địa-lôi phục         | 7. Thiên-phong cấu, |
| 2. Địa-trạch lâm,       | 8. Thiên-sơn độn,   |
| 3. Địa-thiên thái,      | 9. Thiên-địa bi,    |
| 4. Lôi-thiên đại-tráng, | 10. Phong-địa quan, |
| 5. Trạch-thiên khoải,   | 11. Sơn-địa bác,    |
| 6. Kiền vi thiên,       | 12. Khôn vi địa.    |

thì sắp để phía ngoài. Còn kỳ dư 52 quẻ khác, thì  
sắp để vào trong. Tuy thấy có 64 quẻ, chớ rút lại chỉ có  
12 quẻ gồm trị hết.

Theo quẻ Phục có một hào dương tiến, thì những  
quẻ khác có một vạch dương cũng đều ở trong đó. Theo  
quẻ Lâm có hai hào dương tiến, thì những quẻ khác có  
hai vạch dương cũng đều ở trong đó. Cho đến: ba vạch

dương, bốn vạch dương, năm vạch dương đều cũng y như vậy.

Vận âm thì cũng y như thế.

Bên trái là những quẻ dương, trước phải tiến dương-hóa, để phục lại khí tiên-thiên.

Nhờ trước "phục lại", kế sau "nuôi lớn", mà khí tiên-thiên đoàn kết, tánh mạng vững-vàng, thì công-phu hữu-vi và vô-vi của Đạo Kim-đơn đã trọn xong rồi.

Cái bảng-đồ này làm biểu-lý (tuồng trong, tuồng ngoài) với bảng-đồ trước. Cái bảng-đồ trước chỉ công-phu theo hóa-hậu; còn cái bảng-đồ này chỉ thứ tự của hóa-hậu.

Dụng công cho y thứ tự, y thứ tự mà dụng công, mỗi bước chơn đạp lên đất chắc (căn cứ trên Chơn-lý) mà đi tới, tự-nhiên sẽặng thêm nhiều ích lợi. Vậy mới là tránh khỏi cái sai mảy lông, lạc xa ngàn dặm.

## CHUNG

